

# EPSON

## ET-M1120 / M1120 Series

# Sổ hướng dẫn sử dụng

## Mục lục

### Giới thiệu về tài liệu hướng dẫn này

|                                                             |   |
|-------------------------------------------------------------|---|
| Giới thiệu hướng dẫn sử dụng. . . . .                       | 5 |
| Sử dụng hướng dẫn sử dụng để tìm kiếm thông tin. . . . .    | 5 |
| Dấu hiệu và biểu tượng. . . . .                             | 6 |
| Các mô tả được sử dụng trong hướng dẫn sử dụng này. . . . . | 7 |
| Tham khảo Hệ điều hành. . . . .                             | 7 |

### Hướng dẫn quan trọng

|                                                                                     |    |
|-------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Hướng dẫn an toàn. . . . .                                                          | 8  |
| Hướng Dẫn An Toàn Đối Với Mục. . . . .                                              | 8  |
| Lời khuyên và cảnh báo của máy in. . . . .                                          | 9  |
| Khuyến Nghị Và Cảnh Báo Về Cách Thiết Lập Máy in. . . . .                           | 9  |
| Khuyến Nghị Và Cảnh Báo Về Cách Dùng Máy In. . . . .                                | 9  |
| Khuyến Nghị Và Cảnh Báo Về Cách Vận Chuyển Hoặc Bảo Quản Máy In. . . . .            | 10 |
| Lời khuyên và cảnh báo dành cho việc sử dụng máy in bằng kết nối không dây. . . . . | 10 |
| Lưu ý đối với mật khẩu quản trị viên. . . . .                                       | 10 |
| Giá trị mặc định của mật khẩu quản trị viên. . . . .                                | 10 |
| Chưa cài đặt mật khẩu quản trị viên. . . . .                                        | 11 |
| Thay đổi mật khẩu quản trị viên. . . . .                                            | 11 |
| Các thao tác yêu cầu bạn nhập mật khẩu quản trị viên. . . . .                       | 11 |
| Khởi tạo mật khẩu quản trị viên. . . . .                                            | 11 |
| Bảo vệ thông tin cá nhân của bạn. . . . .                                           | 11 |

### Những điều cơ bản về máy in

|                                           |    |
|-------------------------------------------|----|
| Tên và chức năng của các bộ phận. . . . . | 13 |
| Bảng điều khiển. . . . .                  | 14 |
| Các nút và chức năng. . . . .             | 14 |
| Đèn và trạng thái máy in. . . . .         | 15 |

### Cài đặt mạng

|                                                        |    |
|--------------------------------------------------------|----|
| Loại kết nối mạng. . . . .                             | 18 |
| Kết nối Wi-Fi. . . . .                                 | 18 |
| Kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản). . . . .            | 18 |
| Kết nối với máy tính. . . . .                          | 19 |
| Kết nối với thiết bị thông minh. . . . .               | 20 |
| Thực hiện cài đặt Wi-Fi trên máy in. . . . .           | 20 |
| Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng thiết lập nút ấn. . . . . | 21 |

|                                                               |    |
|---------------------------------------------------------------|----|
| Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng thiết lập mã PIN (WPS). . . . .  | 22 |
| Thực hiện cài đặt kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản). . . . . | 23 |
| Kiểm tra tình trạng kết nối mạng. . . . .                     | 24 |
| Kiểm tra trạng thái mạng bằng đèn mạng. . . . .               | 24 |
| In báo cáo kết nối mạng. . . . .                              | 24 |
| In tờ tình trạng mạng. . . . .                                | 30 |
| Thay thế hoặc thêm bộ định tuyến không dây mới. . . . .       | 30 |
| Thay đổi phương thức kết nối với máy tính. . . . .            | 31 |
| Khôi phục cài đặt mạng từ bảng điều khiển. . . . .            | 31 |

### Chuẩn bị máy in

|                                               |    |
|-----------------------------------------------|----|
| Nạp trang. . . . .                            | 33 |
| Các loại giấy sẵn có và các khả năng. . . . . | 33 |
| Nạp giấy vào Hộc Đựng Giấy. . . . .           | 35 |
| Nạp bì thư và thận trọng. . . . .             | 38 |
| Danh sách loại giấy. . . . .                  | 38 |
| Tiết kiệm điện. . . . .                       | 39 |
| Tiết Kiệm Điện — Windows. . . . .             | 39 |
| Tiết Kiệm Điện — Mac OS. . . . .              | 39 |

### In

|                                                                       |    |
|-----------------------------------------------------------------------|----|
| In từ trình điều khiển máy in trên Windows. . . . .                   | 41 |
| Truy cập trình điều khiển máy in. . . . .                             | 41 |
| Những điều cơ bản về in. . . . .                                      | 41 |
| In 2 Mặt. . . . .                                                     | 43 |
| In một vài trang trên một tờ. . . . .                                 | 44 |
| In và xếp chồng theo thứ tự trang (In theo thứ tự đảo ngược). . . . . | 44 |
| In tài liệu phóng to hoặc thu nhỏ. . . . .                            | 45 |
| In một hình ảnh trên nhiều tờ để phóng to (tạo áp phích). . . . .     | 45 |
| In với phần đầu để và chân trang. . . . .                             | 51 |
| In hình mờ. . . . .                                                   | 52 |
| In nhiều tệp cùng lúc. . . . .                                        | 52 |
| Điều chỉnh màu in. . . . .                                            | 53 |
| In để làm nổi bật các đường mỏng. . . . .                             | 54 |
| In nâng cao phần chữ và đường nét mảnh. . . . .                       | 54 |
| In mã vạch rõ ràng. . . . .                                           | 55 |
| Hủy in. . . . .                                                       | 55 |
| Tùy chọn menu cho trình điều khiển in. . . . .                        | 55 |
| In từ trình điều khiển máy in trên Mac OS. . . . .                    | 58 |
| Những điều cơ bản về in ấn. . . . .                                   | 58 |
| In một vài trang trên một tờ. . . . .                                 | 60 |

## Mục lục

|                                                                        |    |
|------------------------------------------------------------------------|----|
| In và xếp chồng theo thứ tự trang (In theo thứ tự đảo ngược) . . . . . | 60 |
| In tài liệu phóng to hoặc thu nhỏ. . . . .                             | 61 |
| Hủy in. . . . .                                                        | 61 |
| Tùy chọn menu cho trình điều khiển in. . . . .                         | 62 |
| Đặt các thiết lập vận hành cho trình điều khiển máy in Mac OS. . . . . | 63 |
| In từ thiết bị thông minh. . . . .                                     | 63 |
| Sử dụng Epson iPrint. . . . .                                          | 63 |
| Sử dụng Epson Print Enabler. . . . .                                   | 65 |
| Hủy in — Nút máy in. . . . .                                           | 65 |

**Nạp lại mực**

|                                      |    |
|--------------------------------------|----|
| Kiểm tra mức mực. . . . .            | 66 |
| Mã lọ mực. . . . .                   | 66 |
| Phòng ngừa khi xử lý lọ mực. . . . . | 67 |
| Nạp lại mực cho hộp mực. . . . .     | 68 |

**Bảo trì máy in**

|                                                                                     |    |
|-------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Ngăn ngừa tình trạng đầu in bị khô. . . . .                                         | 74 |
| Kiểm tra xem kim phun có bị tắc không (Kiểm tra kim phun). . . . .                  | 74 |
| Kiểm tra xem kim phun có bị tắc không (Kiểm tra kim phun) — Các nút máy in. . . . . | 74 |
| Kiểm tra xem kim phun có bị tắc không (Kiểm tra kim phun) — Windows. . . . .        | 75 |
| Kiểm tra xem kim phun có bị tắc không (Kiểm tra kim phun) — Mac OS. . . . .         | 76 |
| Làm sạch đầu in (Vệ sinh đầu in). . . . .                                           | 77 |
| Làm sạch đầu in — Các nút máy in. . . . .                                           | 78 |
| Làm sạch đầu in — Windows. . . . .                                                  | 78 |
| Làm sạch đầu in — Mac OS. . . . .                                                   | 78 |
| Làm sạch mạnh đầu in (Vệ Sinh Tăng Cường). . . . .                                  | 79 |
| Chạy Vệ Sinh Tăng Cường — Windows. . . . .                                          | 79 |
| Chạy Vệ Sinh Tăng Cường — Mac OS. . . . .                                           | 80 |
| Căn chỉnh Đầu In. . . . .                                                           | 80 |
| Căn chỉnh Đầu In — Windows. . . . .                                                 | 80 |
| Căn chỉnh Đầu In — Mac OS. . . . .                                                  | 80 |
| Vệ sinh đường dẫn giấy. . . . .                                                     | 81 |
| Làm sạch đường dẫn giấy — Windows. . . . .                                          | 81 |
| Làm sạch đường dẫn giấy — Mac OS X. . . . .                                         | 81 |
| Vệ sinh đường dẫn giấy cho vấn đề nạp giấy. . . . .                                 | 81 |
| Vệ sinh phim mờ. . . . .                                                            | 83 |
| Kiểm tra tổng số giấy đã nạp qua máy in. . . . .                                    | 85 |
| Kiểm tra tổng số trang được nạp qua máy in — Các nút trên máy in. . . . .           | 85 |
| Kiểm tra tổng số giấy đã nạp qua máy in — Windows. . . . .                          | 86 |

|                                                            |    |
|------------------------------------------------------------|----|
| Kiểm tra tổng số trang đã nạp qua máy in — Mac OS. . . . . | 86 |
|------------------------------------------------------------|----|

**Dịch vụ mạng và thông tin phần mềm**

|                                                                     |    |
|---------------------------------------------------------------------|----|
| Ứng dụng định cấu hình thao tác máy in (Web Config). . . . .        | 87 |
| Chạy Web Config trên Trình duyệt web. . . . .                       | 87 |
| Chạy Web Config trên Windows. . . . .                               | 87 |
| Chạy Web Config trên Mac OS. . . . .                                | 88 |
| Ứng dụng để in trang web (E-Web Print). . . . .                     | 88 |
| Công cụ cập nhật phần mềm (EPSON Software Updater). . . . .         | 89 |
| Ứng dụng để định cấu hình nhiều thiết bị (EpsonNet Config). . . . . | 89 |
| Cài đặt ứng dụng mới nhất. . . . .                                  | 90 |
| Cập nhật ứng dụng và phần mềm điều khiển. . . . .                   | 91 |
| Gỡ cài đặt ứng dụng. . . . .                                        | 91 |
| Gỡ cài đặt ứng dụng — Windows. . . . .                              | 91 |
| Gỡ cài đặt ứng dụng — Mac OS. . . . .                               | 92 |
| In bằng dịch vụ mạng. . . . .                                       | 93 |

**Giải quyết vấn đề**

|                                                               |     |
|---------------------------------------------------------------|-----|
| Kiểm tra trạng thái máy in. . . . .                           | 94  |
| Đèn và trạng thái máy in. . . . .                             | 94  |
| Kiểm tra trạng thái máy in — Windows. . . . .                 | 96  |
| Kiểm tra trạng thái máy in — Mac OS. . . . .                  | 96  |
| Kiểm tra trạng thái phần mềm. . . . .                         | 96  |
| Gỡ bỏ giấy bị kẹt. . . . .                                    | 96  |
| Gỡ bỏ giấy bị kẹt từ bên trong máy in. . . . .                | 97  |
| Gỡ bỏ giấy bị kẹt từ Nắp Đậy Phía Sau. . . . .                | 98  |
| Giấy nạp không chính xác. . . . .                             | 99  |
| Kẹt Giấy. . . . .                                             | 99  |
| Bộ Nạp Giấy Bị Nghiêng. . . . .                               | 100 |
| Nạp Nhiều Tờ Giấy Mỗi Lần. . . . .                            | 100 |
| Các vấn đề với bảng điều khiển và nguồn điện. . . . .         | 100 |
| Nguồn điện không bật. . . . .                                 | 100 |
| Nguồn điện không tắt. . . . .                                 | 100 |
| Tắt nguồn tự động. . . . .                                    | 100 |
| Không thể in từ máy tính. . . . .                             | 101 |
| Kiểm tra kết nối (USB). . . . .                               | 101 |
| Kiểm tra kết nối (Mạng). . . . .                              | 101 |
| Kiểm tra phần mềm và dữ liệu. . . . .                         | 102 |
| Kiểm tra trạng thái của máy in từ máy tính (Windows). . . . . | 104 |
| Kiểm tra trạng thái của máy in từ máy tính (Mac OS). . . . .  | 104 |
| Khi bạn không thể đặt cài đặt mạng. . . . .                   | 105 |

**Mục lục**

|                                                                                       |     |                                               |     |
|---------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----------------------------------------------|-----|
| Không thể kết nối từ thiết bị mặc dù không có vấn đề gì với các cài đặt mạng. . . . . | 105 | Thương hiệu. . . . .                          | 124 |
| Khi bạn không thể kết nối bằng Wi-Fi Direct (AP đơn giản). . . . .                    | 106 | Nơi nhận trợ giúp. . . . .                    | 125 |
| Kiểm tra SSID được kết nối với máy in. . . . .                                        | 108 | Trang web hỗ trợ kỹ thuật. . . . .            | 125 |
| Kiểm tra SSID cho máy tính. . . . .                                                   | 108 | Liên hệ với bộ phận hỗ trợ của Epson. . . . . | 125 |
| Các vấn đề in. . . . .                                                                | 109 |                                               |     |
| Bản in ra bị mờ hoặc màu bị thiếu. . . . .                                            | 109 |                                               |     |
| Xuất hiện dải ngang. . . . .                                                          | 109 |                                               |     |
| Dải Màu Xuất Hiện Ở Khoảng Cách Gần 2.5 cm. . . . .                                   | 110 |                                               |     |
| Dải dọc hoặc bị lệch. . . . .                                                         | 110 |                                               |     |
| Chất lượng in kém. . . . .                                                            | 110 |                                               |     |
| Giấy bị bẩn hoặc mòn. . . . .                                                         | 112 |                                               |     |
| Ảnh chụp đã in bị dính. . . . .                                                       | 112 |                                               |     |
| Vị trí, kích cỡ hoặc lề của bản in ra không chính xác. . . . .                        | 112 |                                               |     |
| Các ký tự được in ra không chính xác hoặc lộn xộn. . . . .                            | 113 |                                               |     |
| Ảnh in ra bị đảo ngược. . . . .                                                       | 113 |                                               |     |
| Mẫu kiểu che mờ trên bản in. . . . .                                                  | 113 |                                               |     |
| Vấn đề với bản in không thể giải quyết. . . . .                                       | 113 |                                               |     |
| Các vấn đề khác với in. . . . .                                                       | 114 |                                               |     |
| Tốc độ in quá chậm. . . . .                                                           | 114 |                                               |     |
| Tiến trình In Chậm Đáng kể Trong khi In Liên tục. . . . .                             | 114 |                                               |     |
| Các vấn đề khác. . . . .                                                              | 114 |                                               |     |
| Giật điện nhẹ khi chạm vào máy in. . . . .                                            | 114 |                                               |     |
| Âm thanh hoạt động lớn. . . . .                                                       | 114 |                                               |     |
| Ứng dụng bị chặn bởi tường lửa (Chỉ dành cho Windows). . . . .                        | 115 |                                               |     |
| Mực tràn. . . . .                                                                     | 115 |                                               |     |
| <b>Phụ lục</b>                                                                        |     |                                               |     |
| Thông số kỹ thuật. . . . .                                                            | 116 |                                               |     |
| Thông số kỹ thuật máy in. . . . .                                                     | 116 |                                               |     |
| Thông số kỹ thuật giao tiếp. . . . .                                                  | 117 |                                               |     |
| Danh sách chức năng của mạng. . . . .                                                 | 117 |                                               |     |
| Thông số kỹ thuật Wi-Fi. . . . .                                                      | 117 |                                               |     |
| Giao thức bảo mật. . . . .                                                            | 118 |                                               |     |
| Các Dịch Vụ Bên Thứ Ba Được Hỗ Trợ. . . . .                                           | 118 |                                               |     |
| Kích thước. . . . .                                                                   | 118 |                                               |     |
| Thông số kỹ thuật điện. . . . .                                                       | 118 |                                               |     |
| Thông số kỹ thuật môi trường. . . . .                                                 | 119 |                                               |     |
| Yêu cầu hệ thống. . . . .                                                             | 119 |                                               |     |
| Thông tin pháp lý. . . . .                                                            | 120 |                                               |     |
| Tiêu chuẩn và phê chuẩn. . . . .                                                      | 120 |                                               |     |
| Giới hạn sao chép. . . . .                                                            | 120 |                                               |     |
| Vận chuyển và bảo quản máy in. . . . .                                                | 121 |                                               |     |
| Bản quyền. . . . .                                                                    | 124 |                                               |     |

# Giới thiệu về tài liệu hướng dẫn này

## Giới thiệu hướng dẫn sử dụng

Các hướng dẫn sử dụng sau đây được kèm theo máy in Epson của bạn. Giống như các hướng dẫn sử dụng, hãy xem phần trợ giúp có trong nhiều ứng dụng phần mềm Epson.

### ❑ Bắt đầu tại đây (hướng dẫn sử dụng trên giấy)

Cung cấp cho bạn thông tin về cách thiết lập máy in, cài đặt phần mềm, sử dụng máy in, giải quyết vấn đề, v.v.

### ❑ Sổ hướng dẫn sử dụng (hướng dẫn sử dụng kỹ thuật số)

Hướng dẫn sử dụng này. Cung cấp hướng dẫn và thông tin chung về cách sử dụng máy in, về cài đặt mạng khi sử dụng máy in trên mạng và về cách giải quyết sự cố.

Bạn có thể tải các phiên bản mới nhất của hướng dẫn sử dụng ở trên bằng những cách sau.

### ❑ Hướng dẫn sử dụng trên giấy

Truy cập trang web hỗ trợ của Epson châu Âu tại <http://www.epson.eu/Support>, hoặc trang web hỗ trợ của Epson toàn cầu tại <http://support.epson.net/>.

### ❑ Hướng dẫn sử dụng kỹ thuật số

Bật EPSON Software Updater trên máy tính của bạn. EPSON Software Updater kiểm tra cập nhật cho các ứng dụng phần mềm Epson và hướng dẫn sử dụng điện tử, và cho phép bạn tải về các phiên bản mới nhất.

## Thông tin liên quan

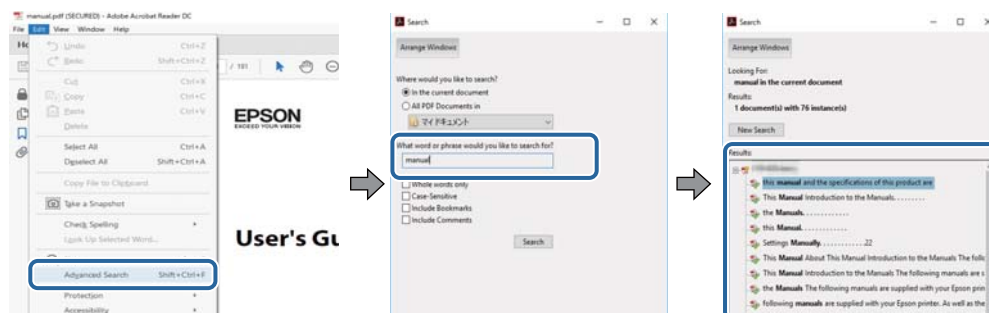
➔ “Công cụ cập nhật phần mềm (EPSON Software Updater)” ở trang 89

## Sử dụng hướng dẫn sử dụng để tìm kiếm thông tin

Hướng dẫn sử dụng PDF cho phép bạn tìm kiếm thông tin bạn đang tìm kiếm theo từ khóa hoặc chuyển trực tiếp đến các phần cụ thể bằng các dấu trang. Bạn cũng có thể chỉ in những trang bạn cần. Phần này giải thích cách sử dụng hướng dẫn sử dụng PDF đã được mở bằng Adobe Reader X trên máy tính của bạn.

### Tìm kiếm theo từ khóa

Nhấp vào **Chỉnh sửa > Tìm kiếm nâng cao**. Nhập từ khóa (văn bản) cho thông tin bạn muốn tìm trong cửa sổ tìm kiếm, sau đó nhấp vào **Tìm kiếm**. Các kết quả hiển thị dưới dạng một danh sách. Nhấp vào một trong các kết quả hiển thị để chuyển tới trang đó.

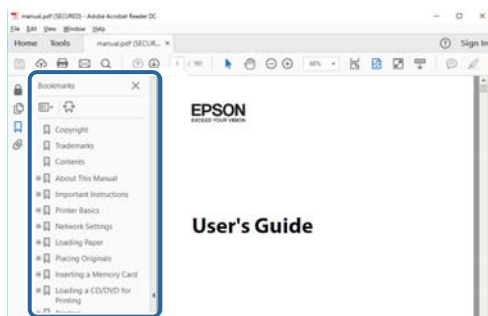


## Giới thiệu về tài liệu hướng dẫn này

### Chuyển ngay từ đầu trang

Nhấp vào một tiêu đề để chuyển tới trang đó. Nhấp vào + hoặc > để xem các tiêu đề ở mức thấp hơn trong phần đó. Để quay về trang trước, thực hiện thao tác sau đây trên bàn phím.

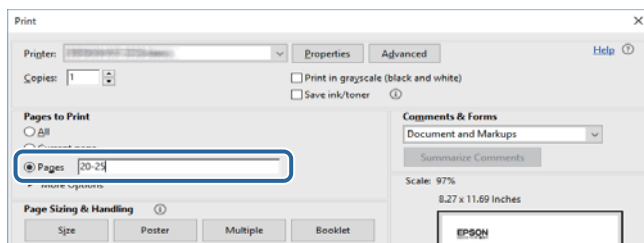
- ☐ Windows: Nhấn giữ **Alt**, sau đó nhấn ←.
- ☐ Mac OS: Nhấn giữ phím lệnh, sau đó nhấn ←.



### Chỉ in trang bạn cần

Bạn cũng có thể trích xuất và chỉ in những trang bạn cần. Nhấp vào **In** trong menu **Tệp**, sau đó chỉ định trang bạn muốn in trong **Trang** trong **Trang sẽ in**.

- ☐ Để chỉ định một loạt trang, hãy nhập một dấu nối giữa trang bắt đầu và trang kết thúc.  
Ví dụ: 20–25
- ☐ Để chỉ định các trang không nằm trong loạt trang, chia tách các trang bằng dấu phẩy.  
Ví dụ: 5, 10, 15



## Dấu hiệu và biểu tượng



#### Chú ý:

Phải thực hiện theo các hướng dẫn nhằm tránh thương tích cho cơ thể.



#### Quan trọng:

Phải tuân theo các hướng dẫn nhằm tránh gây hư hỏng cho thiết bị của bạn.

#### Lưu ý:

Cung cấp thông tin bổ sung và tham khảo.

➡ Thông tin liên quan

Liên kết đến các phần liên quan.

---

## Các mô tả được sử dụng trong hướng dẫn sử dụng này

- ☐ Các ảnh chụp màn hình của trình điều khiển máy in được lấy từ Windows 10 hoặc macOS High Sierra. Nội dung được hiển thị trong các màn hình thay đổi tùy theo kiểu máy và tình huống.
- ☐ Các hình minh họa cho máy in được sử dụng trong hướng dẫn sử dụng này chỉ là ví dụ. Mặc dù có thể những khác biệt một chút tùy thuộc vào kiểu máy, phương pháp vận hành vẫn không thay đổi.

---

## Tham khảo Hệ điều hành

### Windows

Trong tài liệu hướng dẫn này, những thuật ngữ như "Windows 10", "Windows 8.1", "Windows 8", "Windows 7", "Windows Vista", "Windows XP", "Windows Server 2016", "Windows Server 2012 R2", "Windows Server 2012", "Windows Server 2008 R2", "Windows Server 2008", "Windows Server 2003 R2", và "Windows Server 2003" để cập đến các hệ điều hành sau. Ngoài ra, "Windows" được sử dụng để đề cập đến tất cả các phiên bản.

- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows® 10
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows® 8.1
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows® 8
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows® 7
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows Vista®
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows® XP
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows® XP Professional x64 Edition
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows Server® 2016
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows Server® 2012 R2
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows Server® 2012
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows Server® 2008 R2
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows Server® 2008
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows Server® 2003 R2
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows Server® 2003

### Mac OS

Trong hướng dẫn sử dụng này, "Mac OS" được sử dụng để đề cập đến macOS High Sierra, macOS Sierra, OS X El Capitan, OS X Yosemite, OS X Mavericks, OS X Mountain Lion, Mac OS X v10.7.x, và Mac OS X v10.6.8.

# Hướng dẫn quan trọng

## Hướng dẫn an toàn

Đọc và làm theo các hướng dẫn này nhằm đảm bảo sử dụng an toàn máy in này. Đảm bảo rằng bạn cất giữ hướng dẫn sử dụng này để tham khảo sau này. Đồng thời, hãy chắc chắn làm theo tất cả các cảnh báo và hướng dẫn được đánh dấu trên máy in.

- ☐ Một số biểu tượng dùng trên máy in của bạn là nhằm đảm bảo sử dụng máy in an toàn và thích hợp. Truy cập trang web sau để tìm hiểu ý nghĩa của các biểu tượng.  
<http://support.epson.net/symbols>
- ☐ Chỉ sử dụng dây điện đi cùng với máy in và không sử dụng dây điện với bất kỳ thiết bị nào khác. Sử dụng các loại dây điện khác với máy in này hoặc sử dụng dây điện đi kèm cho thiết bị khác có thể dẫn đến cháy hoặc giật điện.
- ☐ Hãy chắc chắn rằng dây điện AC của bạn đáp ứng tiêu chuẩn an toàn liên quan tại địa phương.
- ☐ Không tự mình tháo gỡ, sửa đổi hoặc tìm cách sửa chữa dây điện, phích cắm, bộ phận máy in hoặc các tùy chọn, trừ khi được giải thích cụ thể trong hướng dẫn sử dụng máy in.
- ☐ Rút phích cắm máy in và chuyển việc bảo trì cho nhân viên bảo trì có trình độ chuyên môn trong các điều kiện sau:  
Dây điện hoặc phích cắm bị hỏng; chất lỏng vào máy in; máy in bị rơi hoặc vỏ hộp bị hỏng; máy in hoạt động không bình thường hoặc thể hiện sự thay đổi khác biệt về hiệu suất. Không điều chỉnh các nút điều khiển không được đề cập trong hướng dẫn vận hành.
- ☐ Đặt máy in gần ổ cắm điện mà ở đó có thể rút phích cắm dễ dàng.
- ☐ Không đặt hoặc bảo quản máy in ngoài trời, gần nơi quá ẩm hoặc bụi, nước, nguồn nhiệt, hoặc các địa điểm khác chịu sốc, rung, nhiệt độ hoặc độ ẩm cao.
- ☐ Cẩn thận không làm tràn chất lỏng lên máy in và không giữ máy in bằng tay ướt.
- ☐ Để máy in cách máy trợ tim ít nhất 22 cm. Sóng vô tuyến từ máy in này có thể gây ảnh hưởng xấu cho việc vận hành của máy trợ tim.

## Hướng Dẫn An Toàn Đối Với Mực

- ☐ Cẩn thận không chạm vào mực khi bạn cầm hộp mực, nắp hộp mực và lọ mực đang mở hoặc nắp lọ mực.
  - ☐ Nếu mực dính vào da của bạn, hãy rửa kỹ vùng da bằng xà phòng và nước.
  - ☐ Nếu mực dính vào mắt của bạn, hãy rửa sạch mắt ngay lập tức bằng nước. Nếu thấy không thoải mái hoặc có vấn đề về thị lực tiếp diễn sau khi rửa kỹ, hãy đến gặp bác sĩ ngay lập tức.
  - ☐ Nếu mực vào miệng của bạn, hãy đến gặp bác sĩ ngay lập tức.
- ☐ Không lắc chai mực quá mạnh hoặc làm chai bị va đập mạnh vì điều này có thể khiến mực rò rỉ.
- ☐ Giữ lọ mực và bộ phận hộp mực ngoài tầm với của trẻ em. Không để trẻ em uống bằng hoặc cầm lọ mực và nắp lọ mực.

## Lời khuyên và cảnh báo của máy in

Đọc và thực hiện theo các hướng dẫn này để tránh làm hỏng máy in hoặc tài sản của bạn. Đảm bảo rằng bạn cất giữ hướng dẫn sử dụng này để tham khảo sau này.

### Khuyến Nghị Và Cảnh Báo Về Cách Thiết Lập Máy In

- ☐ Không chặn hoặc bịt các lối thông hơi hoặc lỗ hở trong máy in.
- ☐ Chỉ sử dụng kiểu nguồn điện được chỉ dẫn trên nhãn của máy in.
- ☐ Tránh sử dụng các ổ cắm trên cùng mạch với máy photo hoặc hệ thống điều hòa không khí thường xuyên bật và tắt.
- ☐ Tránh sử dụng các ổ cắm điện được điều khiển bởi công tắc trên tường hoặc bộ định thời gian tự động.
- ☐ Giữ toàn bộ hệ thống máy tính tránh xa các nguồn nhiễu điện từ trường tiềm ẩn, như loa hoặc bộ phận cơ sở của điện thoại không dây.
- ☐ Cần đặt dây điện cấp nguồn để tránh bị mài mòn, cắt, gây tước, gấp mép và xoắn. Không đặt các vật lên trên dây điện cấp nguồn và không để dây điện cấp nguồn bị bước lên trên hoặc chạy qua. Đặc biệt cần thận giữ toàn bộ dây điện cấp nguồn thẳng ở các điểm cuối và tại những điểm vào hoặc ra khỏi máy biến thế.
- ☐ Nếu bạn sử dụng dây điện nối dài cùng với máy in, hãy đảm bảo rằng tổng định mức ampe của các thiết bị cắm vào dây điện kéo dài không vượt quá định mức ampe của dây điện. Đồng thời, hãy đảm bảo rằng tổng định mức ampe của tất cả các thiết bị cắm vào ổ cắm điện không vượt quá định mức ampe của ổ cắm điện.
- ☐ Nếu bạn định sử dụng máy in ở Đức, hệ thống lắp đặt của tòa nhà phải được bảo vệ bằng cầu dao 10 hoặc 16 amp để cung cấp đủ khả năng bảo vệ ngắn mạch và bảo quá dòng cho máy in.
- ☐ Khi kết nối máy in với máy tính hoặc thiết bị khác bằng dây cáp, hãy đảm bảo hướng chính xác của các đầu nối. Mỗi đầu nối chỉ có một hướng chính xác. Lắp đầu nối theo hướng sai có thể làm hỏng cả hai thiết bị nối với dây cáp.
- ☐ Đặt máy in trên bề mặt phẳng, ổn định và rộng hơn đế của máy in theo tất cả các hướng. Máy in sẽ không thể vận hành đúng cách nếu bị nghiêng đi một góc.
- ☐ Để một khoảng trống phía trên máy in để bạn có thể nâng hoàn toàn nắp máy in.
- ☐ Để đủ khoảng trống phía trước máy in để giấy có thể được đẩy ra hoàn toàn.
- ☐ Tránh các vị trí chịu sự thay đổi nhanh chóng của nhiệt độ và độ ẩm. Đồng thời, giữ máy in tránh ánh nắng mặt trời trực tiếp, nguồn sáng mạnh hoặc nguồn nhiệt.

### Khuyến Nghị Và Cảnh Báo Về Cách Dùng Máy In

- ☐ Không chèn các vật qua các khe trong máy in.
- ☐ Không đặt tay của bạn vào bên trong máy in khi đang in.
- ☐ Không chạm vào dây cáp dẹt màu trắng bên trong máy in.
- ☐ Không sử dụng các sản phẩm aerosol chứa khí gas dễ cháy bên trong hoặc xung quanh máy in. Làm như vậy có thể gây ra cháy.
- ☐ Không di chuyển đầu in bằng tay; làm như vậy, bạn có thể làm hỏng máy in.
- ☐ Nếu hộp mực chưa đầy tới vạch bên dưới, hãy đổ đầy mực sớm. Kéo dài việc sử dụng máy in khi mức mực nằm dưới vạch phía dưới có thể làm hỏng máy in.

## Hướng dẫn quan trọng

- ❑ Luôn tắt máy in bằng nút . Không rút phích cắm của máy in hoặc tắt nguồn tại ổ cắm khi đèn  vẫn chưa ngừng nhấp nháy.
- ❑ Nếu bạn không sử dụng máy in trong một khoảng thời gian dài, hãy chắc chắn rút phích cắm dây điện ra khỏi ổ điện.

## Khuyến Nghị Và Cảnh Báo Về Cách Vận Chuyển Hoặc Bảo Quản Máy In

- ❑ Khi bảo quản hoặc vận chuyển máy in, tránh làm nghiêng máy in, đặt theo chiều đứng hoặc lật úp máy in; nếu không mực có thể rò rỉ.
- ❑ Trước khi vận chuyển máy in, đảm bảo rằng đầu in ở vị trí gốc (tận cùng bên phải).

## Lời khuyên và cảnh báo dành cho việc sử dụng máy in bằng kết nối không dây

- ❑ Sóng vô tuyến từ máy in này có thể có ảnh hưởng xấu đến hoạt động của thiết bị điện tử y tế, khiến cho chúng gặp lỗi. Khi sử dụng máy in này bên trong các cơ sở y tế hoặc gần thiết bị y tế, hãy thực hiện theo các chỉ dẫn từ nhân viên có thẩm quyền đại diện cho các cơ sở y tế, và thực hiện theo tất cả các cảnh báo và chỉ dẫn đã đăng trên thiết bị y tế.
- ❑ Sóng vô tuyến từ máy in này có thể có ảnh hưởng xấu đến hoạt động của các thiết bị điều khiển tự động như cửa tự động hoặc chuông báo cháy, và có thể dẫn đến tai nạn do lỗi. Khi sử dụng máy in này gần các thiết bị điều khiển tự động, hãy thực hiện theo tất cả các cảnh báo và chỉ dẫn đã đăng trên các thiết bị này.

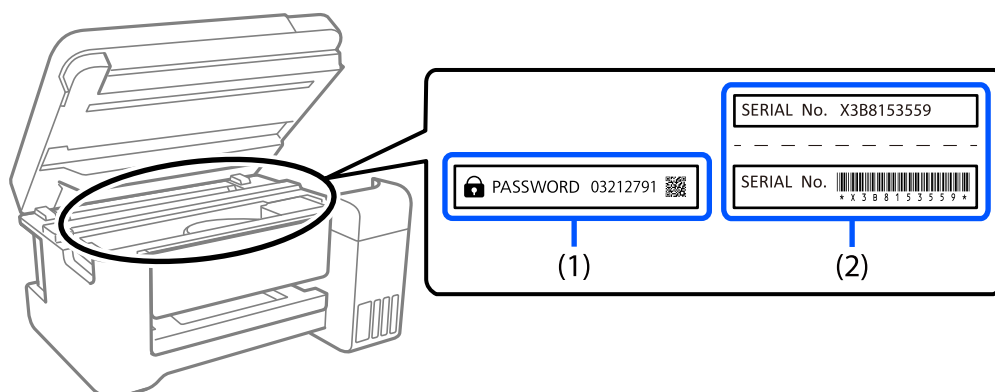
## Lưu ý đối với mật khẩu quản trị viên

Máy in này cho phép bạn cài mật khẩu quản trị viên để ngăn chặn truy cập trái phép hoặc những thay đổi đối với cài đặt thiết bị và cài đặt mạng được lưu trữ trên sản phẩm khi kết nối mạng.

## Giá trị mặc định của mật khẩu quản trị viên

Giá trị mặc định của mật khẩu quản trị viên được in trên nhãn trên chính sản phẩm, ví dụ như nhãn hiển thị. Vị trí dán nhãn tùy vào sản phẩm, chẳng hạn như ở mặt mở nắp, mặt sau hoặc mặt dưới.

Hình minh họa sau đây là ví dụ về vị trí dán nhãn ở mặt mở nắp máy in.



## Hướng dẫn quan trọng

Nếu dán cả nhãn (1) và (2) thì giá trị bên cạnh MẬT KHẨU được ghi trên nhãn trong (1) là giá trị mặc định. Trong ví dụ này, giá trị mặc định là 03212791.

Nếu chỉ dán nhãn (2) thì số serial in trên nhãn trong (2) là giá trị mặc định. Trong ví dụ này, giá trị mặc định là X3B8153559.

## Chưa cài đặt mật khẩu quản trị viên

Cài mật khẩu trên màn hình nhập mật khẩu sẽ hiển thị khi bạn truy cập Web Config.

### Thông tin liên quan

➔ [“Chạy Web Config trên Trình duyệt web” ở trang 87](#)

## Thay đổi mật khẩu quản trị viên

Vì lý do bảo mật, bạn nên thay đổi mật khẩu ban đầu.

Nó có thể được thay đổi từ Web Config và Epson Device Admin. Khi thay đổi mật khẩu, hãy cài mật khẩu có ít nhất 8 ký tự chữ và số một byte và ký hiệu.

### Thông tin liên quan

➔ [“Chạy Web Config trên Trình duyệt web” ở trang 87](#)

## Các thao tác yêu cầu bạn nhập mật khẩu quản trị viên

Nếu được nhắc nhập mật khẩu quản trị viên khi thực hiện các thao tác sau, hãy nhập mật khẩu quản trị viên được thiết lập trên máy in.

- ☐ Khi cập nhật phần mềm điều khiển của máy in từ máy tính hoặc thiết bị thông minh
- ☐ Khi đăng nhập vào phần cài đặt nâng cao của Web Config
- ☐ Khi thiết lập bằng một ứng dụng có thể thay đổi cài đặt của máy in

## Khởi tạo mật khẩu quản trị viên

Bạn có thể chuyển mật khẩu quản trị viên trở về cài đặt mặc định bằng cách khởi tạo cài đặt mạng.

### Thông tin liên quan

➔ [“Các nút và chức năng” ở trang 14](#)

➔ [“Khôi phục cài đặt mạng từ bảng điều khiển” ở trang 31](#)

---

## Bảo vệ thông tin cá nhân của bạn

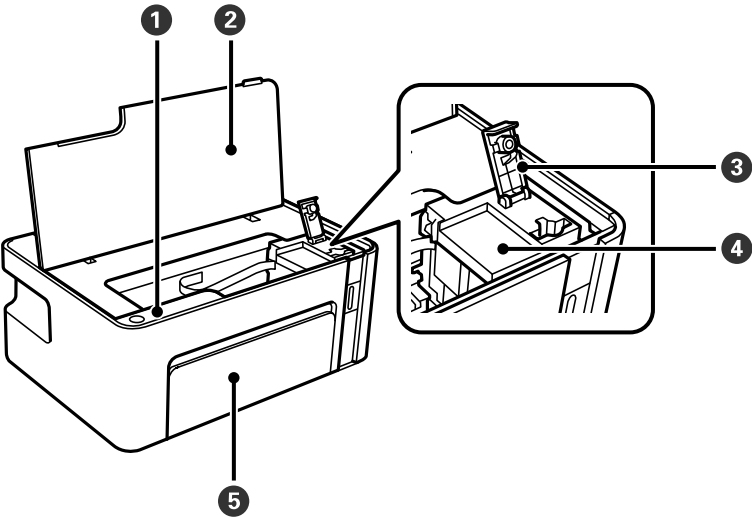
Nếu bạn đưa máy in cho người khác hoặc vứt bỏ, hãy khôi phục cài đặt mạng mặc định.

**Thông tin liên quan**

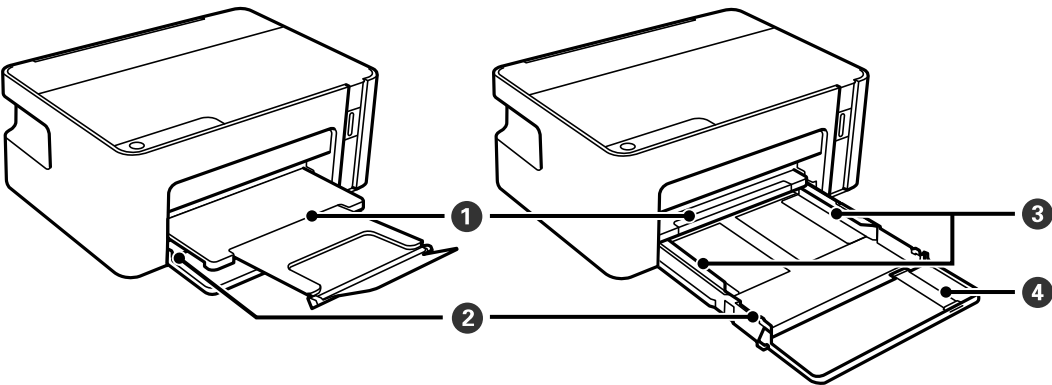
➡ [“Các nút và chức năng” ở trang 14](#)

# Những điều cơ bản về máy in

## Tên và chức năng của các bộ phận

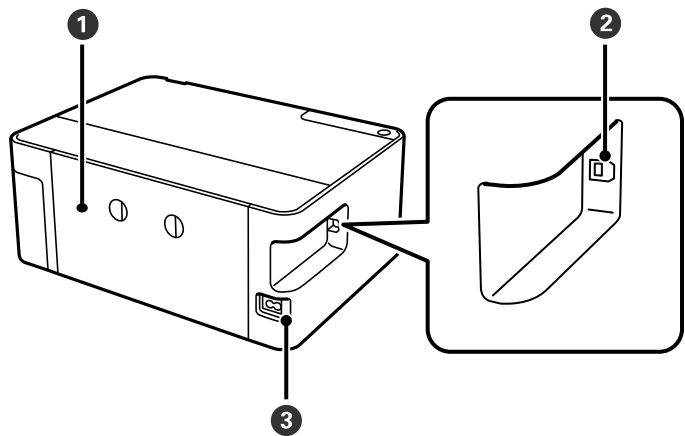


|   |                 |                                                                 |
|---|-----------------|-----------------------------------------------------------------|
| 1 | Bảng điều khiển | Cho phép bạn vận hành máy in và cho biết trạng thái của máy in. |
| 2 | Nắp máy in      | Mở để nạp lại hộp mực hoặc tháo giấy bị kẹt.                    |
| 3 | Nắp hộp mực     | Mở để nạp lại hộp mực.                                          |
| 4 | Hộp mực         | Chứa mực đen và nằm trên đầu in.                                |
| 5 | nắp trước       | Mở để nạp giấy vào khay giấy.                                   |



|   |                             |                                                    |
|---|-----------------------------|----------------------------------------------------|
| 1 | Khay đầu ra                 | Giữ giấy đã được đẩy ra.                           |
| 2 | Khay giấy                   | Nạp giấy.                                          |
| 3 | Thanh dẫn hướng bên cạnh    | Nạp giấy thẳng vào máy in. Trượt đến mép của giấy. |
| 4 | phần mở rộng dẫn hướng giấy | Trượt ra để nạp giấy khổ legal.                    |

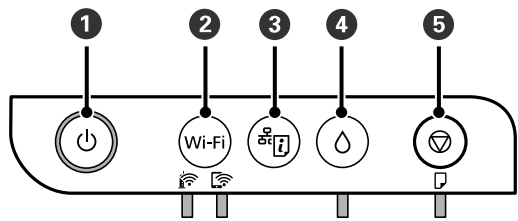
Những điều cơ bản về máy in



|   |            |                                      |
|---|------------|--------------------------------------|
| ❶ | Nắp sau    | Tháo khi loại bỏ giấy bị kẹt.        |
| ❷ | Cổng USB   | Cắm cáp USB để kết nối với máy tính. |
| ❸ | Cửa vào AC | Kết nối với dây điện nguồn.          |

Bảng điều khiển

Các nút và chức năng



|   |                                                                                                                                                                                                                                                          |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| ❶ | Bật hoặc tắt máy in.<br>Rút phích cắm điện sau khi kiểm tra thấy đèn nguồn tắt.                                                                                                                                                                          |
| ❷ | Khi có lỗi mạng xảy ra, nhấn nút này sẽ hủy bỏ lỗi. Giữ nút này quá năm giây để thực hiện thiết lập Wi-Fi tự động bằng nút nhấn WPS.                                                                                                                     |
| ❸ | In báo cáo kết nối mạng cho phép bạn xác định nguyên nhân của mọi sự cố mà bạn có thể gặp phải khi sử dụng máy in trên một mạng. Nếu bạn cần cài đặt mạng chi tiết hơn và trạng thái kết nối, hãy giữ nút này ít nhất năm giây để in tờ trạng thái mạng. |
| ❹ | Khi có lỗi xảy ra, nhấn nút này sẽ hủy bỏ lỗi.<br>Giữ nút này ít nhất năm giây để di chuyển hộp mực đến vị trí nạp lại mực, hoặc đưa hộp mực trở lại vị trí gốc.                                                                                         |
| ❺ | Dừng thao tác hiện tại. Hủy bỏ lỗi hết giấy và lỗi kẹt giấy.<br>Giữ nút này trong năm giây cho đến khi nút  nhấp nháy để chạy quá trình làm sạch đầu in.              |

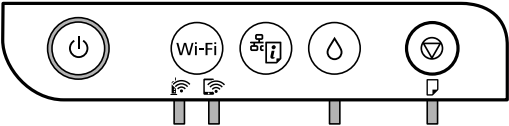
Những điều cơ bản về máy in

Các chức năng thông qua kết hợp nút

|                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  + Wi-Fi                                                                             | <b>Thiết lập Wi-Fi Direct (AP đơn giản)</b><br>Nhấn giữ nút Wi-Fi và  đồng thời để bắt đầu Thiết lập Wi-Fi Direct (AP đơn giản).                                                                          |
| Wi-Fi +                                                                              | <b>Cài đặt mã PIN (WPS)</b><br>Nhấn giữ nút Wi-Fi và  đồng thời để bắt đầu Thiết lập mã Pin (WPS).                                                                                                        |
| Wi-Fi +                                                                              | Ngăn chặn thực hiện thay đổi đối với các cài đặt Epson Connect và Google Connect Print.                                                                                                                                                                                                    |
|  +  | <b>Phục hồi cài đặt mạng mặc định</b><br>Bật máy in khi đang giữ nút  để khôi phục các cài đặt mạng mặc định. Khi cài đặt mạng được khôi phục, máy in sẽ bật và đèn trạng thái mạng nhấp nháy luân phiên. |
|  +  | <b>In mẫu kiểm tra kim phun</b><br>Bật máy in khi đang giữ nút  để in mẫu kiểm tra kim phun.<br>Tổng số trang đã nạp qua máy in cũng được in ra cùng với mẫu kiểm tra kim phun.                           |

Đèn và trạng thái máy in

Các đèn trên bảng điều khiển cho biết trạng thái của máy in.



Trạng thái bình thường

: Bật

| Đèn                                                                                 | Trạng thái                                                        |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
|  | Máy in được kết nối với mạng không dây (Wi-Fi).                   |
|  | Máy in được kết nối với mạng ở chế độ Wi-Fi Direct (AP đơn giản). |

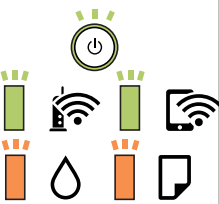
Trạng thái lỗi

Khi có lỗi xảy ra, đèn bật sáng hoặc nhấp nháy. Chi tiết về lỗi được hiển thị trên màn hình máy tính.

/: Bật

/: Nhấp nháy

## Những điều cơ bản về máy in

| Đèn                                                                                 | Trạng thái                                                                                                                                                                                                                                                                             | Giải pháp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | Đã xảy ra lỗi kết nối Wi-Fi.                                                                                                                                                                                                                                                           | Nhấn nút Wi-Fi để xóa lỗi và thử lại.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|    | Quá trình nạp mực ban đầu không thể hoàn thành.                                                                                                                                                                                                                                        | Xem áp phích <i>Bắt đầu tại đây</i> để hoàn thành quá trình nạp mực ban đầu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|                                                                                     | Quá trình nạp lại mực không thể hoàn thành.                                                                                                                                                                                                                                            | Nạp lại mực bên trong hộp mực, sau đó nhấn nút  để đưa hộp mực trở lại vị trí gốc.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|    | Nắp hộp mực không đóng hoàn toàn.                                                                                                                                                                                                                                                      | Đẩy nắp vào một cách chắc chắn, sau đó nhấn nút  .                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|    | Giấy không được nạp vào hoặc nhiều hơn một tờ giấy được nạp vào cùng lúc.                                                                                                                                                                                                              | Nạp giấy và nhấn nút  .                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|    | Đã xảy ra kẹt giấy.                                                                                                                                                                                                                                                                    | Gỡ bỏ giấy và nhấn nút  .                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|                                                                                     | Vật liệu bảo vệ có thể vẫn còn bên trong máy in.                                                                                                                                                                                                                                       | Mở nắp máy in, loại bỏ vật liệu bảo vệ, sau đó nhấn nút  .                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|    | <input type="checkbox"/> Máy in bị tắt không đúng cách.*<br><input type="checkbox"/> Bởi vì máy in đã bị tắt trong khi vận hành nên các vòi phun có thể đã khô và bị tắc.<br><br>* Nguồn đã bị tắt bằng một ổ cắm dài hoặc bộ ngắt điện, phích cắm bị rút ra khỏi ổ cắm hoặc mất điện. | <input type="checkbox"/> Sau khi loại bỏ lỗi bằng cách nhấn nút  , chúng tôi khuyên bạn nên thực hiện kiểm tra kim phun. Hủy mọi công việc in đang chờ xử lý.<br><br><input type="checkbox"/> Để tắt máy in, hãy đảm bảo bạn nhấn nút  .                                                                                                                           |
|  | Khi đèn  và đèn  nhấp nháy đồng thời<br>Tăm lót mực gần đến hoặc cuối tuổi thọ hoạt động.                        | Tăm lót mực cần được thay thế.<br><br>Liên hệ Epson hoặc nhà cung cấp dịch vụ ủy quyền của Epson để thay tăm lót mực.* <sup>1</sup> Đây không phải là bộ phận người dùng có thể bảo trì.<br><br>Khi có thông báo cho biết bạn có thể tiếp tục in được hiển thị trên máy tính, nhấn nút  để tiếp tục in. Các đèn ngừng nhấp nháy lúc đó, tuy nhiên chúng sẽ tiếp tục nhấp nháy ở các khoảng thời gian đều đặn cho đến khi tăm lót mực được thay thế. |
|  | Máy in đã bắt đầu ở chế độ khôi phục vì việc cập nhật chương trình cơ sở đã thất bại.                                                                                                                                                                                                  | Làm theo các bước bên dưới để thử cập nhật lại chương trình cơ sở.<br><br>1. Kết nối máy tính và máy in bằng cáp USB. (Trong khi ở chế độ khôi phục, bạn không thể cập nhật chương trình cơ sở qua kết nối mạng.)<br><br>2. Truy cập trang web Epson tại địa phương của bạn để được hướng dẫn thêm.                                                                                                                                                                                                                                    |
|  | Đã xảy ra lỗi máy in.                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mở nắp trước và gỡ bỏ toàn bộ giấy bên trong máy in. Tắt nguồn và bật lại.<br><br>Nếu lỗi tiếp tục xảy ra sau khi tắt và bật lại nguồn, hãy liên hệ bộ phận hỗ trợ của Epson.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |

\*1 Trong một số chu trình in, một lượng rất nhỏ mực thừa có thể được thu thập trong tăm lót mực. Để tránh rò rỉ mực ra khỏi tăm lót, máy in được thiết kế dừng in khi tăm lót đã đạt đến giới hạn. Liệu có cần thay hay không và

## Những điều cơ bản về máy in

tần suất thay như thế nào sẽ khác nhau tùy thuộc vào số trang bạn in, loại chất liệu mà bạn in và số chu trình làm sạch mà máy in thực hiện. Nhu cầu thay thế tấm lót không có nghĩa là máy in đã dừng vận hành theo thông số kỹ thuật của máy in. Máy in sẽ cho bạn biết khi nào tấm lót cần thay thế và điều này chỉ có thể được thực hiện bởi nhà cung cấp dịch vụ Epson được ủy quyền. Bảo hành của Epson không bao gồm chi phí cho việc thay thế này.

### Thông tin liên quan

- ➡ “Gỡ bỏ giấy bị kẹt” ở trang 96
- ➡ “Liên hệ với bộ phận hỗ trợ của Epson” ở trang 125
- ➡ “Cài đặt ứng dụng mới nhất” ở trang 90

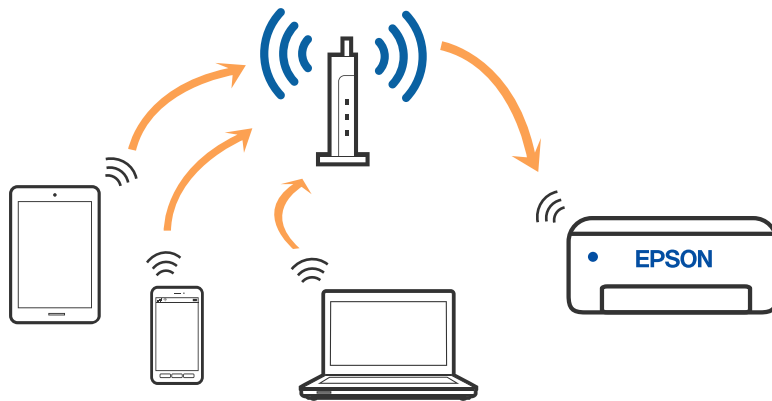
# Cài đặt mạng

## Loại kết nối mạng

Bạn có thể sử dụng các phương thức kết nối sau.

### Kết nối Wi-Fi

Kết nối máy in và máy tính hoặc thiết bị thông minh với bộ định tuyến không dây. Đây là phương pháp kết nối điển hình dành cho mạng nhà riêng hoặc văn phòng ở đó máy tính được kết nối bằng Wi-Fi thông qua bộ định tuyến không dây.



#### Thông tin liên quan

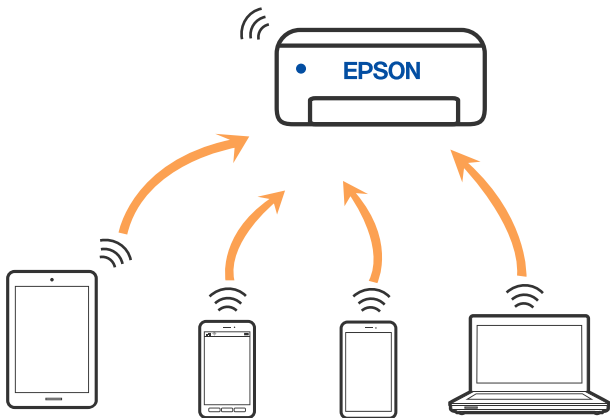
- ➔ [“Kết nối với máy tính” ở trang 19](#)
- ➔ [“Kết nối với thiết bị thông minh” ở trang 20](#)
- ➔ [“Thực hiện cài đặt Wi-Fi trên máy in” ở trang 20](#)

### Kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản)

Sử dụng phương thức kết nối này khi bạn không sử dụng Wi-Fi ở nhà riêng và ở cơ quan hoặc khi bạn muốn kết nối trực tiếp máy in và máy tính hoặc thiết bị thông minh. Ở chế độ này, máy in đóng vai trò là bộ định tuyến

## Cài đặt mạng

không dây và bạn có thể kết nối thiết bị với máy in mà không phải sử dụng bộ định tuyến không dây chuẩn. Tuy nhiên, các thiết bị được kết nối trực tiếp với máy in không thể giao tiếp với nhau thông qua máy in.



Có thể kết nối máy in bằng kết nối Wi-Fi và Wi-Fi Direct (AP đơn giản) đồng thời. Tuy nhiên, nếu bạn bắt đầu kết nối mạng bằng kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản) khi máy in được kết nối bằng Wi-Fi, Wi-Fi bị ngắt kết nối tạm thời.

### Thông tin liên quan

➔ “Thực hiện cài đặt kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản)” ở trang 23

---

## Kết nối với máy tính

Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng trình cài đặt để kết nối máy in với máy tính. Bạn có thể chạy trình cài đặt bằng một trong các phương thức sau.

#### ☐ Thiết lập từ trang web

Truy cập trang web sau và sau đó nhập tên sản phẩm. Chuyển tới **Thiết lập**, sau đó bắt đầu thiết lập.

<http://epson.sn>

#### ☐ Thiết lập bằng đĩa phần mềm (chỉ dành cho kiểu máy đi kèm đĩa phần mềm và người dùng máy tính Windows có ổ đĩa).

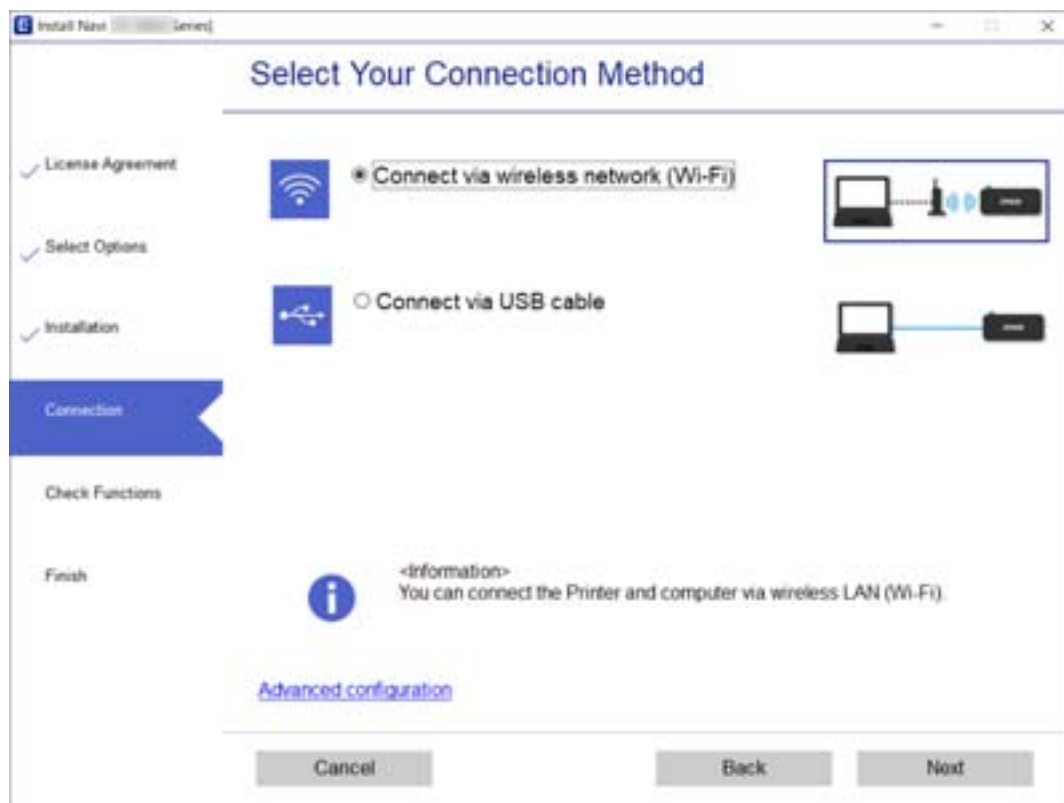
Đưa đĩa phần mềm vào máy tính và sau đó làm theo hướng dẫn trên màn hình.

### Chọn phương thức kết nối

Làm theo hướng dẫn trên màn hình cho tới khi màn hình sau hiển thị và sau đó chọn phương thức kết nối của máy in với máy tính.

## Cài đặt mạng

Chọn loại kết nối và sau đó nhấp vào **Kế tiếp**.



Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình.

## Kết nối với thiết bị thông minh

Bạn có thể sử dụng máy in từ thiết bị thông minh khi kết nối máy in với cùng một mạng Wi-Fi (SSID) như thiết bị thông minh. Để sử dụng máy in từ thiết bị thông minh, hãy thiết lập từ trang web sau. Truy cập trang web từ thiết bị thông minh mà bạn muốn kết nối với máy in.

<http://epson.sn> > **Thiết lập**

### Lưu ý:

Nếu muốn kết nối máy tính và thiết bị thông minh với máy in cùng lúc, chúng tôi khuyên bạn nên kết nối với máy tính trước.

## Thực hiện cài đặt Wi-Fi trên máy in

Bạn có thể thực hiện cài đặt mạng từ bảng điều khiển của máy in theo nhiều cách. Chọn phương thức kết nối phù hợp với môi trường và điều kiện mà bạn đang sử dụng.

Nếu bộ định tuyến không dây hỗ trợ WPS, bạn có thể thực hiện cài đặt bằng cách sử dụng thiết lập nút ấn.

Sau khi kết nối máy in với mạng, hãy kết nối máy in từ thiết bị mà bạn muốn sử dụng (máy tính, thiết bị thông minh, máy tính bảng, v.v.).

## Cài đặt mạng

## Thông tin liên quan

- ➔ “Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng thiết lập nút ấn” ở trang 21
- ➔ “Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng thiết lập mã PIN (WPS)” ở trang 22
- ➔ “Thực hiện cài đặt kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản)” ở trang 23

## Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng thiết lập nút ấn

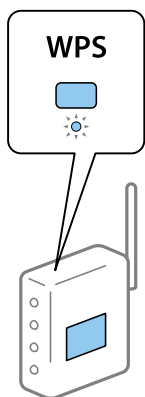
Bạn có thể tự động thiết lập mạng Wi-Fi bằng cách nhấn nút trên bộ định tuyến không dây. Nếu đáp ứng các điều kiện dưới đây, bạn có thể thiết lập bằng cách sử dụng phương thức này.

- ☐ Bộ định tuyến không dây tương thích với WPS (Thiết lập bảo mật Wi-Fi).
- ☐ Kết nối Wi-Fi hiện tại đã được thiết lập bằng cách nhấn nút trên bộ định tuyến không dây.

**Lưu ý:**

Nếu bạn không tìm thấy nút hoặc bạn đang thiết lập bằng phần mềm, hãy xem tài liệu đi kèm bộ định tuyến không dây.

1. Nhấn giữ nút [WPS] trên bộ định tuyến không dây cho đến khi đèn bảo mật nhấp nháy.



Nếu bạn không biết vị trí của nút [WPS] hoặc không có nút nào trên bộ định tuyến không dây, hãy xem tài liệu đi kèm bộ định tuyến không dây để biết thông tin chi tiết.

2. Giữ nhấn nút Wi-Fi trên máy in trong ít nhất năm giây cho đến khi đèn  và đèn  nhấp nháy luân phiên nhau.

Quá trình cài đặt kết nối sẽ bắt đầu. Khi kết nối được thiết lập, đèn  bật sáng.

**Lưu ý:**

Máy in ở trạng thái lỗi kết nối khi đèn  và đèn  nhấp nháy đồng thời. Sau khi xóa lỗi của máy in bằng cách nhấn nút Wi-Fi trên máy in, hãy khởi động lại bộ định tuyến không dây, đặt bộ định tuyến không dây gần máy in và thử lại. Nếu cách này vẫn không hiệu quả, hãy in báo cáo kết nối mạng và kiểm tra giải pháp.



## Cài đặt mạng

## Thông tin liên quan

- ➔ “Kiểm tra tình trạng kết nối mạng” ở trang 24
- ➔ “In báo cáo kết nối mạng” ở trang 24
- ➔ “Khi bạn không thể đặt cài đặt mạng” ở trang 105

## Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng thiết lập mã PIN (WPS)

Bạn có thể kết nối với bộ định tuyến không dây bằng cách sử dụng mã PIN được in trên tờ trạng thái mạng. Bạn có thể sử dụng phương thức này để thiết lập nếu bộ định tuyến không dây có khả năng WPS (Thiết lập Wi-Fi được bảo vệ). Sử dụng máy tính để nhập mã PIN vào bộ định tuyến không dây.

1. Nạp giấy.
2. Nhấn giữ nút  trên máy in ít nhất 5 giây.

Tờ tình trạng mạng được in.

**Lưu ý:**

Nếu bạn nhấn nút  trong vòng 5 giây, báo cáo kết nối mạng được in. Lưu ý rằng thông tin mã PIN không được in trên báo cáo này.

3. Trong khi nhấn giữ nút Wi-Fi, bấm nút  cho tới khi đèn  và đèn  nhấp nháy luân phiên.
4. Sử dụng máy tính để nhập mã PIN (số có tám chữ số) được in trong cột [WPS-PIN Code] của tờ trạng thái mạng vào bộ định tuyến không dây trong vòng hai phút.

Khi kết nối được thiết lập, đèn  bật sáng.

**Lưu ý:**

☐ Xem tài liệu đi kèm bộ định tuyến không dây để biết thông tin chi tiết về cách nhập mã PIN.

☐ Máy in ở trạng thái lỗi kết nối khi đèn  và đèn  nhấp nháy đồng thời. Sau khi xóa lỗi của máy in bằng cách nhấn nút Wi-Fi trên máy in, hãy khởi động lại bộ định tuyến không dây, đặt bộ định tuyến không dây gần máy in và thử lại. Nếu cách này vẫn không hiệu quả, hãy in báo cáo kết nối mạng và kiểm tra giải pháp.



## Thông tin liên quan

- ➔ “In tờ tình trạng mạng” ở trang 30
- ➔ “Kiểm tra tình trạng kết nối mạng” ở trang 24
- ➔ “In báo cáo kết nối mạng” ở trang 24
- ➔ “Khi bạn không thể đặt cài đặt mạng” ở trang 105

## Cài đặt mạng

## Thực hiện cài đặt kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản)

Phương thức này cho phép bạn kết nối máy in trực tiếp với thiết bị mà không cần bộ định tuyến không dây. Máy in đóng vai trò là bộ định tuyến không dây.

1. Trong khi nhấn giữ nút Wi-Fi, bấm nút  cho tới khi đèn  và đèn  nhấp nháy luân phiên.  
Đợi cho đến khi quy trình kết thúc.

Khi kết nối được thiết lập, đèn  bật sáng.

**Lưu ý:**

Nếu bạn bật Wi-Fi Direct một lần, tùy chọn này duy trì ở trạng thái bật trừ khi bạn phục hồi cài đặt mạng mặc định.

2. Nạp giấy.

3. Nhấn giữ nút  trên máy in ít nhất 5 giây.

Tờ tình trạng mạng được in. Bạn có thể kiểm tra SSID và mật khẩu cho Wi-Fi Direct (AP đơn giản) trên tờ này.

**Lưu ý:**

Nếu bạn nhả nút  trong vòng 5 giây, báo cáo kết nối mạng được in. Lưu ý rằng SSID và mật khẩu cho Wi-Fi Direct (AP đơn giản) không được in trên báo cáo này.

4. Trên màn hình kết nối mạng của máy tính hoặc màn hình Wi-Fi của thiết bị thông minh, hãy chọn SSID giống như được hiển thị trên tờ trạng thái mạng để kết nối.

|                     |                                                                                              |
|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| <Wi-Fi Direct>      |                                                                                              |
| Wi-Fi Direct Mode   | On                                                                                           |
| Communication Mode  | Simple AP                                                                                    |
| Operation Mode      | IEEE802.11g/n                                                                                |
| Communication Speed | Auto                                                                                         |
| SSID                | DIRECT-  |
| Password            |           |
| Channel             | 11                                                                                           |
| Security Level      | WPA2-PSK(AES)                                                                                |
| Link Status         | Unknown                                                                                      |
| Connected Devices   | 0 (Max  ) |
| Client MAC List     | None                                                                                         |

5. Nhập mật khẩu được hiển thị trên tờ trạng thái mạng trên máy tính hoặc thiết bị thông minh.  
Bạn có thể xác nhận trạng thái Wi-Fi Direct trên tờ trạng thái mạng.

## Cài đặt mạng

### Lưu ý:

Khi bạn kết nối từ thiết bị thông minh bằng kết nối Wi-Fi Direct (dành cho Android)

Khi bạn đang sử dụng thiết bị Android và kết nối với máy in bằng Wi-Fi Direct, đèn  và đèn  nhấp nháy đồng thời trên máy in.

Nhấn nút Wi-Fi để cho phép yêu cầu kết nối.

Nhấn nút  nếu bạn muốn từ chối yêu cầu kết nối.

Xem tMẹo trên trang web sau để biết thêm chi tiết.

<http://epson.sn> > Hỗ trợ

### Thông tin liên quan

- ➔ “In tờ tình trạng mạng” ở trang 30
- ➔ “Kiểm tra tình trạng kết nối mạng” ở trang 24
- ➔ “Khi bạn không thể kết nối bằng Wi-Fi Direct (AP đơn giản)” ở trang 106

---

## Kiểm tra tình trạng kết nối mạng

Bạn có thể kiểm tra tình trạng kết nối mạng theo cách sau.

### Kiểm tra trạng thái mạng bằng đèn mạng

Bạn có thể kiểm tra trạng thái kết nối mạng bằng đèn mạng trên bảng điều khiển của máy in.

### Thông tin liên quan

- ➔ “Đèn và trạng thái máy in” ở trang 15

### In báo cáo kết nối mạng

Bạn có thể in báo cáo kết nối mạng để kiểm tra trạng thái giữa máy in và bộ định tuyến không dây.

1. Nạp giấy.

2. Nhấn nút .

Báo cáo kết nối mạng được in.

### Thông tin liên quan

- ➔ “Thông báo và giải pháp trên báo cáo kết nối mạng” ở trang 25

## Cài đặt mạng

## Thông báo và giải pháp trên báo cáo kết nối mạng

Kiểm tra thông báo và mã lỗi trên báo cáo kết nối mạng và sau đó làm theo giải pháp.

The screenshot shows a network connection status report. At the top, it says 'Check Network Connection'. Below that, 'Check Result' is 'FAIL'. 'Error code' is '(E-2)'. A blue box labeled 'b' contains the following text: 'See the Network Status and check if the Network Name (SSID) is the SSID you want to connect. If the SSID is correct, make sure to enter the correct password and try again.' Below this, it says 'If your problems persist, see your documentation for help and networking tips.' Then, there is a section 'Checked Items' with a table of checks. Finally, there is a 'Network Status' section with a table of printer and network details. Annotations 'a' and 'b' are present: 'a' points to the 'Error code' field, and 'b' points to the text box containing the troubleshooting instructions.

| Check Network Connection                                                                                                                                                                                                                                                         |                   |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| Check Result                                                                                                                                                                                                                                                                     | FAIL              |
| Error code                                                                                                                                                                                                                                                                       | (E-2)             |
| <p>See the Network Status and check if the Network Name (SSID) is the SSID you want to connect.<br/>If the SSID is correct, make sure to enter the correct password and try again.</p> <p>If your problems persist,<br/>see your documentation for help and networking tips.</p> |                   |
| Checked Items                                                                                                                                                                                                                                                                    |                   |
| Wireless Network Name (SSID) Check                                                                                                                                                                                                                                               | FAIL              |
| Communication Mode Check                                                                                                                                                                                                                                                         | Unchecked         |
| Security Mode Check                                                                                                                                                                                                                                                              | Unchecked         |
| MAC Address Filtering Check                                                                                                                                                                                                                                                      | Unchecked         |
| Security Key/Password Check                                                                                                                                                                                                                                                      | Unchecked         |
| IP Address Check                                                                                                                                                                                                                                                                 | Unchecked         |
| Detailed IP Setup Check                                                                                                                                                                                                                                                          | Unchecked         |
| Network Status                                                                                                                                                                                                                                                                   |                   |
| Printer Name                                                                                                                                                                                                                                                                     | EPSON XXXXXX      |
| Printer Model                                                                                                                                                                                                                                                                    | XX-XXX Series     |
| IP Address                                                                                                                                                                                                                                                                       | 169.254.137.8     |
| Subnet Mask                                                                                                                                                                                                                                                                      | 255.255.0.0       |
| Default Gateway                                                                                                                                                                                                                                                                  |                   |
| Network Name (SSID)                                                                                                                                                                                                                                                              | EpsonNet          |
| Security                                                                                                                                                                                                                                                                         | None              |
| Signal Strength                                                                                                                                                                                                                                                                  | Poor              |
| MAC Address                                                                                                                                                                                                                                                                      | F8:D0:27:40:C0:AC |

a. Mã lỗi

b. Thông báo về Môi trường mạng

## Thông tin liên quan

- ➡ “E-1” ở trang 26
- ➡ “E-2, E-3, E-7” ở trang 26
- ➡ “E-5” ở trang 27
- ➡ “E-6” ở trang 27
- ➡ “E-8” ở trang 27
- ➡ “E-9” ở trang 28
- ➡ “E-10” ở trang 28
- ➡ “E-11” ở trang 28
- ➡ “E-12” ở trang 29
- ➡ “E-13” ở trang 29
- ➡ “Thông báo về Môi trường mạng” ở trang 30

## Cài đặt mạng

### E-1

#### Giải pháp:

- ☐ Đảm bảo bạn đã cắm chặt cáp ethernet vào máy in, cổng nối hoặc thiết bị mạng khác.
- ☐ Đảm bảo bạn đã bật cổng nối hoặc thiết bị mạng khác.
- ☐ Nếu bạn muốn kết nối máy in bằng Wi-Fi, hãy thực hiện lại cài đặt Wi-Fi cho máy in vì nó đã bị tắt.

### E-2, E-3, E-7

#### Giải pháp:

- ☐ Đảm bảo bạn đã bật bộ định tuyến không dây.
- ☐ Xác nhận rằng máy tính hoặc thiết bị của bạn đã được kết nối thích hợp với bộ định tuyến không dây.
- ☐ Tắt bộ định tuyến không dây. Chờ khoảng 10 giây rồi bật lại.
- ☐ Đặt máy in gần hơn với bộ định tuyến không dây và loại bỏ mọi vật cản giữa chúng.
- ☐ Nếu bạn đã tự nhập SSID, kiểm tra xem nó có đúng không. Kiểm tra SSID từ phần **Network Status** trên báo cáo kết nối mạng.
- ☐ Nếu bộ định tuyến không dây có nhiều SSID, hãy chọn SSID đang hiển thị. Khi SSID đang sử dụng tần số không tương thích thì máy in sẽ không hiển thị nó.
- ☐ Nếu đang sử dụng cài đặt nút nhấn để thiết lập kết nối mạng, đảm bảo bộ định tuyến không dây của bạn có hỗ trợ WPS. Bạn không thể sử dụng cài đặt nút nhấn nếu bộ định tuyến không dây của bạn không hỗ trợ WPS.
- ☐ Đảm bảo SSID của bạn chỉ sử dụng các ký tự ASCII (ký tự và biểu tượng chữ và số). Máy in không thể hiển thị SSID chứa các ký tự không phải ASCII.
- ☐ Đảm bảo bạn đã biết SSID và mật khẩu trước khi kết nối bộ định tuyến không dây. Nếu bạn đang sử dụng bộ định tuyến không dây với các cài đặt mặc định thì SSID và mật khẩu sẽ được in trên nhãn của nó. Nếu bạn không biết SSID và mật khẩu, hãy liên hệ người phụ trách thiết lập bộ định tuyến không dây, hoặc tham khảo tài liệu hướng dẫn kèm theo bộ định tuyến không dây.
- ☐ Nếu bạn đang kết nối với SSID được tạo bằng thiết bị thông minh tethering (phát mạng di động), hãy kiểm tra SSID và mật khẩu trong tài liệu hướng dẫn kèm theo thiết bị thông minh đó.
- ☐ Nếu kết nối Wi-Fi của bạn bị ngắt đột ngột, hãy kiểm tra các tình trạng sau. Nếu gặp phải bất kỳ tình trạng nào sau đây, hãy thiết lập lại cài đặt mạng bằng cách tải về và chạy phần mềm từ trang web sau.  
<http://epson.sn> > **Thiết lập**
  - ☐ Một thiết bị thông minh khác đã được thêm vào mạng qua cài đặt nút nhấn.
  - ☐ Mạng Wi-Fi đã được thiết lập bằng bất kỳ phương thức nào khác thay vì thiết lập nút nhấn.

#### Thông tin liên quan

- ➔ “Kết nối với máy tính” ở trang 19
- ➔ “Thực hiện cài đặt Wi-Fi trên máy in” ở trang 20

## Cài đặt mạng

## E-5

**Giải pháp:**

Đảm bảo loại bảo mật của bộ định tuyến không dây được cài sang một trong các loại sau. Nếu không phải, hãy thay đổi loại bảo mật trên bộ định tuyến không dây rồi thiết lập lại cài đặt mạng cho máy in.

- ☐ WEP-64 bit (40 bit)
- ☐ WEP-128 bit (104 bit)
- ☐ WPA PSK (TKIP/AES)\*
- ☐ WPA2 PSK (TKIP/AES)\*
- ☐ WPA (TKIP/AES)
- ☐ WPA2 (TKIP/AES)

\* WPA PSK còn được biết như là WPA Cá nhân. WPA2 PSK còn được biết như là WPA2 Cá nhân.

## E-6

**Giải pháp:**

- ☐ Kiểm tra xem chức năng lọc địa chỉ MAC có bị tắt hay không. Nếu đã bật, hãy đăng ký địa chỉ MAC của máy in để nó không bị lọc. Tham khảo tài liệu hướng dẫn kèm theo bộ định tuyến không dây để biết thêm chi tiết. Bạn có thể kiểm tra địa chỉ MAC từ phần **Network Status** trên báo cáo kết nối mạng.
- ☐ Nếu bộ định tuyến không dây của bạn đang sử dụng cách xác thực chia sẻ với bảo mật WEP, đảm bảo khoá và chỉ mục xác thực là chính xác.
- ☐ Nếu số lượng thiết bị có thể kết nối trên bộ định tuyến không dây ít hơn số lượng thiết bị mạng mà bạn muốn kết nối, hãy thực hiện cài đặt trên bộ định tuyến không dây để tăng số lượng thiết bị có thể kết nối. Tham khảo tài liệu hướng dẫn kèm theo bộ định tuyến không dây để thực hiện cài đặt.

**Thông tin liên quan**

➔ [“In tờ tình trạng mạng” ở trang 30](#)

## E-8

**Giải pháp:**

- ☐ Bật DHCP trên bộ định tuyến không dây nếu cài đặt Nhận địa chỉ IP của máy in được cài sang **Tự động**.
- ☐ Nếu cài đặt Nhận địa chỉ IP của máy in được cài sang Thủ công thì địa chỉ IP mà bạn đã tự thiết lập sẽ không có hiệu lực vì nằm ngoài phạm vi (ví dụ: 0.0.0.0). Thiết lập địa chỉ IP hợp lệ từ bảng điều khiển máy in hoặc bằng Web Config.

**Thông tin liên quan**

➔ [“In tờ tình trạng mạng” ở trang 30](#)

## Cài đặt mạng

### E-9

#### Giải pháp:

Kiểm tra các mục sau.

- ☐ Đã bật các thiết bị chưa.
- ☐ Bạn có thể truy cập Internet và các máy tính hoặc thiết bị mạng khác trên cùng mạng từ những thiết bị bạn muốn kết nối với máy in hay không.

Nếu vẫn không kết nối được với máy in và các thiết bị mạng sau khi xác nhận các tình trạng ở trên, hãy tắt bộ định tuyến không dây. Chờ khoảng 10 giây rồi bật lại. Sau đó, thiết lập lại cài đặt mạng bằng cách tải về và chạy trình cài đặt từ trang web sau.

<http://epson.sn> > **Thiết lập**

#### Thông tin liên quan

➔ “Kết nối với máy tính” ở trang 19

### E-10

#### Giải pháp:

Kiểm tra các mục sau.

- ☐ Đã bật các thiết bị khác trên mạng hay chưa.
- ☐ Các địa chỉ mạng (địa chỉ IP, mặt nạ mạng phụ và cổng vào mặc định) phải chính xác nếu bạn đã cài đặt Nhận địa chỉ IP của Máy in sang Thủ công.

Cài lại địa chỉ mạng nếu sai. Bạn có thể kiểm tra địa chỉ IP, mặt nạ mạng phụ và cổng vào mặc định từ phần **Network Status** trên báo cáo kết nối mạng.

Nếu đã bật DHCP, hãy đổi cài đặt Nhận địa chỉ IP của máy in sang **Tự động**. Nếu bạn muốn tự cài đặt địa chỉ IP, hãy kiểm tra địa chỉ IP từ phần **Network Status** trên báo cáo kết nối mạng, sau đó chọn Thủ công trên màn hình cài đặt mạng. Cài mặt nạ mạng phụ sang [255.255.255.0].

Nếu vẫn không kết nối được với máy in và các thiết bị mạng, hãy tắt bộ định tuyến không dây. Chờ khoảng 10 giây rồi bật lại.

#### Thông tin liên quan

➔ “In tờ tình trạng mạng” ở trang 30

### E-11

#### Giải pháp:

Kiểm tra các mục sau.

- ☐ Địa chỉ cổng vào mặc định phải chính xác nếu bạn cài Thiết lập TCP/IP sang Thủ công.
- ☐ Thiết bị được cài làm cổng vào mặc định đã được bật hay chưa.

Đã cài đúng địa chỉ cổng vào mặc định hay chưa. Bạn có thể kiểm tra địa chỉ cổng vào mặc định từ phần **Network Status** trên báo cáo kết nối mạng.

## Cài đặt mạng

### Thông tin liên quan

➔ “In tờ tình trạng mạng” ở trang 30

## E-12

### Giải pháp:

Kiểm tra các mục sau.

- ☐ Đã bật các thiết bị khác trên mạng hay chưa.
- ☐ Các địa chỉ mạng (địa chỉ IP, mặt nạ mạng phụ và cổng vào mặc định) phải chính xác nếu bạn đang tự nhập chúng.
- ☐ Địa chỉ mạng cho các thiết bị khác (mặt nạ mạng phụ và cổng vào mặc định) đã giống nhau chưa.
- ☐ Địa chỉ IP không xung đột với các thiết bị khác.

Nếu vẫn không kết nối được với máy in và các thiết bị mạng sau khi xác nhận các tình trạng ở trên, hãy thử các cách sau.

- ☐ Tắt bộ định tuyến không dây. Chờ khoảng 10 giây rồi bật lại.
- ☐ Thực hiện lại cài đặt mạng bằng trình cài đặt. Bạn có thể chạy nó từ trang web sau.

<http://epson.sn> > **Thiết lập**

- ☐ Bạn có thể đăng ký nhiều mật khẩu trên một bộ định tuyến không dây sử dụng loại bảo mật WEP. Nếu đăng ký nhiều mật khẩu, hãy kiểm tra xem mật khẩu đăng ký đầu tiên đã được cài trên máy in chưa.

### Thông tin liên quan

➔ “In tờ tình trạng mạng” ở trang 30

➔ “Kết nối với máy tính” ở trang 19

## E-13

### Giải pháp:

Kiểm tra các mục sau.

- ☐ Các thiết bị mạng như bộ định tuyến không dây, cổng nối và bộ định tuyến đã được bật chưa.
- ☐ Thiết lập TCP/IP cho các thiết bị mạng chưa được thực hiện bằng thủ công. (Nếu Thiết lập TCP/IP của máy in được cài đặt tự động trong khi Thiết lập TCP/IP cho các thiết bị mạng khác được thực hiện thủ công thì mạng của máy in có thể khác với mạng dùng cho các thiết bị khác.)

Nếu nó vẫn không hoạt động sau khi kiểm tra các mục trên, hãy thử các thao tác dưới đây.

- ☐ Tắt bộ định tuyến không dây. Chờ khoảng 10 giây rồi bật lại.
- ☐ Thực hiện cài đặt mạng trên máy tính dùng cùng mạng với máy in bằng trình cài đặt. Bạn có thể chạy nó từ trang web sau.

<http://epson.sn> > **Thiết lập**

- ☐ Bạn có thể đăng ký nhiều mật khẩu trên một bộ định tuyến không dây sử dụng loại bảo mật WEP. Nếu đăng ký nhiều mật khẩu, hãy kiểm tra xem mật khẩu đăng ký đầu tiên đã được cài trên máy in chưa.

## Cài đặt mạng

## Thông tin liên quan

- ➔ “In tờ tình trạng mạng” ở trang 30
- ➔ “Kết nối với máy tính” ở trang 19

## Thông báo về Môi trường mạng

| Thông báo                                                                                                                                                                        | Giải pháp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| The Wi-Fi environment needs to be improved. Turn the wireless router off and then turn it on. If the connection does not improve, see the documentation for the wireless router. | Sau khi di chuyển máy in đến gần hơn với bộ định tuyến không dây và loại bỏ mọi vật cản giữa chúng thì hãy tắt bộ định tuyến không dây. Đợi khoảng 10 giây và sau đó bật lên. Nếu thiết bị vẫn không kết nối, hãy tham khảo tài liệu hướng dẫn kèm theo bộ định tuyến không dây.                                                                                                                                           |
| *No more devices can be connected. Disconnect one of the connected devices if you want to add another one.                                                                       | Máy tính và các thiết bị thông minh có thể kết nối đồng thời sẽ được kết nối đầy đủ qua kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản). Để thêm một máy tính hoặc thiết bị thông minh khác, hãy ngắt kết nối một trong các thiết bị đã kết nối hoặc kết nối với mạng kia trước.<br><br>Bạn có thể xác nhận số lượng thiết bị không dây có thể kết nối đồng thời và số lượng thiết bị đã kết nối bằng cách kiểm tra tờ trạng thái mạng. |

## In tờ tình trạng mạng

Bạn có thể kiểm tra thông tin mạng chi tiết bằng cách in thông tin này như số thiết bị tối đa bạn có thể kết nối bằng Wi-Fi Direct (AP đơn giản).

- Nạp giấy.
- Nhấn giữ nút  trên bảng điều khiển của máy in ít nhất 5 giây.  
Tờ tình trạng mạng được in.

**Lưu ý:**

Nếu bạn nhả nút  trong vòng 5 giây, báo cáo kết nối mạng được in.

## Thay thế hoặc thêm bộ định tuyến không dây mới

Nếu SSID thay đổi do thay thế hoặc thêm bộ định tuyến không dây và môi trường mạng mới được thiết lập, hãy đặt lại cài đặt Wi-Fi.

## Thông tin liên quan

- ➔ “Thay đổi phương thức kết nối với máy tính” ở trang 31

## Thay đổi phương thức kết nối với máy tính

Sử dụng trình cài đặt và thiết lập lại theo phương thức kết nối khác.

### ☐ Thiết lập từ trang web

Truy cập trang web sau và sau đó nhập tên sản phẩm. Chuyển tới **Thiết lập**, sau đó bắt đầu thiết lập.

<http://epson.sn>

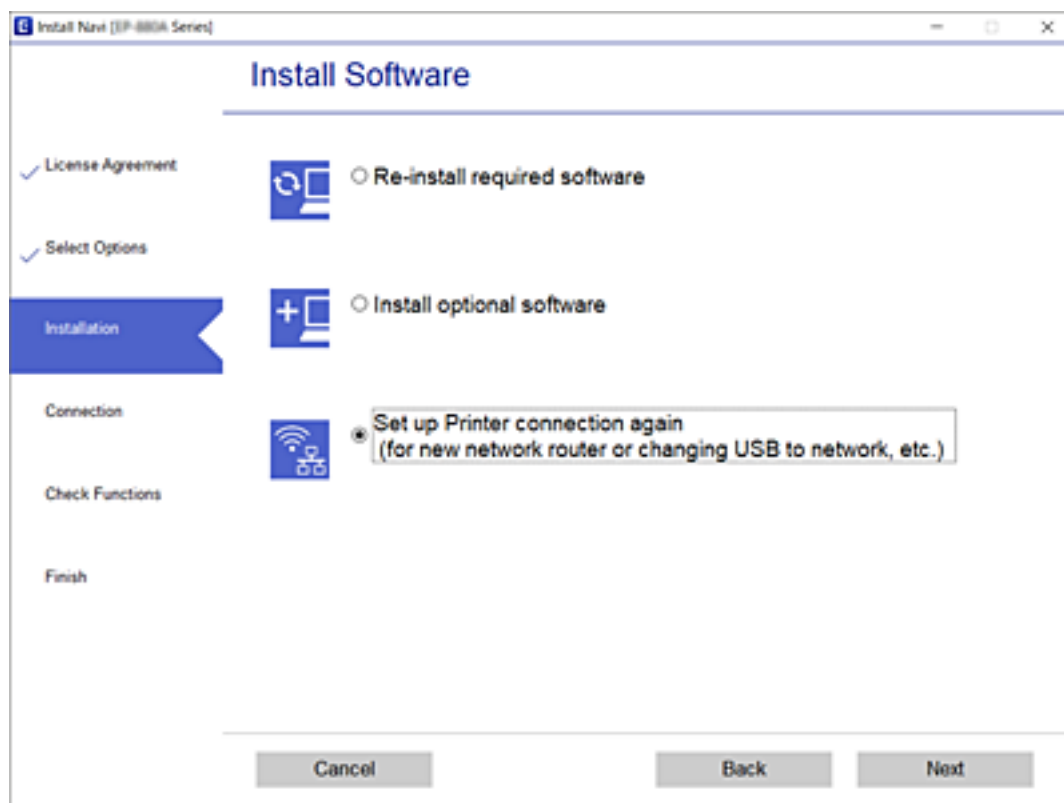
### ☐ Thiết lập bằng đĩa phần mềm (chỉ dành cho kiểu máy đi kèm đĩa phần mềm và người dùng máy tính Windows có ổ đĩa).

Đưa đĩa phần mềm vào máy tính và sau đó làm theo hướng dẫn trên màn hình.

### Chọn thay đổi phương thức kết nối

Làm theo hướng dẫn trên màn hình cho tới khi màn hình sau hiển thị.

Chọn **Thiết lập lại kết nối Máy in** (cho bộ định tuyến mạng mới hoặc đổi USB qua mạng, v.v) trên màn hình Cài đặt phần mềm và sau đó nhấp vào **Kế tiếp**.



## Khôi phục cài đặt mạng từ bảng điều khiển

Bạn có thể khôi phục tất cả cài đặt mạng về cài đặt mặc định.

1. Tắt máy in.

## Cài đặt mạng

2. Trong khi nhấn giữ nút , bấm nút  cho tới khi đèn  và đèn  nhấp nháy luân phiên.

Khởi phục hoàn tất khi đèn  và đèn  tắt.



# Chuẩn bị máy in

## Nạp trang

### Các loại giấy sẵn có và các khả năng

**Lưu ý:**

Kích thước giấy được hiển thị khác nhau tùy thuộc vào trình điều khiển.

### Giấy Epson chính hãng

Epson khuyên bạn nên sử dụng giấy Epson chính hãng để đảm bảo có được bản in có chất lượng cao.

**Lưu ý:**

Khả năng sẵn có của giấy thay đổi theo địa điểm. Để biết thông tin mới nhất về khả năng sẵn có của giấy tại khu vực của bạn, hãy liên hệ với bộ phận hỗ trợ của Epson.

### Giấy thích hợp cho việc in tài liệu

| Tên phương tiện                  | Kích cỡ | Khả năng nạp (Tờ) | In 2 mặt thủ công |
|----------------------------------|---------|-------------------|-------------------|
| Epson Bright White Ink Jet Paper | A4      | 120*1             | ✓                 |

\*1 Khi in 2 mặt thủ công, bạn có thể nạp lên đến 30 tờ cho giấy đã in một mặt.

### Giấy thích hợp cho việc in tài liệu và ảnh

| Tên phương tiện                   | Kích cỡ | Khả năng nạp (Tờ) | In 2 mặt thủ công |
|-----------------------------------|---------|-------------------|-------------------|
| Epson Photo Quality Ink Jet Paper | A4      | 100               | -                 |
| Epson Matte Paper-Heavyweight     | A4      | 20                | -                 |

## Giấy có bán sẵn

### Giấy thường

| Tên phương tiện            | Kích cỡ                                           | Khả năng nạp (Tờ) | In 2 mặt thủ công |
|----------------------------|---------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Giấy thường                | Letter, A4, B5, 16K (195×270 mm), A5, A6, B6      | 150 <sup>*1</sup> | ✓                 |
| Giấy sao chụp              |                                                   |                   |                   |
| Giấy thường chất lượng cao | Legal, Indian-Legal, 8,5×13 in.                   | 1                 | ✓                 |
|                            | Người dùng xác định (mm)<br>89×127 đến 215,9×1200 | 1                 | ✓                 |

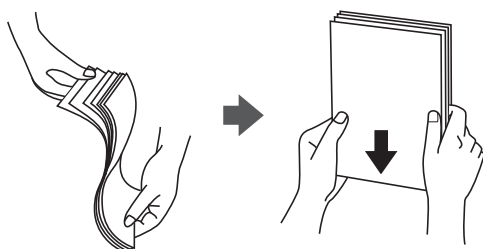
\*1 Khi in 2 mặt thủ công, bạn có thể nạp lên đến 30 tờ cho giấy đã in một mặt.

### Bì thư

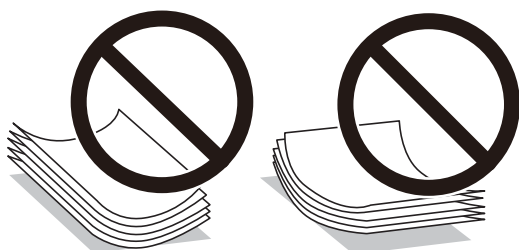
| Tên phương tiện | Kích cỡ                            | Khả năng nạp (Bì thư) | In 2 mặt thủ công |
|-----------------|------------------------------------|-----------------------|-------------------|
| Bì thư          | Bì thư số 10, Bì thư DL, Bì thư C6 | 10                    | ✓                 |

## Thận trọng khi xử lý giấy

- ☐ Hãy đọc tờ hướng dẫn đi cùng với giấy.
- ☐ Để có bản in chất lượng cao với giấy Epson chính hãng, hãy sử dụng giấy trong môi trường nêu trên các trang đi kèm giấy.
- ☐ Vuốt và căn thẳng mép của giấy trước khi nạp vào. Không vuốt hoặc uốn giấy ảnh. Làm như vậy có thể làm hỏng mặt có thể in được.



- ☐ Nếu giấy bị cong, hãy làm phẳng hoặc uốn nhẹ theo chiều ngược lại trước khi nạp vào. In trên giấy cong có thể làm kẹt giấy và để lại vết bẩn trên bản in.



## Chuẩn bị máy in

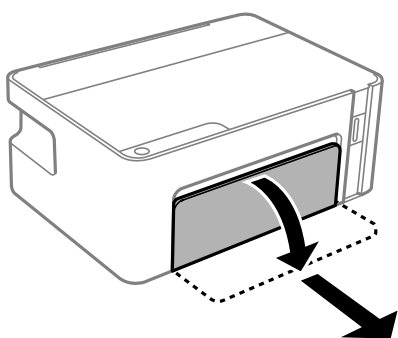
- ❑ Không sử dụng giấy nhăn nheo, bị xé, cắt, gấp lại, ẩm, quá dày, quá mỏng hoặc giấy có miếng dán dính bên trên. Sử dụng những loại giấy này có thể làm kẹt giấy và để lại vết bẩn trên bản in.
- ❑ Đảm bảo bạn đang sử dụng giấy thước dài. Nếu không chắc về loại giấy bạn đang sử dụng, hãy kiểm tra bao bì giấy hoặc liên hệ với nhà sản xuất để xác nhận các thông số kỹ thuật của giấy.

### Thông tin liên quan

➔ [“Thông số kỹ thuật máy in” ở trang 116](#)

## Nạp giấy vào Hộp Đựng Giấy

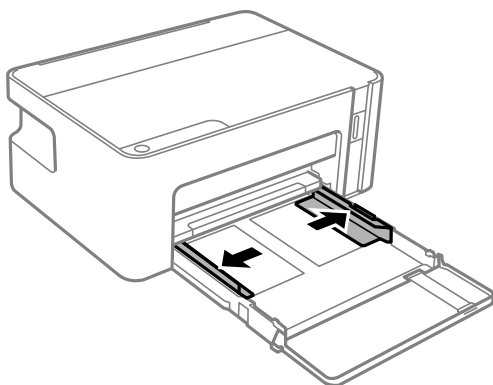
1. Mở nắp trước cho đến khi nghe thấy tiếng click, sau đó trượt khay giấy ra cho đến khi khay giấy dừng lại.



**Quan trọng:**

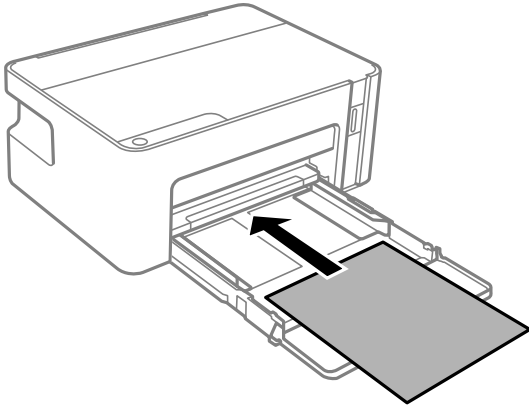
*Không thể tháo hộp đựng giấy.*

2. Trượt các thanh dẫn cạnh sang vị trí tối đa.



## Chuẩn bị máy in

3. Với mặt in úp xuống, hãy nạp giấy cho đến khi chạm giấy chạm vào phía sau hộc đựng giấy.

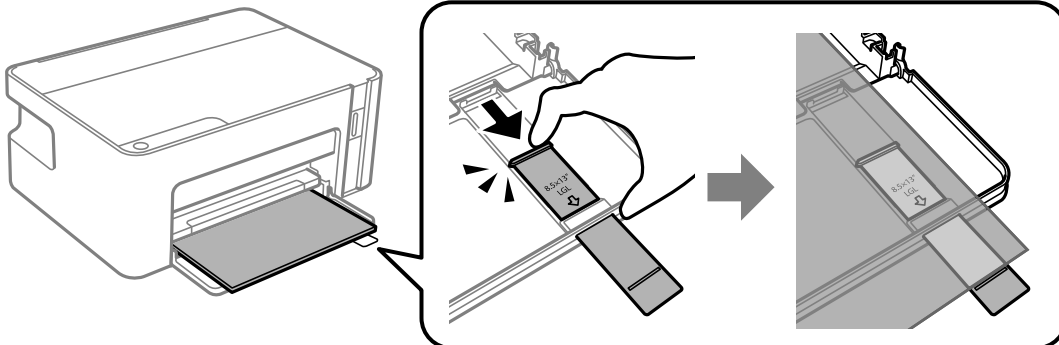


### Quan trọng:

Không nạp nhiều hơn số tờ tối đa đã quy định cho giấy.

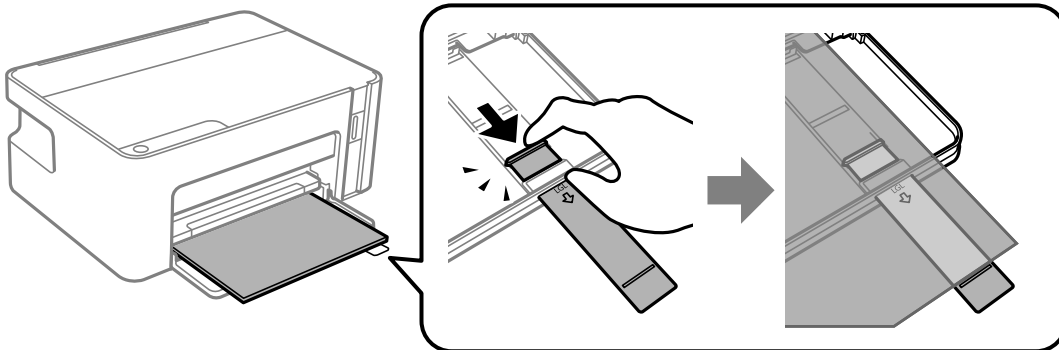
- ☐ 8,5×13 in.

Nạp giấy bằng đường thẳng.



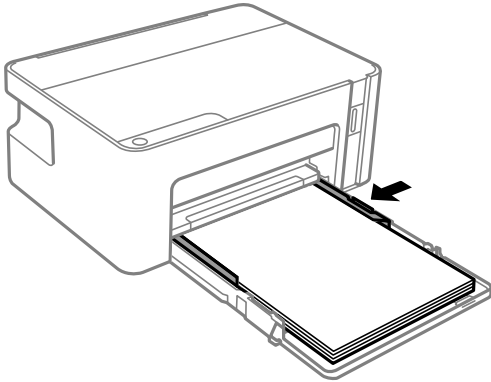
- ☐ Legal

Kéo phần mở rộng dẫn hướng giấy ra và nạp giấy theo đường thẳng.

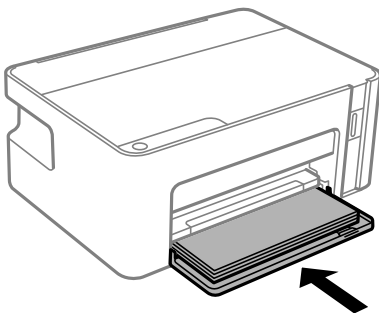


## Chuẩn bị máy in

4. Trượt thanh dẫn hướng bên cạnh đến mép giấy.

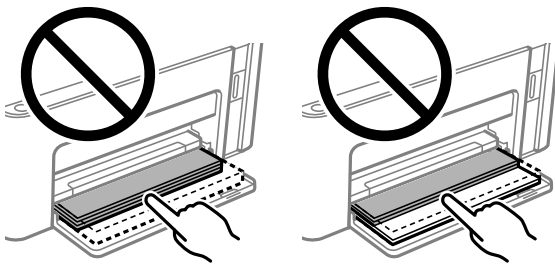


5. Lắp khay giấy vào đến mức xa nhất có thể.

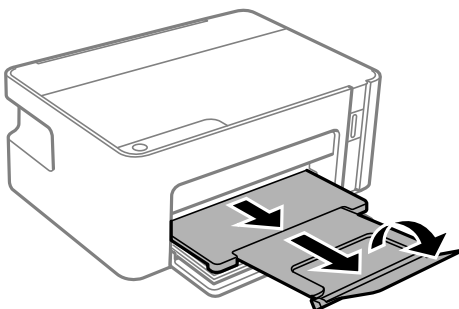


### Quan trọng:

Không đẩy giấy vào sau khi lắp khay giấy. Làm như vậy có thể gây ra vấn đề nạp giấy. Nếu giấy được đẩy vào, hãy căn giấy theo đường kích thước giấy.



6. Trượt khay đầu ra ra ngoài.



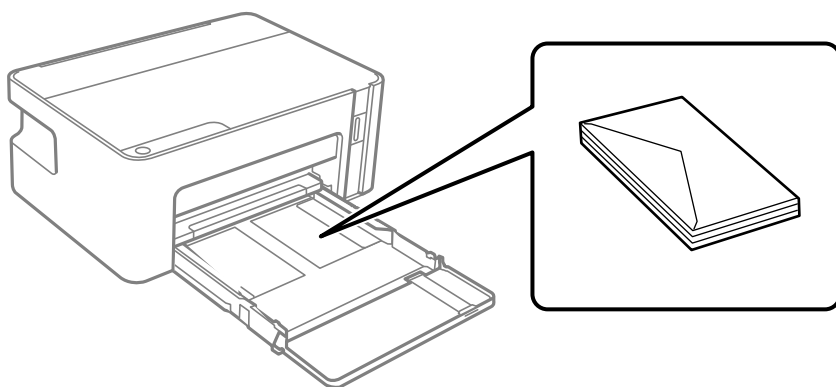
## Chuẩn bị máy in

### Thông tin liên quan

- ➔ “Thận trọng khi xử lý giấy” ở trang 34
- ➔ “Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 33
- ➔ “Danh sách loại giấy” ở trang 38
- ➔ “Nạp bì thư và thận trọng” ở trang 38

## Nạp bì thư và thận trọng

Nạp bì thư với nắp bì thư hướng lên trên cho đến khi bì thư chạm vào phía sau của khay giấy, sau đó trượt thanh dẫn hướng cạnh đến mép bì thư.



- ☐ Vuốt và căn thẳng mép của phong bì trước khi nạp vào. Khi phong bì xếp chồng bị phồng lên do không khí, ấn chúng xuống để làm phẳng trước khi nạp vào.



- ☐ Không sử dụng phong bì bị cong hoặc gấp lại. Sử dụng những loại phong bì này có thể làm kẹt giấy và để lại vết bẩn trên bản in.
- ☐ Không sử dụng phong bì có bề mặt dính trên nắp hoặc phong bì có cửa sổ.
- ☐ Tránh sử dụng phong bì quá mỏng, vì chúng có thể bị cong lại trong khi in.

### Thông tin liên quan

- ➔ “Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 33
- ➔ “Nạp giấy vào Hộc Đựng Giấy” ở trang 35

## Danh sách loại giấy

Để có được kết quả in tối ưu, hãy chọn loại giấy phù hợp với giấy.

## Chuẩn bị máy in

| Tên phương tiện                   | Loại phương tiện            |
|-----------------------------------|-----------------------------|
| Epson Bright White Ink Jet Paper  | Giấy thường                 |
| Epson Matte Paper-Heavyweight     | Epson Matte                 |
| Epson Photo Quality Ink Jet Paper | Epson Photo Quality Ink Jet |

## Tiết kiệm điện

Máy in vào chế độ ngủ hoặc tắt tự động nếu không có thao tác nào được thực hiện trong một khoảng thời gian đã cài. Bạn có thể điều chỉnh thời gian trước khi áp dụng chế độ quản lý nguồn điện. Việc tăng thời gian sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng năng lượng của sản phẩm. Vui lòng cân nhắc đến môi trường trước khi đưa ra thay đổi.

Tùy vào địa điểm mua hàng, máy in có thể có tính năng tắt tự động nếu chưa kết nối mạng trong một khoảng thời gian nhất định.

<https://www.epson.eu/energy-consumption>

## Tiết Kiệm Điện — Windows

1. Truy cập cửa sổ trình điều khiển máy in.
2. Nhấp vào **Máy in và thông tin tùy chọn** trên tab **Bảo dưỡng**.
3. Thực hiện một trong các tùy chọn sau.

**Lưu ý:**

*Sản phẩm của bạn có thể có tính năng **Hẹn giờ tắt nguồn** hoặc **Tắt** nếu bị ngắt kết nối và tính năng **Tắt nguồn nếu đã ngắt kết nối** tùy thuộc vào địa điểm mua hàng.*

- ☐ Chọn khoảng thời gian trước khi máy in vào chế độ ngủ cho thiết lập **Hẹn giờ chờ** và sau đó nhấp **Gửi**. Để máy in tắt tự động, chọn khoảng thời gian cho thiết lập **Hẹn giờ tắt nguồn** và nhấp vào **Gửi**.
- ☐ Chọn khoảng thời gian trước khi máy in vào chế độ ngủ cho thiết lập **Hẹn giờ chờ** và sau đó nhấp **Gửi**. Để máy in tắt tự động, chọn khoảng thời gian trong cài đặt **Tắt nguồn nếu không hoạt động** hoặc **Tắt nguồn nếu đã ngắt kết nối**, sau đó nhấp vào **Gửi**.

4. Nhấp vào **Đ.ý**.

## Tiết Kiệm Điện — Mac OS

1. Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu  > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét**, **In và Fax**) và sau đó chọn máy in.
2. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tiện ích** > **Mở tiện ích máy in**.
3. Nhấp vào **Cài đặt máy in**.

## Chuẩn bị máy in

4. Thực hiện một trong các tùy chọn sau.

**Lưu ý:**

Sản phẩm của bạn có thể có tính năng **Hẹn giờ tắt nguồn** hoặc tính năng **Tắt nguồn nếu không hoạt động** và **Tắt nguồn nếu đã ngắt kết nối** tùy thuộc vào địa điểm mua hàng.

- ☐ Chọn khoảng thời gian trước khi máy in vào chế độ ngủ cho thiết lập **Hẹn giờ chờ** và sau đó nhấp **Áp dụng**. Để máy in tắt tự động, chọn khoảng thời gian cho thiết lập **Hẹn giờ tắt nguồn** và nhấp vào **Áp dụng**.
- ☐ Chọn khoảng thời gian trước khi máy in vào chế độ ngủ cho thiết lập **Hẹn giờ chờ** và sau đó nhấp **Áp dụng**. Để máy in tắt tự động, chọn khoảng thời gian trong cài đặt **Tắt nguồn nếu không hoạt động** hoặc **Tắt nguồn nếu đã ngắt kết nối**, sau đó nhấp vào **Áp dụng**.

# In

## In từ trình điều khiển máy in trên Windows

### Truy cập trình điều khiển máy in

Khi truy cập trình điều khiển máy in từ bảng điều khiển của máy tính, các cài đặt được áp dụng cho tất cả ứng dụng.

#### Truy cập trình điều khiển máy in từ bảng điều khiển

##### ☐ Windows 10/Windows Server 2016

Nhấp vào nút bắt đầu và sau đó chọn **Hệ thống Windows > Panel điều khiển > Xem thiết bị và máy in** trong **Phần cứng và âm thanh**. Nhấp chuột phải vào máy in của bạn, hoặc bấm và giữ máy in và sau đó chọn **Tùy chọn máy in**.

##### ☐ Windows 8.1/Windows 8/Windows Server 2012 R2/Windows Server 2012

Chọn **Máy để bàn > Cài đặt > Panel điều khiển > Xem thiết bị và máy in** trong **Phần cứng và Âm thanh**. Nhấp chuột phải vào máy in của bạn, hoặc bấm và giữ máy in và sau đó chọn **Tùy chọn máy in**.

##### ☐ Windows 7/Windows Server 2008 R2

Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Panel điều khiển > Xem thiết bị và máy in** trong **Phần cứng và Âm thanh**. Nhấp chuột phải vào máy in của bạn và chọn **Tùy chọn máy in**.

##### ☐ Windows Vista/Windows Server 2008

Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Bảng điều khiển > Máy in** trong **Phần cứng và Âm thanh**. Nhấp chuột phải vào máy in của bạn và chọn **Chọn tùy chọn máy in**.

##### ☐ Windows XP/Windows Server 2003 R2/Windows Server 2003

Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Panel điều khiển > Máy in và Phần cứng khác > Máy in và Fax**. Nhấp chuột phải vào máy in của bạn và chọn **Tùy chọn máy in**.

#### Truy cập trình điều khiển máy in từ biểu tượng máy in trên thanh tác vụ

Biểu tượng máy in trên thanh tác vụ của màn hình nền là biểu tượng lối tắt cho phép bạn truy cập nhanh trình điều khiển máy in.

Nếu bạn nhấp vào biểu tượng máy in và chọn **Cài đặt máy in**, bạn có thể truy cập cùng cửa sổ các thiết lập máy in như cửa sổ được hiển thị từ bảng điều khiển. Nếu bạn nhấp đúp vào biểu tượng này, bạn có thể kiểm tra trạng thái của máy in.

##### **Lưu ý:**

Nếu biểu tượng máy in không được hiển thị trên thanh tác vụ, truy cập cửa sổ trình điều khiển máy in, nhấp vào **Ưu tiên giám sát trên thẻ Bảo dưỡng** và sau đó chọn **Đăng ký biểu tượng phím tắt với thanh công cụ**.

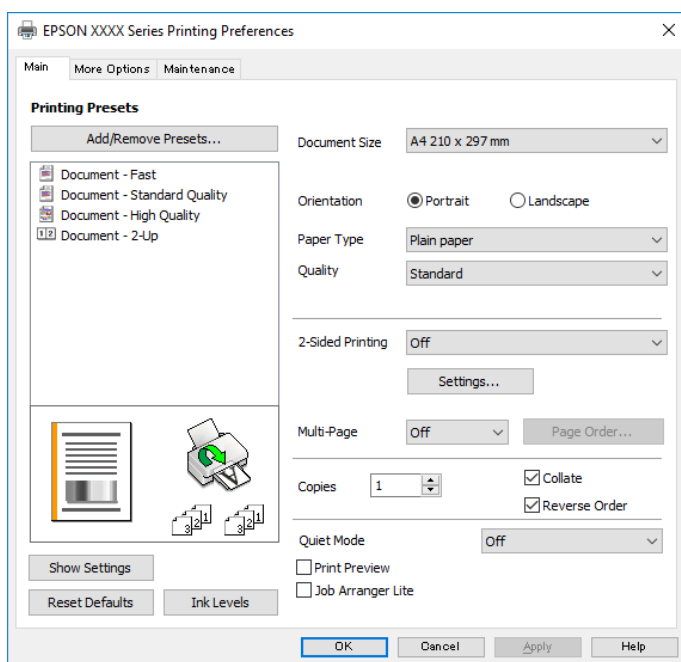
### Những điều cơ bản về in

##### **Lưu ý:**

Các thao tác có thể khác nhau tùy thuộc vào ứng dụng. Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết.

**In**

1. Mở tệp bạn muốn in.  
Nạp giấy vào máy in nếu chưa nạp.
2. Chọn **In** hoặc **Thiết lập in** từ menu **Tệp**.
3. Chọn máy in của bạn.
4. Chọn **Tùy chọn** hoặc **Thuộc tính** để truy cập của sổ trình điều khiển máy in.



5. Thay đổi cài đặt khi cần thiết.  
Xem tùy chọn menu cho trình điều khiển máy in để biết chi tiết.

**Lưu ý:**

- ☐ Bạn cũng có thể xem trợ giúp trực tuyến để biết giải thích cho từng mục cài đặt. Nhấp chuột phải vào mục hiển thị **T.giúp**.
- ☐ Khi chọn **Xem trước in**, bạn có thể xem bản xem trước của tài liệu trước khi in.

6. Nhấp vào **OK** để đóng cửa sổ trình điều khiển máy in.
7. Nhấp vào **In**.

**Lưu ý:**

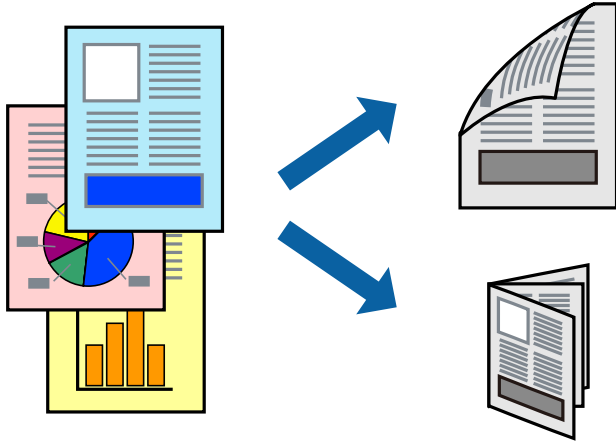
Khi bạn chọn **Xem trước in**, cửa sổ xem trước sẽ hiển thị. Để thay đổi cài đặt, nhấp vào **Hủy** và sau đó lặp lại quy trình từ bước 2.

**Thông tin liên quan**

- ➔ “Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 33
- ➔ “Nạp giấy vào Hộc Đựng Giấy” ở trang 35
- ➔ “Tab Chính” ở trang 56

## In 2 Mặt

Bạn có thể in trên cả hai mặt giấy. Lật giấy để in trên mặt còn lại khi máy in đã in xong mặt đầu tiên. Bạn cũng có thể in sổ nhỏ có thể được tạo ra bằng sắp xếp lại các trang và gấp bản in.



### Lưu ý:

- ☐ Nếu bạn không sử dụng giấy thích hợp cho việc in 2 mặt, chất lượng in có thể suy giảm và có thể xảy ra kẹt giấy.
- ☐ Tùy thuộc vào giấy và dữ liệu, mực có thể chảy qua mặt bên kia của giấy.

### Thông tin liên quan

➡ “Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 33

## Cài đặt in

In 2 mặt có sẵn khi đã bật EPSON Status Monitor 3. Tuy nhiên, tính năng này có thể không khả dụng khi máy in được truy cập qua mạng hoặc được sử dụng làm máy in dùng chung.

### Lưu ý:

Để bật EPSON Status Monitor 3, nhấp vào **Cài đặt mở rộng** trên tab **Bảo dưỡng**, sau đó chọn **Bật EPSON Status Monitor 3**.

1. Trên tab **Chính** của trình điều khiển máy in, chọn một tùy chọn từ **In 2 mặt**.
2. Nhấp vào **Settings**, đặt các cài đặt thích hợp và sau đó nhấp **Đ.ý**.

### Lưu ý:

Để in tập sách gấp, chọn **Sách nhỏ**.

3. Nhấp vào **In**.

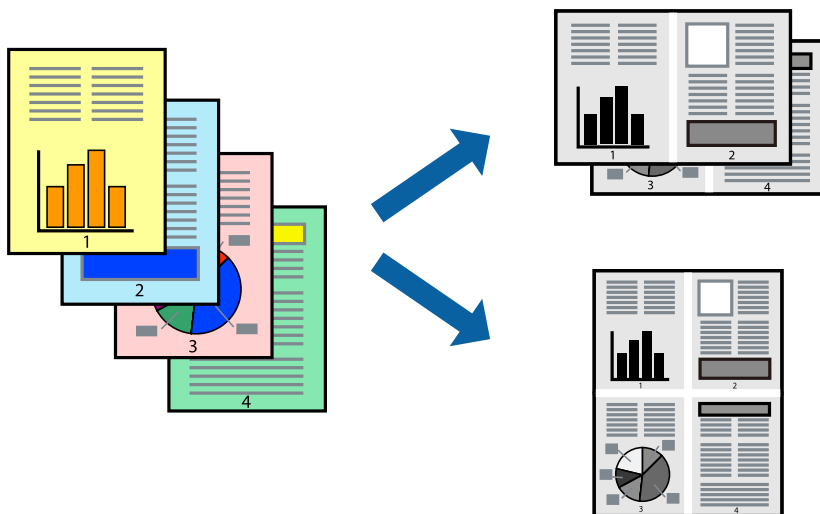
Khi đã kết thúc in mặt đầu tiên, một cửa sổ bật lên được hiển thị trên máy tính. Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình.

### Thông tin liên quan

- ➡ “Những điều cơ bản về in” ở trang 41
- ➡ “Tab Chính” ở trang 56

## In một vài trang trên một tờ

Bạn có thể in hai hoặc bốn trang dữ liệu trên một tờ giấy duy nhất.



## Cài đặt in

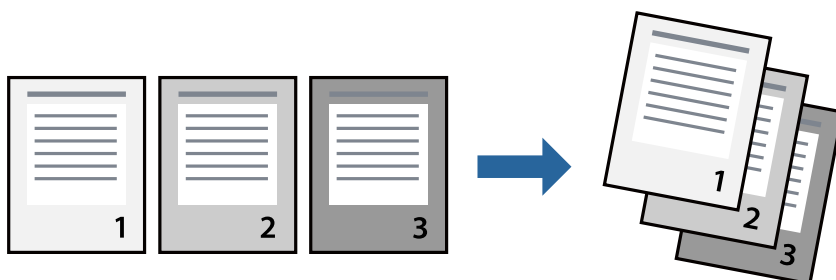
Trên tab **Chính** của trình điều khiển máy in, chọn **2 trang/tờ** hoặc **4 trang/tờ** làm cài đặt **Nhiều trang**.

### Thông tin liên quan

- ➔ “Những điều cơ bản về in” ở trang 41
- ➔ “Tab Chính” ở trang 56

## In và xếp chồng theo thứ tự trang (In theo thứ tự đảo ngược)

Bạn có thể in từ trang cuối cùng để các tài liệu được xếp chồng lên nhau theo thứ tự trang.



## Cài đặt in

Trên tab **Chính** của trình điều khiển máy in, chọn **Thứ tự ngược**.

### Thông tin liên quan

- ➔ “Những điều cơ bản về in” ở trang 41

➔ “Tab Chính” ở trang 56

## In tài liệu phóng to hoặc thu nhỏ

Bạn có thể thu nhỏ hoặc phóng to kích cỡ tài liệu theo một tỷ lệ cụ thể hoặc vừa với khổ giấy bạn đã nạp vào máy in.



## Cài đặt in

Trên tab **Tùy chọn khác** của trình điều khiển máy in, chọn kích thước tài liệu từ cài đặt **Cỡ tài liệu**. Chọn khổ giấy bạn muốn in từ cài đặt **Giấy ra**. Chọn **Thu nhỏ/p.to tài liệu** rồi chọn **Khớp với trang** hoặc **Thu-phóng về**. Khi bạn chọn **Thu-phóng về**, hãy nhập tỷ lệ phần trăm.

Chọn **Giữa** để in các hình ảnh ở giữa trang.

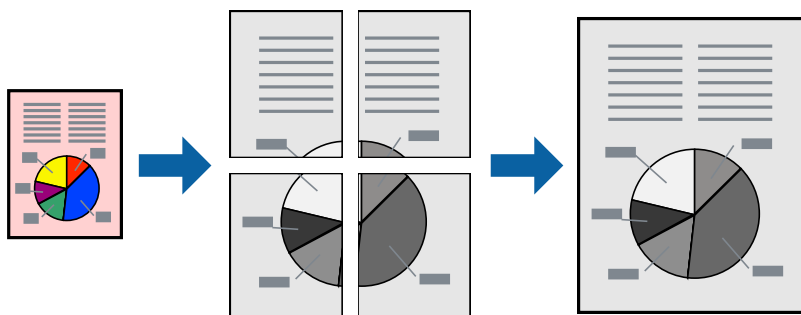
### Thông tin liên quan

➔ “Những điều cơ bản về in” ở trang 41

➔ “Tab Tùy chọn khác” ở trang 56

## In một hình ảnh trên nhiều tờ để phóng to (tạo áp phích)

Tính năng này cho phép bạn in một hình trên nhiều tờ giấy. Bạn có thể tạo áp phích lớn hơn bằng cách dán chúng lại với nhau.



## Cài đặt in

Trên tab **Chính** của trình điều khiển máy in, chọn **Áp phích 2x1**, **Áp phích 2x2**, **Áp phích 3x3** hoặc **Áp phích 4x4** làm cài đặt **Nhiều trang**. Nếu bạn nhấp vào **Cài đặt**, bạn có thể chọn panel mà bạn không muốn in. Bạn cũng có thể chọn tùy chọn hướng dẫn cắt.

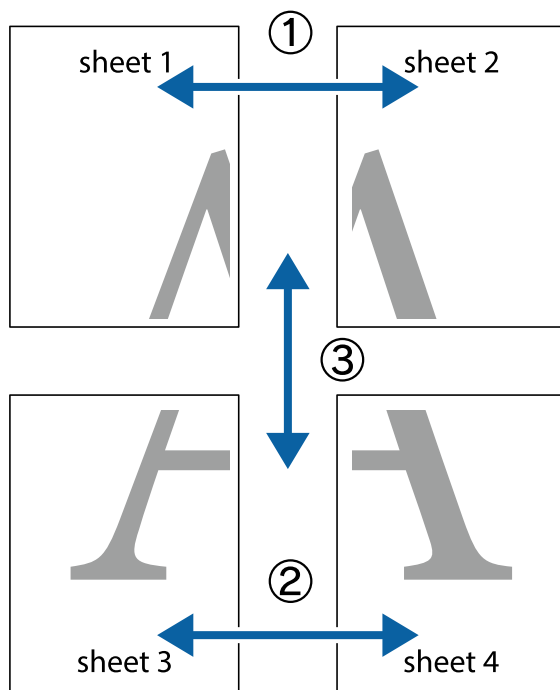
### Thông tin liên quan

- ➔ “[Những điều cơ bản về in](#)” ở trang 41
- ➔ “[Tab Chính](#)” ở trang 56

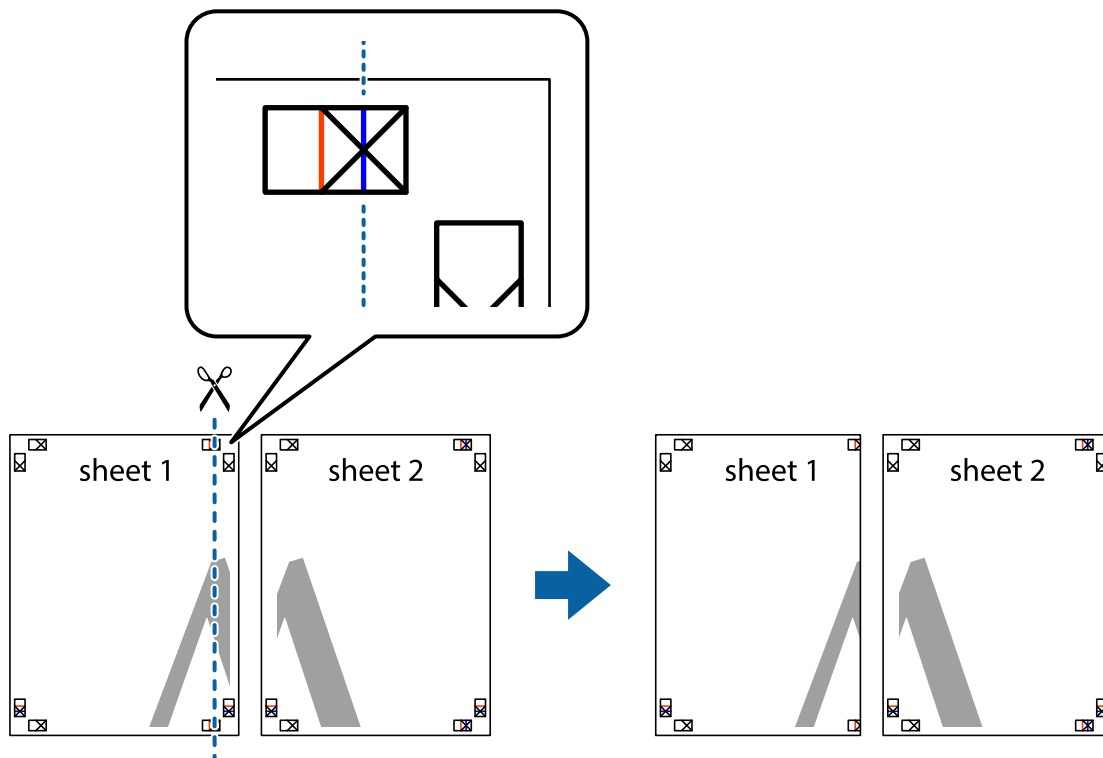
## Tạo áp-phích bằng Dấu cân chỉnh chồng lấp

Đây là ví dụ về cách tạo áp-phích khi **Áp phích 2x2** được chọn, và **Dấu cân chỉnh chồng lấp** được chọn trong **Đường dẫn cắt bản in**.

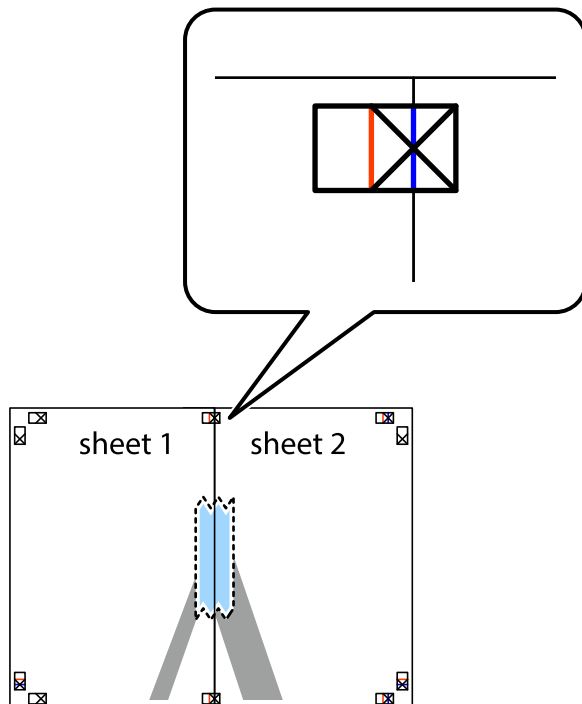
Các đường dẫn hướng thực tế được in đen trắng, nhưng trong giải thích này chúng được thể hiện bằng các đường màu xanh và màu đỏ.



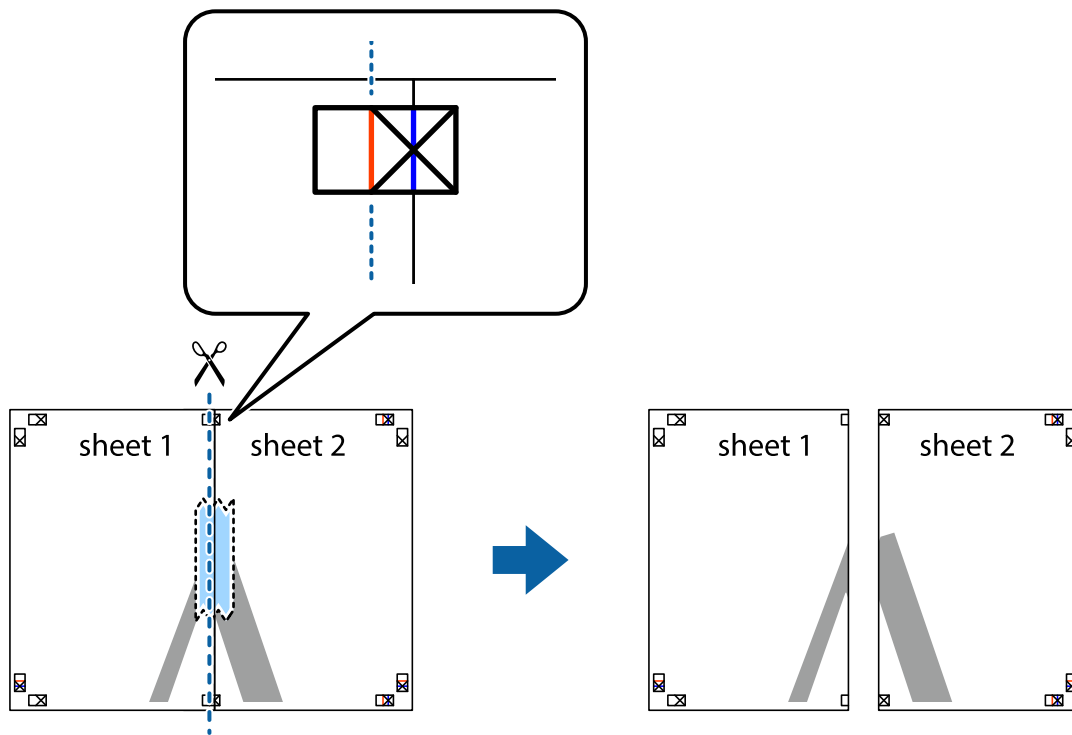
1. Chuẩn bị Sheet 1 và Sheet 2. Cắt bỏ phần lề của Sheet 1 theo đường dọc màu xanh đi qua tâm của các dấu thập ở đỉnh và đáy.



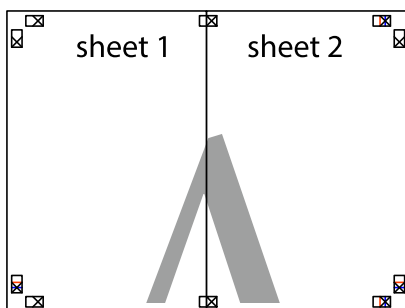
2. Đặt cạnh của Sheet 1 lên trên Sheet 2 và căn thẳng các dấu thập, sau đó dán tạm thời hai tờ với nhau từ phía sau.



- Cắt các tờ đã dán với nhau thành hai theo đường dọc màu đỏ đi qua các dấu căn chỉnh (lần này, đường nằm ở bên trái của các dấu thập).



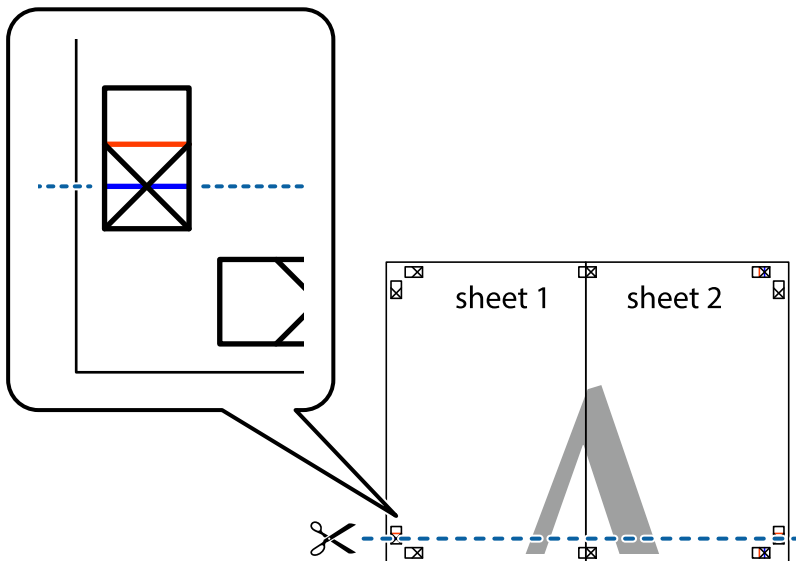
- Dán các tờ lại với nhau từ phía sau.



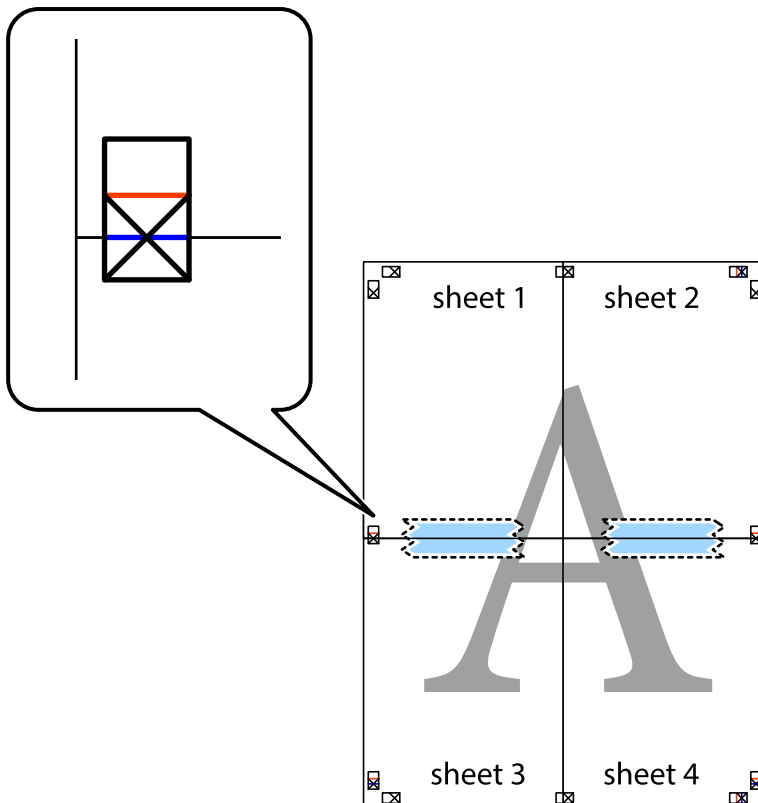
- Lặp lại các bước 1 đến 4 để dán Sheet 3 và Sheet 4 với nhau.

## In

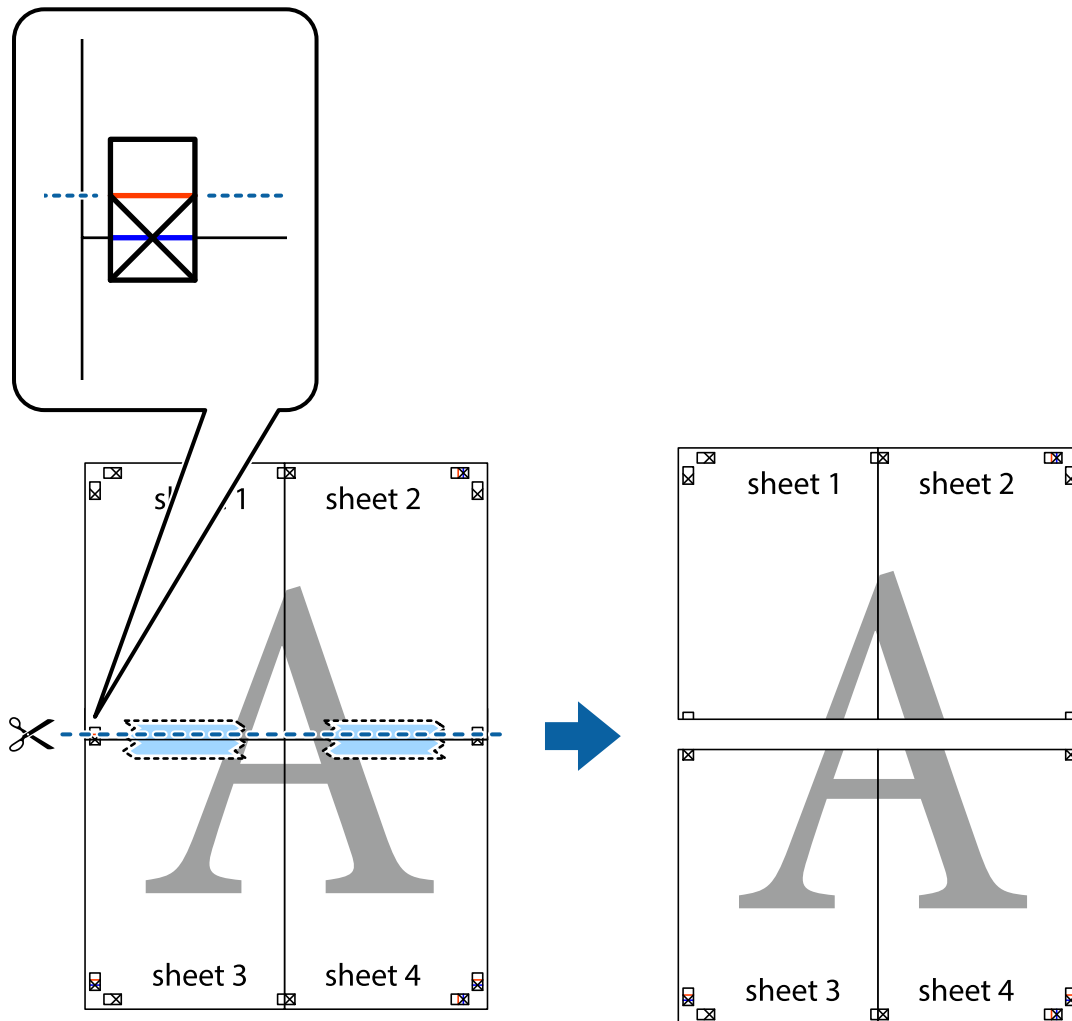
6. Cắt bỏ phần lề của Sheet 1 và Sheet 2 theo đường ngang màu xanh đi qua tâm của các dấu thập bên phải và bên trái.



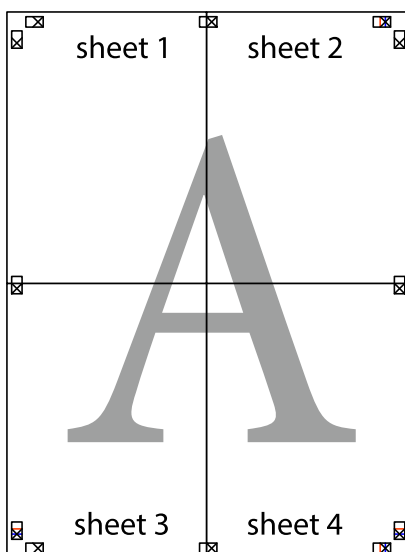
7. Đặt cạnh của Sheet 1 và Sheet 2 lên Sheet 3 và Sheet 4 và căn thẳng các dấu thập, và sau đó dán tạm thời chúng lại với nhau từ phía sau.



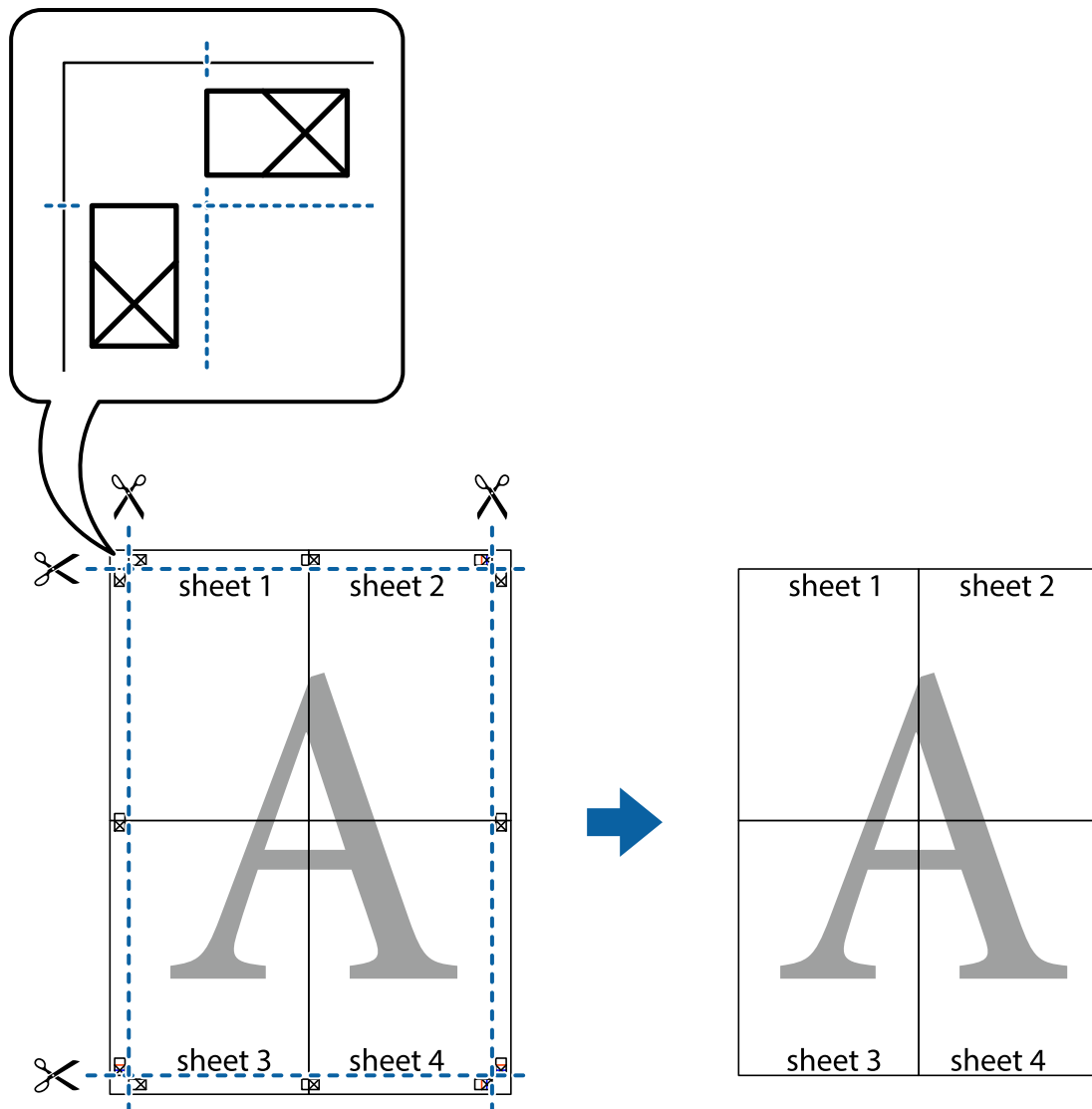
8. Cắt các tờ đã dán với nhau thành hai theo đường ngang màu đỏ đi qua các dấu căn chỉnh (lần này, đường nằm bên trên các dấu thập).



9. Dán các tờ lại với nhau từ phía sau.

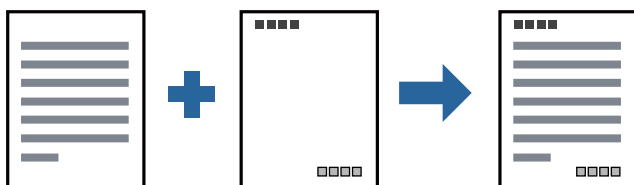


10. Cắt bỏ phần lề còn lại theo đường dẫn hướng bên ngoài.



## In với phần đầu đề và chân trang

Bạn có thể in thông tin như tên người dùng và ngày in trong phần đầu đề hoặc chân trang.



## Cài đặt in

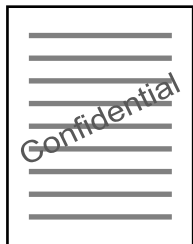
Trên tab **Tùy chọn khác** của trình điều khiển máy in, nhấp vào **Tính năng dấu mờ**, sau đó chọn **Đầu trang/cuối trang**. Nhấp vào **Cài đặt**, sau đó chọn mục bạn muốn in.

### Thông tin liên quan

- ➔ “Những điều cơ bản về in” ở trang 41
- ➔ “Tab Tùy chọn khác” ở trang 56

## In hình mờ

Bạn có thể in hình mờ như "Bí mật" trên bản in của bạn. Bạn cũng có thể thêm hình mờ của riêng bạn.



### Lưu ý:

Tính năng này không sẵn có đối với in không đường viền.

## Cài đặt in

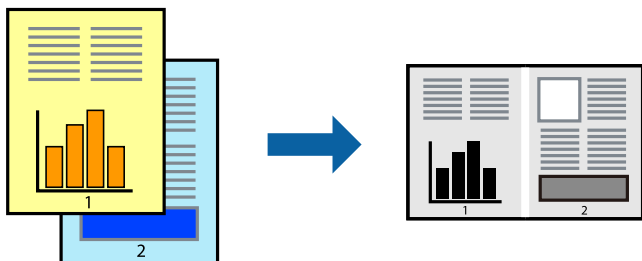
Trên tab **Tùy chọn khác** của trình điều khiển máy in, nhấp vào **Tính năng dấu mờ**, sau đó chọn Dấu mờ. Nhấp vào **Cài đặt** để thay đổi chi tiết như kích thước, mật độ hoặc vị trí của hình mờ.

### Thông tin liên quan

- ➔ “Những điều cơ bản về in” ở trang 41
- ➔ “Tab Tùy chọn khác” ở trang 56

## In nhiều tệp cùng lúc

Job Arranger Lite cho phép bạn kết hợp một vài tệp do các ứng dụng khác nhau tạo ra và in chúng trong một lệnh in duy nhất. Bạn có thể chỉ định cài đặt in cho các tệp kết hợp, như bố cục nhiều trang và in 2 mặt.



## Cài đặt in

Trên tab **Chính** của trình điều khiển máy in, chọn **Job Arranger Lite**. Khi bạn bắt đầu in, cửa sổ Job Arranger Lite sẽ hiển thị. Khi cửa sổ Job Arranger Lite mở, mở tệp bạn muốn để kết hợp với tệp hiện tại, và sau đó lặp lại các bước trên.

## In

Khi bạn chọn một lệnh in được thêm vào In dự án trong cửa sổ Job Arranger Lite, bạn có thể chỉnh sửa bố cục trang.

Nhấp vào **In** từ menu **File** để bắt đầu in.

### Lưu ý:

Nếu bạn đóng cửa sổ Job Arranger Lite trước khi thêm tất cả dữ liệu in vào In dự án, lệnh in bạn hiện đang thực hiện sẽ bị hủy. Nhấp vào **Lưu** từ menu **File** để lưu lệnh hiện tại. Phần mở rộng của các tệp đã lưu là ".ecl".

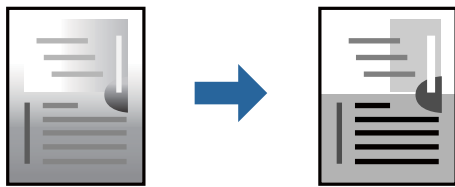
Để mở In dự án, hãy nhấp vào **Job Arranger Lite** trên tab **Bảo dưỡng** của trình điều khiển máy in để mở cửa sổ Job Arranger Lite. Tiếp theo, chọn **Mở** từ menu **File** để chọn tệp.

### Thông tin liên quan

- ➔ “Những điều cơ bản về in” ở trang 41
- ➔ “Tab Chính” ở trang 56

## Điều chỉnh màu in

Bạn có thể điều chỉnh màu được sử dụng trong công việc in.



### Lưu ý:

Các điều chỉnh này không được áp dụng cho dữ liệu gốc.

## Cài đặt in

Trên tab **Tùy chọn khác** của trình điều khiển máy in, chọn **Tùy biến** làm cài đặt **H.chỉnh tông màu**. Nhấp vào **Nâng cao** để mở cửa sổ **H.chỉnh tông màu**, và sau đó chọn phương pháp sửa màu.

### Lưu ý:

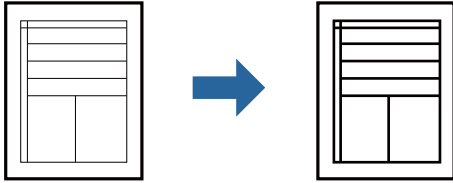
- ☐ **Tự động** được chọn làm mặc định trên tab **Tùy chọn khác**. Cài đặt này tự động điều chỉnh màu cho phù hợp với kiểu giấy và cài đặt chất lượng in.

### Thông tin liên quan

- ➔ “Những điều cơ bản về in” ở trang 41
- ➔ “Tab Tùy chọn khác” ở trang 56

## In để làm nổi bật các đường mỏng

Bạn có thể làm dày các đường mỏng mà quá mỏng để in.



### Cài đặt in

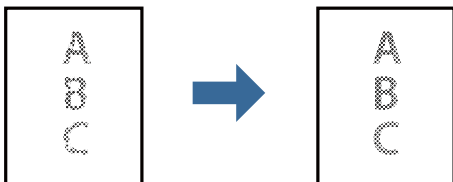
Trên tab **Tùy chọn khác** của trình điều khiển máy in, nhấp vào **Tùy chọn hình** trong cài đặt **H.chỉnh tông màu**. Chọn **Chú trọng nét mảnh**.

#### Thông tin liên quan

- ➔ “[Những điều cơ bản về in](#)” ở trang 41
- ➔ “[Tab Tùy chọn khác](#)” ở trang 56

## In nâng cao phần chữ và đường nét mảnh

Bạn có thể nâng cao phần chữ và đường nét mảnh để chúng nhìn rõ hơn, hoặc làm sắc nét hình ảnh.



### Cài đặt in

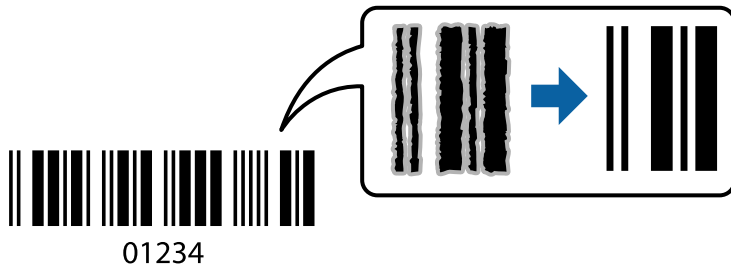
Trên tab **Tùy chọn khác** của trình điều khiển máy in, nhấp vào **Tùy chọn hình** trong cài đặt **H.chỉnh tông màu**. Chọn **Tăng cường văn bản và đường nét lợt**.

#### Thông tin liên quan

- ➔ “[Những điều cơ bản về in](#)” ở trang 41
- ➔ “[Tab Tùy chọn khác](#)” ở trang 56

## In mã vạch rõ ràng

Bạn có thể in mã vạch rõ ràng và giúp mã vạch dễ quét. Chỉ bật tính năng này nếu mã vạch bạn đã in không quét được.



Bạn có thể sử dụng tính năng này trong các điều kiện sau.

☐ Giấy: giấy thường, giấy sao chụp, giấy thường chất lượng cao hoặc bì thư

☐ C.lượng: **Chuẩn**

Chất lượng in có thể thay đổi khi in. Tốc độ in có thể chậm hơn và mật độ in có thể cao hơn.

### Lưu ý:

Việc khử mờ không phải lúc nào cũng thực hiện được tùy thuộc vào trường hợp.

## Cài đặt in

Trên tab **Bảo dưỡng** của trình điều khiển máy in, nhấp vào **Cài đặt mở rộng**, sau đó chọn **Chế độ mã vạch**.

### Thông tin liên quan

➔ [“Những điều cơ bản về in” ở trang 41](#)

➔ [“Tab Bảo dưỡng” ở trang 57](#)

## Hủy in

Bạn có thể hủy lệnh in trên máy tính. Tuy nhiên, bạn không thể hủy lệnh in trên máy tính nếu lệnh in này đã được gửi hoàn toàn đến máy in. Trong trường hợp này, hãy hủy công việc in bằng cách sử dụng bảng điều khiển của máy in.

## Hủy

Trên máy tính, nhấp chuột phải vào máy in trong **Thiết bị và Máy in**, **Máy in** hoặc trong **Máy in và Fax**. Nhấp vào **Xem nội dung đang in**, nhấp chuột phải vào lệnh bạn muốn hủy, sau đó chọn **Hủy**.

## Tùy chọn menu cho trình điều khiển in

Mở cửa sổ in trong một ứng dụng, chọn máy in, sau đó truy cập cửa sổ trình điều khiển in.

### Lưu ý:

Các menu thay đổi tùy theo tùy chọn bạn đã chọn.

## In

## Tab Chính

|                    |                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                |
|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Giá trị in cài sẵn | Thêm/xóa giá trị cài sẵn                                                                                                                                                                         | Bạn có thể thêm hoặc xóa cài đặt sẵn của riêng mình cho các cài đặt in thường được sử dụng. Chọn cài đặt sẵn mà bạn muốn sử dụng từ danh sách. |
| Hiện cài đặt       | Hiển thị danh sách các mục hiện được đặt trên tab <b>Chính</b> và <b>Tùy chọn khác</b> .                                                                                                         |                                                                                                                                                |
| Cài về mặc định    | Trả tất cả cài đặt về giá trị mặc định ban đầu. Các cài đặt trên tab <b>Tùy chọn khác</b> cũng được đặt lại về giá trị mặc định.                                                                 |                                                                                                                                                |
| Mức mực            | Hiển thị cách kiểm tra mức mực.                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                |
| Nguồn giấy         | Chọn nguồn giấy mà giấy sẽ được nạp. Chọn <b>Chọn tự động</b> để tự động chọn nguồn giấy đã chọn trong cài đặt in trên máy in.<br>Nếu máy in chỉ có một nguồn giấy, mục này không được hiển thị. |                                                                                                                                                |
| Cỡ tài liệu        | Chọn khổ giấy mà bạn muốn in. Nếu bạn chọn <b>Do người dùng chọn</b> , hãy nhập chiều rộng và chiều cao của giấy.                                                                                |                                                                                                                                                |
| Định hướng         | Chọn hướng bạn muốn sử dụng để in.                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                |
| Loại giấy          | Chọn kiểu giấy bạn sẽ in.                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                |
| C.lượng            | Chọn chất lượng in bạn muốn sử dụng để in. Có sẵn các cài đặt tùy theo loại giấy bạn chọn.                                                                                                       |                                                                                                                                                |
| In 2 mặt           | Cho phép bạn thực hiện in 2 mặt.                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                |
|                    | Settings                                                                                                                                                                                         | Bạn có thể chỉ định mép liên kết và lề liên kết.                                                                                               |
| Nhiều trang        | Cho phép bạn in nhiều trang trên một tờ hoặc in áp phích. Nhấp vào <b>Thứ tự trang</b> để chỉ định thứ tự in trang.                                                                              |                                                                                                                                                |
| Copies             | Chọn số bản sao bạn muốn in.                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                |
|                    | K.tra t.tự                                                                                                                                                                                       | In tài liệu nhiều trang được chia bộ theo thứ tự và sắp xếp thành bộ.                                                                          |
|                    | Thứ tự ngược                                                                                                                                                                                     | Cho phép bạn in từ trang cuối cùng để các trang được xếp chồng lên nhau theo đúng thứ tự sau khi in.                                           |
| C.độ im lặng       | Giảm tiếng ồn của máy in. Tuy nhiên, bật chế độ này có thể làm giảm tốc độ in.                                                                                                                   |                                                                                                                                                |
| Xem trước in       | Hiển thị chế độ xem trước tài liệu trước khi in.                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                |
| Job Arranger Lite  | Chọn in bằng tính năng Job Arranger Lite.                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                |

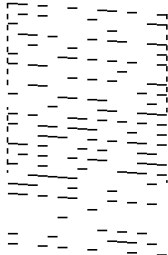
## Tab Tùy chọn khác

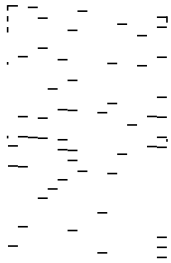
|                    |                                                                                                                          |                                                                                                                                                |
|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Giá trị in cài sẵn | Thêm/xóa giá trị cài sẵn                                                                                                 | Bạn có thể thêm hoặc xóa cài đặt sẵn của riêng mình cho các cài đặt in thường được sử dụng. Chọn cài đặt sẵn mà bạn muốn sử dụng từ danh sách. |
| Hiện cài đặt       | Hiển thị danh sách các mục hiện được đặt trên tab <b>Chính</b> và <b>Tùy chọn khác</b> .                                 |                                                                                                                                                |
| Cài về mặc định    | Trả tất cả cài đặt về giá trị mặc định ban đầu. Các cài đặt trên tab <b>Chính</b> cũng được đặt lại về giá trị mặc định. |                                                                                                                                                |
| Cỡ tài liệu        | Chọn kích cỡ của tài liệu.                                                                                               |                                                                                                                                                |

## In

|                       |                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                   |
|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Giấy ra               | Chọn khổ giấy mà bạn muốn in. Nếu <b>Giấy ra</b> khác với <b>Cỡ tài liệu</b> , <b>Thu nhỏ/p.to tài liệu</b> được chọn tự động. Bạn không phải chọn tính năng khi in mà không làm giảm hoặc mở rộng kích thước của một tài liệu. |                                                                                                                                   |
| Thu nhỏ/p.to tài liệu | Cho phép bạn giảm hoặc tăng kích thước tài liệu.                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                   |
|                       | Khớp với trang                                                                                                                                                                                                                  | Tự động giảm hoặc phóng to tài liệu để vừa với khổ giấy đã chọn trong <b>Giấy ra</b> .                                            |
|                       | Thu-phóng về                                                                                                                                                                                                                    | In với phần trăm cụ thể.                                                                                                          |
|                       | Giữa                                                                                                                                                                                                                            | In hình ảnh ở giữa giấy.                                                                                                          |
| H.chỉnh tông màu      | Tự động                                                                                                                                                                                                                         | Tự động điều chỉnh sắc màu của hình ảnh.                                                                                          |
|                       | Tùy biến                                                                                                                                                                                                                        | Cho phép bạn thực hiện chỉnh sửa sắc màu thủ công. Nhấp vào <b>Nâng cao</b> để có cài đặt nâng cao.                               |
|                       | Tùy chọn hình                                                                                                                                                                                                                   | Bật tùy chọn chất lượng in như Chú trọng văn bản. Bạn cũng có thể làm dày các đường mảnh để chúng hiển thị trên bản in ra.        |
| Tính năng dấu mờ      | Cho phép bạn thực hiện cài đặt cho mẫu chống sao chép hoặc các hình mờ.                                                                                                                                                         |                                                                                                                                   |
| Cài đặt bổ sung       | Xoay 180°                                                                                                                                                                                                                       | Xoay các trang 180 độ trước khi in. Tính năng này hữu ích khi in lên giấy như bì thư đã được nạp theo hướng cố định trong máy in. |
|                       | Tốc độ cao                                                                                                                                                                                                                      | In khi đầu in di chuyển theo cả hai chiều. Tốc độ in nhanh hơn, nhưng chất lượng có thể giảm.                                     |
|                       | Hình p.chiều                                                                                                                                                                                                                    | Chuyển hình ảnh thành bản in khi hình ảnh xuất hiện trong gương.                                                                  |

## Tab Bảo dưỡng

|                |                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| K.tra kim phun | In mẫu kiểm tra kim phun để xem kim phun của đầu in có bị tắc không.                                                                                                                                                                                                                     |
| Vệ sinh đầu in | <p>Làm sạch kim phun bị tắc trong đầu in. Vì tính năng này sử dụng một chút mực, chỉ làm sạch đầu in nếu một số kim phun bị tắc như được hiển thị trong hình minh họa về mẫu kiểm tra kim phun.</p>  |

|                              |                                                                                                                                                                                                                                                |
|------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Vệ Sinh Tăng Cường           | Chạy làm sạch mạnh để làm sạch kim phun bị tắc trong đầu in. Vì tính năng này sử dụng nhiều mực hơn so với làm sạch đầu in, chỉ chạy làm sạch mạnh nếu hầu hết kim phun bị tắc như được hiển thị trong hình minh họa về mẫu kiểm tra kim phun. |
|                              |                                                                                                                                                              |
| Canh chỉnh đầu in            | Căn chỉnh đầu in nếu các đường dọc bị lệch.                                                                                                                                                                                                    |
| Vệ sinh thanh dẫn giấy       | Làm sạch đường dẫn giấy nếu bản in bị bẩn.                                                                                                                                                                                                     |
| Job Arranger Lite            | Mở cửa sổ Job Arranger Lite. Tại đây bạn có thể mở và chỉnh sửa dữ liệu đã lưu.                                                                                                                                                                |
| EPSON Status Monitor 3       | Mở cửa sổ EPSON Status Monitor 3. Tại đây, bạn có thể xác nhận trạng thái của máy in và vật tư tiêu hao.                                                                                                                                       |
| Ưu tiên giám sát             | Cho phép bạn thực hiện cài đặt cho các mục trên cửa sổ EPSON Status Monitor 3.                                                                                                                                                                 |
| Cài đặt mở rộng              | Cho phép bạn thực hiện nhiều cài đặt khác nhau. Nhấp chuột phải vào mỗi mục để xem T.giúp để biết thêm chi tiết.                                                                                                                               |
| Chuỗi in                     | Hiển thị các lệnh đang chờ in. Bạn có thể kiểm tra, tạm dừng hoặc tiếp tục các lệnh in.                                                                                                                                                        |
| Máy in và thông tin tùy chọn | Hiển thị số tờ giấy được nạp vào máy in.                                                                                                                                                                                                       |
| Ngôn ngữ                     | Thay đổi ngôn ngữ được sử dụng trên cửa sổ trình điều khiển máy in. Để áp dụng các cài đặt này, đóng trình điều khiển máy in và sau đó mở lại.                                                                                                 |
| Cập nhật phần mềm            | Bắt đầu EPSON Software Updater để kiểm tra phiên bản ứng dụng mới nhất trên Internet.                                                                                                                                                          |
| Hỗ trợ kỹ thuật              | Cho phép bạn truy cập trang web hỗ trợ kỹ thuật của Epson.                                                                                                                                                                                     |

## In từ trình điều khiển máy in trên Mac OS

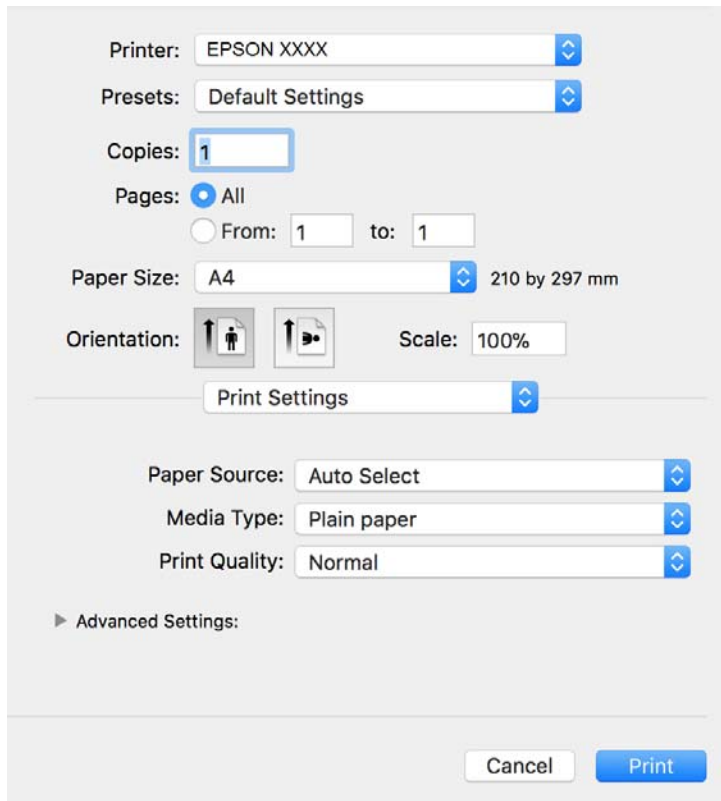
### Những điều cơ bản về in ấn

#### Lưu ý:

Các thao tác sẽ khác nhau tùy thuộc vào ứng dụng. Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết.

1. Mở tệp bạn muốn in.  
Nạp giấy vào máy in nếu chưa nạp.
2. Chọn **In** từ menu **Tệp** hoặc một lệnh khác để truy cập hộp thoại in.  
Nếu cần, nhấp vào **Hiển thị Chi tiết** hoặc ▼ để mở rộng cửa sổ in.
3. Chọn máy in của bạn.

4. Chọn **Cài đặt in** từ menu bật lên.



**Lưu ý:**

Trên OS X Mountain Lion trở lên, nếu menu **Cài đặt in** không được hiển thị, trình điều khiển máy in Epson chưa được cài đặt chính xác.

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ  menu > **Máy in & Máy quét** (hoặc **In & Quét**, **In & Fax**), xóa máy in và sau đó thêm lại máy in. Xem nội dung sau để thêm máy in.

<http://epson.sn>

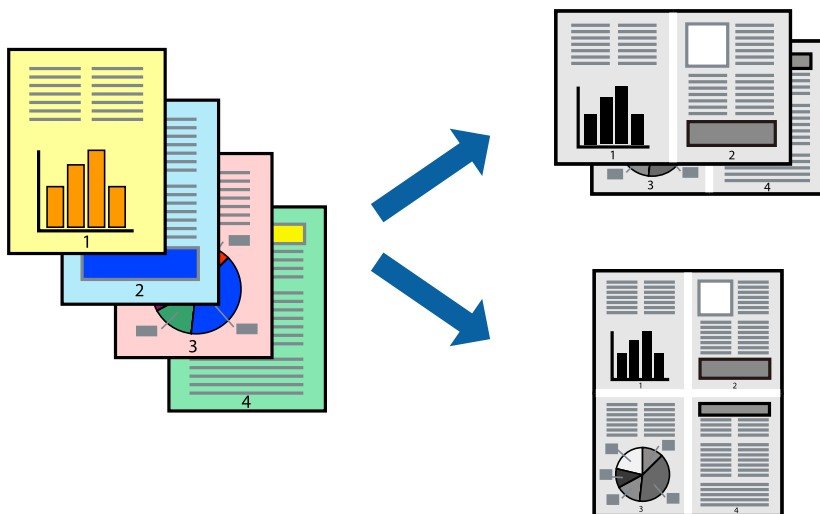
5. Thay đổi cài đặt nếu cần.  
Xem tùy chọn menu cho trình điều khiển máy in để biết thông tin chi tiết.
6. Nhấp vào **In**.

**Thông tin liên quan**

- ➔ “Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 33
- ➔ “Nạp giấy vào Hộc Đựng Giấy” ở trang 35
- ➔ “Tùy chọn menu cho Cài đặt in” ở trang 63

## In một vài trang trên một tờ

Bạn có thể in hai hoặc bốn trang dữ liệu trên một tờ giấy duy nhất.



## Cài đặt in

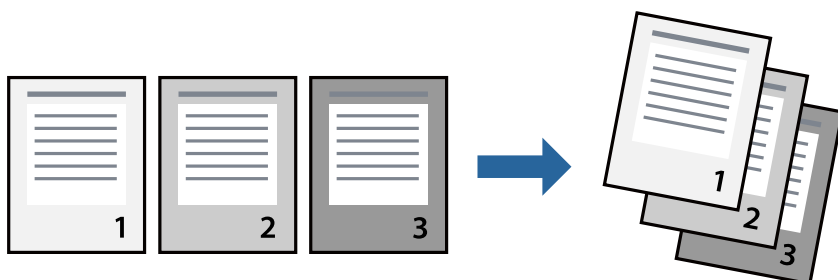
Chọn **Bố trí** từ menu bật lên. Đặt số trang trong **Số trang mỗi tờ**, **Hướng của bố trí** (thứ tự trang) và **Đường viền**.

### Thông tin liên quan

- ➔ “Những điều cơ bản về in ấn” ở trang 58
- ➔ “Tùy chọn menu cho bố cục” ở trang 62

## In và xếp chồng theo thứ tự trang (In theo thứ tự đảo ngược)

Bạn có thể in từ trang cuối cùng để các tài liệu được xếp chồng lên nhau theo thứ tự trang.



## Cài đặt in

Chọn **Xử lý giấy** từ menu bật lên. Chọn **Đảo ngược** dưới dạng cài đặt **Thứ tự trang**.

### Thông tin liên quan

- ➔ “Những điều cơ bản về in ấn” ở trang 58

➔ “Tùy chọn menu cho xử lý trang” ở trang 62

## In tài liệu phóng to hoặc thu nhỏ

Bạn có thể thu nhỏ hoặc phóng to kích cỡ tài liệu theo một tỷ lệ cụ thể hoặc vừa với khổ giấy bạn đã nạp vào máy in.



## Cài đặt in

Khi in để vừa với khổ giấy, chọn **Xử lý giấy** từ menu bật lên, sau đó chọn **Điều chỉnh để vừa với khổ giấy**. Chọn khổ giấy bạn đã nạp vào máy in trong **Khổ giấy đích**. Khi giảm kích thước tài liệu, chọn **Chỉ giảm**.

Khi in theo phần trăm cụ thể, hãy thực hiện một trong các bước sau.

- ☐ Chọn **In** từ menu **Tệp** của ứng dụng. Chọn **Máy in**, nhập tỷ lệ phần trăm vào trong **Tỷ lệ**, sau đó nhấp vào **In**.
- ☐ Chọn **Thiết lập trang** từ menu **Tệp** của ứng dụng. Chọn máy in của bạn ở **Định dạng cho**, nhập tỷ lệ phần trăm vào trong **Tỷ lệ**, sau đó nhấp vào **OK**.

### Lưu ý:

Chọn khổ giấy bạn đã đặt trong ứng dụng làm cài đặt **Khổ giấy đích**.

## Thông tin liên quan

- ➔ “Những điều cơ bản về in ấn” ở trang 58
- ➔ “Tùy chọn menu cho xử lý trang” ở trang 62

## Hủy in

Bạn có thể hủy lệnh in trên máy tính. Tuy nhiên, bạn không thể hủy lệnh in trên máy tính nếu lệnh in này đã được gửi hoàn toàn đến máy in. Trong trường hợp này, hãy hủy công việc in bằng cách sử dụng bảng điều khiển của máy in.

## Hủy

Nhấp vào biểu tượng máy in trong **Trạm kết nối**. Chọn lệnh bạn muốn hủy, sau đó thực hiện một trong các thao tác sau.

☐ OS X Mountain Lion trở lên

Nhấp vào  bên cạnh đồng hồ tiến độ.

☐ Mac OS X v10.6.8 tới v10.7.x

Nhấp vào **Xóa**.

## Tùy chọn menu cho trình điều khiển in

Mở cửa sổ in trong một ứng dụng, chọn máy in, sau đó truy cập cửa sổ trình điều khiển in.

**Lưu ý:**

Các menu thay đổi tùy theo tùy chọn bạn đã chọn.

### Tùy chọn menu cho bố cục

|                       |                                                                                                                                |
|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Số trang trên mỗi tờ  | Chọn số trang sẽ được in trên một tờ.                                                                                          |
| Hướng bố cục          | Chỉ định thứ tự trang sẽ được in.                                                                                              |
| Đường viền            | In đường viền quanh trang.                                                                                                     |
| Đảo ngược hướng trang | Xoay trang 180 độ trước khi in. Chọn mục này khi in trên giấy chẳng hạn như phong bì được nạp theo hướng cố định trong máy in. |
| Lật theo chiều ngang  | Chuyển hình ảnh thành bản in khi hình ảnh xuất hiện trong gương.                                                               |

### Tùy chọn menu để khớp màu

|                      |                                                                                                                                                |
|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| ColorSync            | Chọn phương pháp để điều chỉnh màu. Các tùy chọn này điều chỉnh màu giữa máy in và màn hình máy tính để giảm thiểu sự khác biệt trong màu sắc. |
| EPSON Color Controls |                                                                                                                                                |

### Tùy chọn menu cho xử lý trang

|                                |                                                                         |                                 |
|--------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|
| Sắp xếp các trang              | In tài liệu nhiều trang được sắp xếp theo thứ tự và phân loại thành bộ. |                                 |
| Trang sẽ in                    | Chọn để chỉ in trang lẻ hoặc trang chẵn.                                |                                 |
| Thứ tự trang                   | Chọn để in từ trang đầu đến cuối.                                       |                                 |
| Thu phóng cho vừa với khổ giấy | Các bản in vừa với khổ giấy bạn đã nạp.                                 |                                 |
|                                | Khổ giấy đích                                                           | Chọn khổ giấy để in.            |
|                                | Chỉ thu nhỏ                                                             | Chọn khi giảm kích cỡ tài liệu. |

## Tùy chọn menu cho trang bìa

|                |                                                                                       |
|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| In trang bìa   | Chọn có in trang bìa hay không. Khi bạn muốn thêm bìa sau, chọn <b>Sau tài liệu</b> . |
| Loại trang bìa | Chọn nội dung trên trang bìa.                                                         |

## Tùy chọn menu cho Cài đặt in

|                  |                                                                                                                                                                                               |
|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Paper Source     | Chọn nguồn giấy mà giấy sẽ được nạp. Nếu máy in chỉ có một nguồn giấy, mục này không được hiển thị. Chọn <b>Chọn tự động</b> sẽ tự động chọn nguồn giấy phù hợp với cài đặt giấy trên máy in. |
| Media Type       | Chọn kiểu giấy bạn sẽ in.                                                                                                                                                                     |
| Print Quality    | Chọn chất lượng in bạn muốn sử dụng để in. Các tùy chọn khác nhau tùy theo loại giấy.                                                                                                         |
| Cài đặt nâng cao | Điều chỉnh độ sáng và độ tương phản của hình ảnh.                                                                                                                                             |

## Đặt các thiết lập vận hành cho trình điều khiển máy in Mac OS

### Truy cập cửa sổ cài đặt hoạt động cho trình điều khiển máy in Mac OS

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ  menu > **Máy in & Máy quét** (hoặc **In & Quét**, **In & Fax**) và sau đó chọn máy in. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tùy chọn** (hoặc **Trình điều khiển**).

### Cài đặt thao tác cho trình điều khiển máy in Mac OS

- ☐ Bỏ qua trang trống: Tránh in trang trống.
- ☐ C. độ im lặng: In im lặng. Tuy nhiên, tốc độ in có thể chậm hơn.
- ☐ High Speed Printing: In khi đầu in di chuyển theo hai hướng. Tốc độ in nhanh hơn, nhưng chất lượng có thể giảm.
- ☐ Warning Notifications: Cho phép trình điều khiển máy in hiển thị thông báo cảnh báo.
- ☐ Establish bidirectional communication: Thông thường, tùy chọn này phải được đặt thành **On**. Chọn **Off** khi không thể lấy thông tin máy in vì máy in được dùng chung với các máy tính Windows trên mạng hay vì bất kỳ lý do nào khác.

## In từ thiết bị thông minh

### Sử dụng Epson iPrint

Epson iPrint là ứng dụng cho phép bạn in các ảnh chụp, tài liệu và trang web từ một thiết bị thông minh như điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng. Bạn có thể sử dụng in cục bộ, in từ thiết bị thông minh đã kết nối cùng

mạng không dây với máy in, hoặc in từ xa, in từ một địa điểm từ xa qua internet. Để sử dụng in từ xa, hãy đăng ký máy in của bạn với dịch vụ Epson Connect.



### Thông tin liên quan

➡ “In bằng dịch vụ mạng” ở trang 93

## Cài đặt Epson iPrint

Bạn có thể cài đặt Epson iPrint lên thiết bị thông minh của bạn từ URL sau hoặc mã QR.

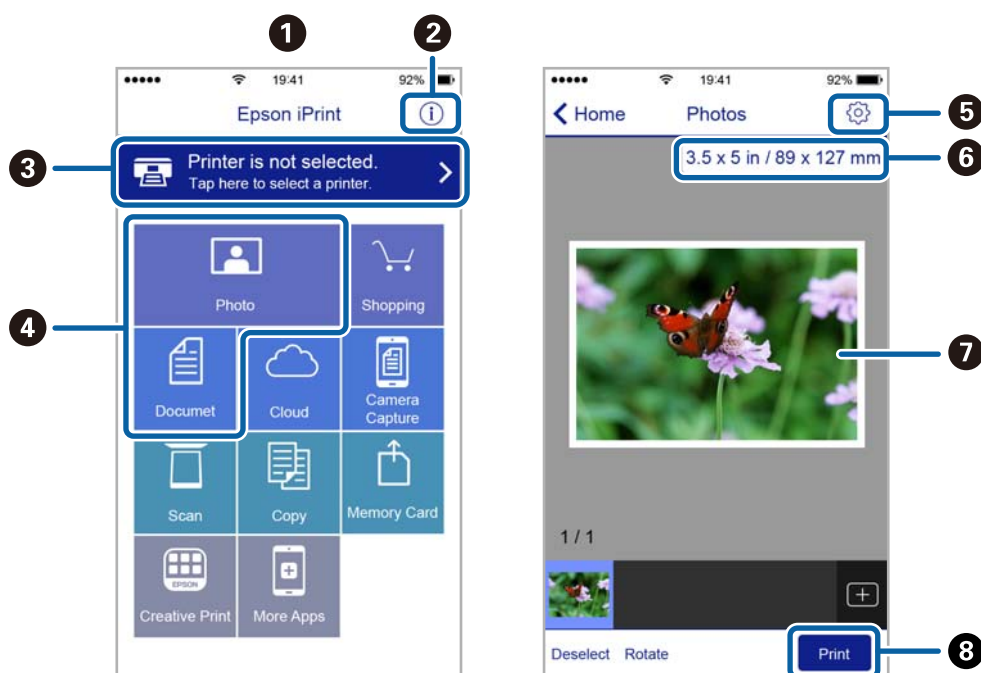
<http://ipr.to/c>



## In bằng Epson iPrint

Bắt đầu Epson iPrint từ thiết bị thông minh của bạn và chọn mục bạn muốn sử dụng từ màn hình chính.

Các màn hình sau có thể thay đổi mà không có thông báo. Nội dung có thể khác nhau tùy theo sản phẩm.



**In**

|          |                                                                                                                                                  |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1</b> | Màn hình chính được hiển thị khi ứng dụng bắt đầu.                                                                                               |
| <b>2</b> | Hiển thị thông tin về cách thiết lập máy in và Câu hỏi thường gặp.                                                                               |
| <b>3</b> | Hiển thị màn hình mà ở đó bạn có thể chọn máy in và đặt các cài đặt máy in. Sau khi bạn đã chọn máy in, bạn không cần chọn lại từ lần tiếp theo. |
| <b>4</b> | Chọn những gì bạn muốn in, ví dụ như ảnh và tài liệu.                                                                                            |
| <b>5</b> | Hiển thị màn hình để đặt các cài đặt in như kích cỡ giấy và kiểu giấy.                                                                           |
| <b>6</b> | Hiển thị cỡ giấy. Khi tùy chọn này hiển thị dưới dạng nút, nhấn vào nút này để hiển thị cài đặt giấy hiện đang được đặt trên máy in.             |
| <b>7</b> | Hiển thị ảnh và tài liệu bạn đã chọn.                                                                                                            |
| <b>8</b> | Bắt đầu in.                                                                                                                                      |

**Lưu ý:**

Để in từ menu tài liệu bằng iPhone, iPad và iPod touch chạy iOS, hãy khởi động Epson iPrint sau khi truyền tải tài liệu bạn muốn in bằng chức năng chia sẻ trong iTunes.

**Sử dụng Epson Print Enabler**

Bạn có thể in không dây tài liệu, email, ảnh và trang web ngay từ điện thoại hoặc máy tính bảng Android (Android phiên bản 4.4 trở lên). Với một vài lần nhấn, thiết bị Android của bạn sẽ phát hiện máy in được kết nối với cùng một mạng không dây.

1. Nạp giấy vào máy in.
2. Thiết lập máy in của bạn để in không dây.
3. Trên thiết bị Android của bạn, cài đặt plugin Epson Print Enabler từ Google Play.
4. Kết nối thiết bị Android của bạn với cùng mạng không dây như máy in của bạn.
5. Chuyển tới **Cài đặt** trên thiết bị Android, chọn **In** và sau đó bật Epson Print Enabler.
6. Từ ứng dụng Android như Chrome, nhấn vào biểu tượng menu và in bất cứ nội dung gì trên màn hình.

**Lưu ý:**

Nếu không thấy máy in của bạn, nhấn vào **Tất cả máy in** và chọn máy in của bạn.

**Thông tin liên quan**

- ➔ [“Nạp giấy vào Hộc Đựng Giấy” ở trang 35](#)
- ➔ [“Kết nối với thiết bị thông minh” ở trang 20](#)

**Hủy in — Nút máy in**

Bấm nút  để hủy công việc in đang được thực hiện.

# Nạp lại mực

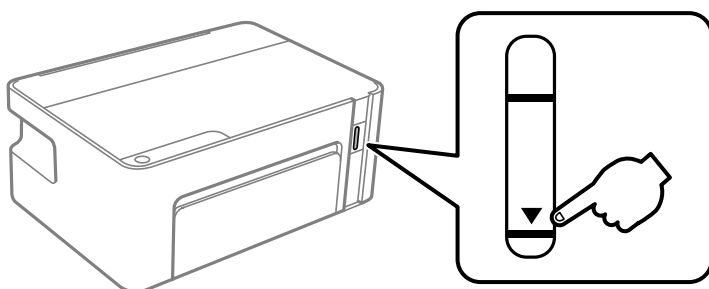
## Kiểm tra mức mực

Để xác nhận lượng mực thực còn lại, hãy kiểm tra bằng mắt thường mức mực trong hộp mực của máy in.



### Quan trọng:

Kéo dài việc sử dụng máy in khi mức mực nằm dưới vạch phía dưới có thể làm hỏng máy in.



## Mã lọ mực

Epson khuyến nghị sử dụng lọ mực Epson chính hãng.

Sau đây là các mã cho các loại lọ mực Epson chính hãng.



### Quan trọng:

- ☐ Chính sách bảo hành Epson không bao gồm thiệt hại do dùng mực khác với quy định, bao gồm các loại mực Epson chính hãng nhưng không được thiết kế để dùng cho máy in này hoặc bất kỳ loại mực nào thuộc bên thứ ba.
- ☐ Các sản phẩm khác không phải do Epson sản xuất có thể gây hư hỏng không thuộc phạm vi bảo hành của Epson và trong một số trường hợp có thể gây ra hiện tượng máy in hoạt động thất thường.

### Lưu ý:

- ☐ Mã bình mực có thể khác nhau tùy theo địa điểm. Để biết mã chính xác ở khu vực của bạn, hãy liên hệ với bộ phận hỗ trợ của Epson.
- ☐ Mặc dù lọ mực có thể chứa các vật liệu tái chế, điều này không ảnh hưởng đến chức năng và hiệu suất của máy in.
- ☐ Thông số kỹ thuật và hình dáng của lọ mực có thể thay đổi mà không cần thông báo trước nhằm cải tiến tốt hơn.

Dành cho châu Âu

| Sản phẩm | BK: Black (Đen)                         |
|----------|-----------------------------------------|
| ET-M1120 | 111                                     |
| M1120    | 110* <sup>1</sup><br>110S* <sup>2</sup> |

**Nạp lại mực**

\*1 Dung lượng cao

\*2 Dung lượng tiêu chuẩn

**Lưu ý:**

Đối với người dùng ở châu Âu, hãy truy cập trang web sau để biết thông tin về dung lượng chai mực của Epson.

<http://www.epson.eu/pageyield>

Dành cho Úc và New Zealand

| BK: Black (Đen) |
|-----------------|
| 532             |

Đối với các nước Châu Á ngoài Trung Quốc

| BK: Black (Đen)    |
|--------------------|
| 005* <sup>1</sup>  |
| 005S* <sup>2</sup> |

\*1 Dung lượng cao

\*2 Dung lượng tiêu chuẩn

**Thông tin liên quan**

➔ “Trang web hỗ trợ kỹ thuật” ở trang 125

## Phòng ngừa khi xử lý lọ mực

**Thận trọng khi bảo quản mực**

- ☐ Bảo quản lọ mực ở nhiệt độ trong phòng bình thường và tránh ánh nắng mặt trời trực tiếp.
- ☐ Epson khuyến nghị sử dụng lọ mực trước ngày được in trên gói sản phẩm.
- ☐ Khi bảo quản hoặc vận chuyển lọ mực, không nghiêng lọ mực và không để lọ mực phải chịu tác động hoặc thay đổi nhiệt độ. Nếu không, mực có thể rò rỉ ngay cả khi nắp trên lọ mực được đóng chặt. Hãy nhớ để lọ mực thẳng đứng khi siết chặt nắp và áp dụng biện pháp để ngăn không cho mực bị rò rỉ khi vận chuyển lọ mực, ví dụ khi đặt lọ vào túi xách.
- ☐ Sau khi đưa lọ mực vào từ nơi bảo quản lạnh, để mực ấm lên nhiệt độ phòng trong ít nhất ba giờ trước khi sử dụng.
- ☐ Không mở gói lọ mực khi bạn vẫn chưa sẵn sàng nạp mực cho hộp mực. Lọ mực được đóng gói hút chân không để duy trì độ tin cậy. Nếu bạn mở gói lọ mực trong một thời gian dài trước khi sử dụng, có thể không đạt được chất lượng in bình thường.
- ☐ Sau khi mở lọ mực, chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng càng sớm càng tốt.
- ☐ Epson khuyến nghị sử dụng lọ mực trước ngày được in trên gói sản phẩm.
- ☐ Để có được kết quả in tối ưu, không duy trì mức mực thấp trong khoảng thời gian dài.

## Nạp lại mực

### Thận trọng khi xử lý việc nạp lại mực

- ☐ Sử dụng lọ mực với mã bộ phận chính xác cho máy in này.
- ☐ Máy in này yêu cầu xử lý mực cẩn thận. Mực có thể bắn ra khi đổ hoặc đổ đầy lại mực. Nếu mực dính vào quần áo hoặc đồ dùng của bạn, mực không thể mất đi.
- ☐ Nếu hộp mực chưa đầy tới vạch bên dưới, hãy đổ đầy mực sớm. Tiếp tục sử dụng máy in khi mức mực dưới vạch bên dưới trên hộp mực có thể làm hỏng máy in.
- ☐ Để đạt được kết quả in tối ưu, đổ hộp mực tới vạch bên trên ít nhất mỗi năm một lần.
- ☐ Không lắc quá mạnh hoặc ép các chai mực.

### Tiêu thụ mực

- ☐ Mực trong hộp mực được cung cấp cùng máy in được sử dụng một phần trong thiết lập ban đầu. Để tạo ra bản in có chất lượng cao, đầu in trong máy in của bạn sẽ được nạp đầy mực. Quy trình một lần này tiêu thụ một lượng mực và vì vậy lọ này có thể in số trang ít hơn so với các lọ mực tiếp theo.
- ☐ Sản lượng đã tính có thể thay đổi tùy thuộc vào ảnh mà bạn in, loại giấy bạn sử dụng, tần suất in và điều kiện môi trường như nhiệt độ.

---

## Nạp lại mực cho hộp mực

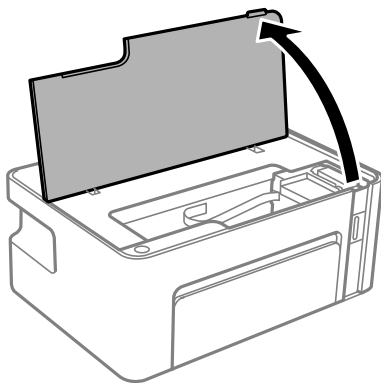
Bạn có thể nạp lại mực bất cứ lúc nào.



**Quan trọng:**

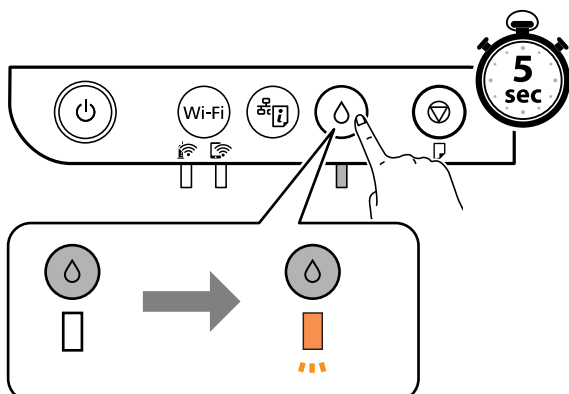
*Epson khuyến nghị sử dụng lọ mực Epson chính hãng.*

1. Mở nắp máy in.

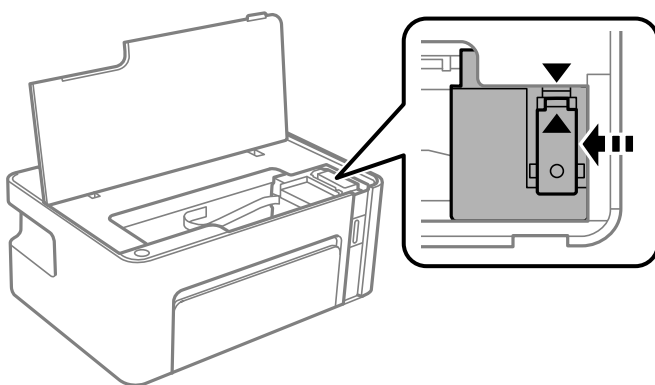


## Nạp lại mực

2. Giữ nhấn nút  trên máy in trong ít nhất năm giây cho đến khi đèn  nhấp nháy.



3. Kiểm tra xem hộp mực di chuyển đến vị trí nạp mực và căn thẳng với dấu .



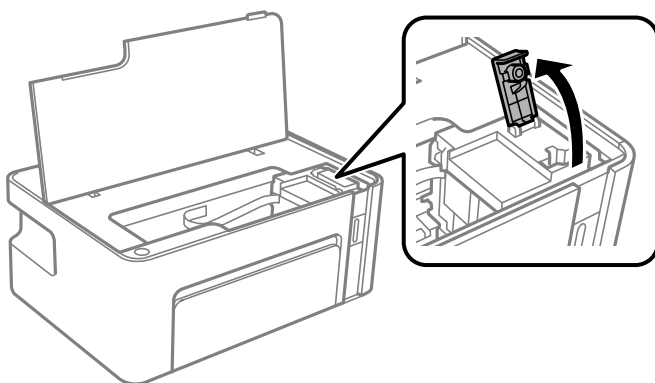
### Quan trọng:

Không đặt tay của bạn vào bên trong máy in khi các bộ phận chưa dừng chuyển động.

### Lưu ý:

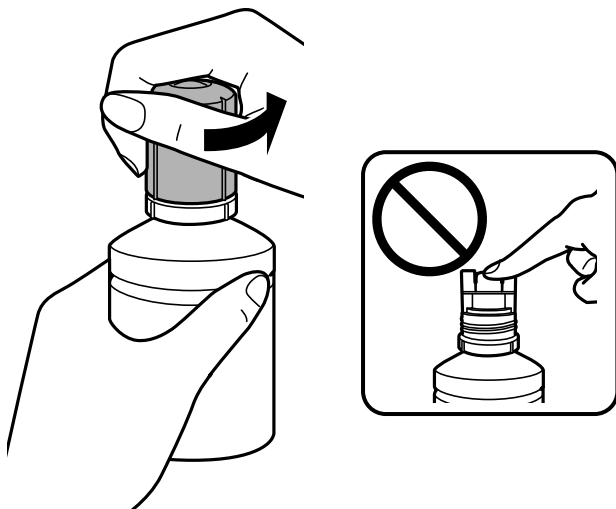
Để hủy bỏ việc nạp lại mực cho hộp mực, giữ nhấn nút .

4. Mở nắp hộp mực.



## Nạp lại mực

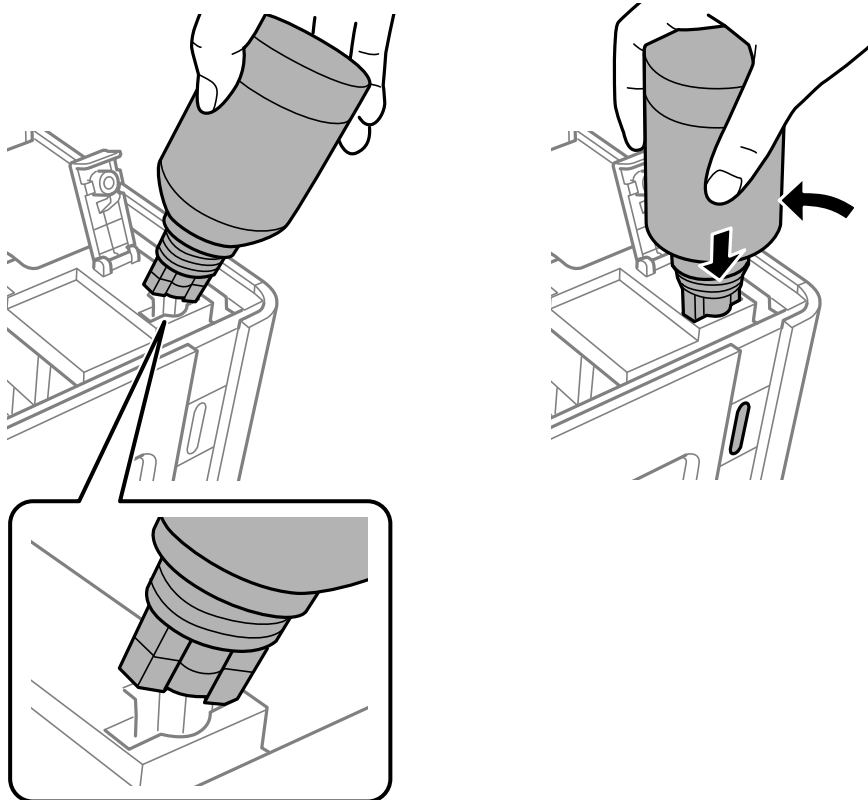
5. Trong khi giữ lọ mực thẳng đứng, hãy vặn nắp từ từ để tháo ra.



**Quan trọng:**

- ☐ Cần thận không để mực tràn ra ngoài.
- ☐ Không chạm vào đầu lọ mực sau khi tháo nắp; nếu không bạn có thể bị dây bẩn vì mực.

6. Đặt đầu của lọ mực in dọc theo khe ở phía trước cổng nạp, sau đó từ từ dựng đứng chai để đưa chai vào cổng nạp.



## Nạp lại mực

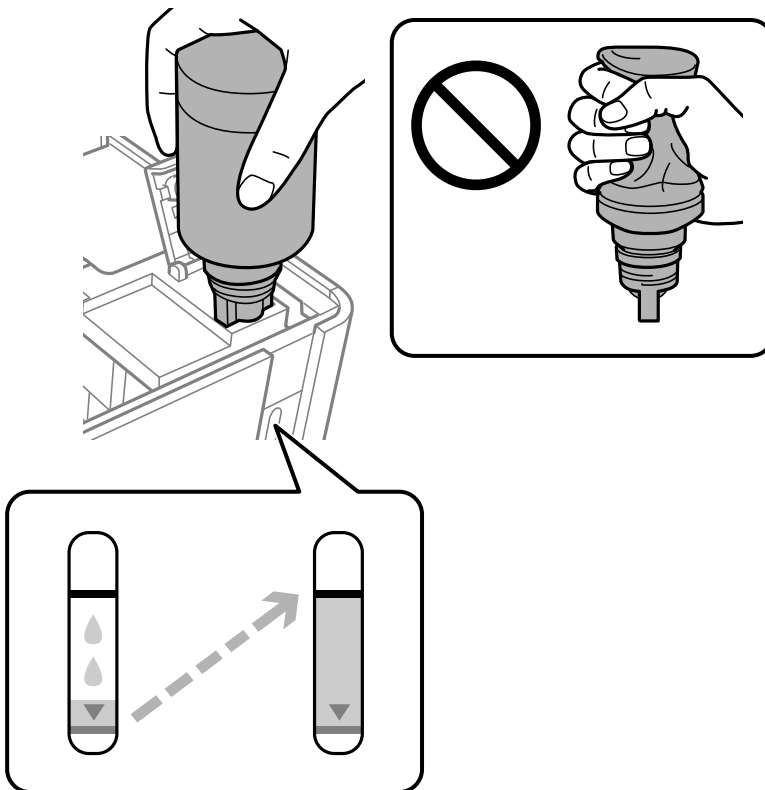


### Quan trọng:

- ❑ Không để đầu lọ mực chạm vào bất kỳ vật nào sau khi tháo nắp; nếu không mực có thể bị tràn ra.
- ❑ Việc quan sát bên trong ống mực có thể khó khăn. Nạp lại ống mực cẩn thận để tránh mực tràn ra ngoài từ lỗ nạp mực.

7. Lắp chặt phần đầu lọ mực vào cổng nạp của hộp mực để nạp lại mực vào hộp mực.

Mực đổ vào hộp mực chỉ bằng cách giữ lọ bình thường mà không ép. Dòng mực chảy tự động dừng khi mực được nạp tới vạch trên.



### Quan trọng:

Không để lọ mực đã lắp; nếu không lọ có thể bị hỏng hoặc mực có thể rò rỉ.

### Lưu ý:

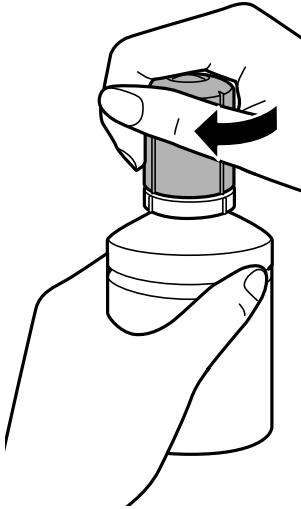
Nếu mực không bắt đầu chảy vào hộp, tháo lọ mực và thử lắp lại.

## Nạp lại mực

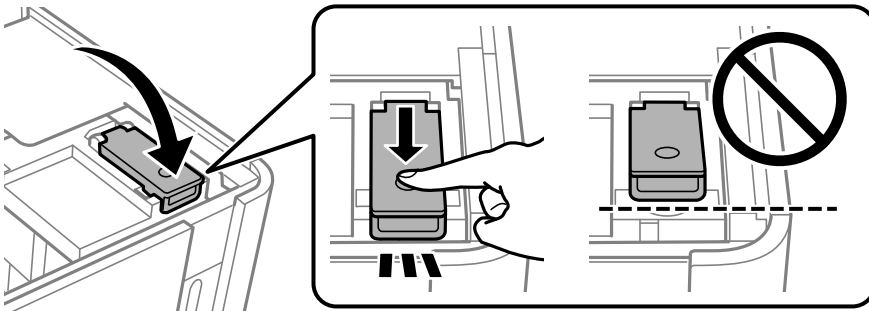
8. Khi bạn đã nạp lại mực xong, hãy tháo lọ mực, sau đó đóng chặt nắp của hộp mực.

**Lưu ý:**

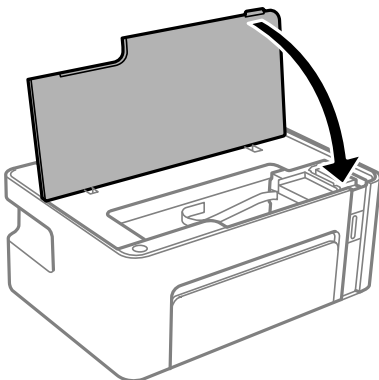
*Nếu vẫn còn mực trong lọ, hãy siết chặt nắp và cất giữ lọ theo hướng thẳng đứng để sử dụng sau này.*



9. Đóng nắp hộp mực.

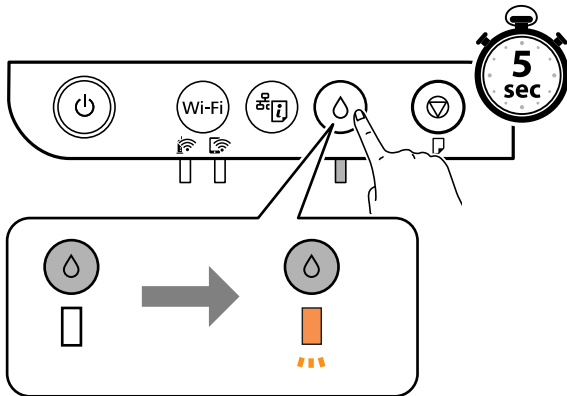


10. Đóng nắp máy in.



## Nạp lại mực

11. Giữ nhấn nút  trên máy in trong ít nhất năm giây cho đến khi đèn  nhấp nháy.



### Thông tin liên quan

- ➔ “Mã lọ mực” ở trang 66
- ➔ “Phòng ngừa khi xử lý lọ mực” ở trang 67
- ➔ “Mực tràn” ở trang 115

# Bảo trì máy in

---

## Ngăn ngừa tình trạng đầu in bị khô

Luôn sử dụng nút nguồn khi bật và tắt máy in.

Kiểm tra đèn nguồn đã tắt trước khi ngắt kết nối dây điện.

Mực có thể tự khô nếu không có nắp đậy. Cũng như việc lắp nắp bút máy hoặc bút đầu để ngăn không cho bút bị khô, hãy đảm bảo rằng đầu in được đậy nắp đúng cách để ngăn ngừa tình trạng mực bị khô.

Khi rút phích cắm dây điện hoặc xảy ra tình trạng mất điện khi máy in đang hoạt động, đầu in có thể không được đậy nắp đúng cách. Nếu vẫn để đầu in như vậy, đầu in sẽ bị khô khiến cho kim phun (cửa ra của mực) bị tắc.

Trong trường hợp này, bật máy in và tắt lại ngay khi có thể để đậy nắp đầu in.

---

## Kiểm tra xem kim phun có bị tắc không (Kiểm tra kim phun)

Nếu các kim phun bị tắc, bản in trở nên mờ nhạt hoặc có dải băng rõ ràng.

Khi chất lượng in giảm đi, trước tiên hãy sử dụng tính năng kiểm tra kim phun để kiểm tra xem kim phun có bị tắc không.

## Kiểm tra xem kim phun có bị tắc không (Kiểm tra kim phun) — Các nút máy in

1. Nạp giấy thường khổ A4 vào máy in.
2. Nhấn nút  để tắt máy in.
3. Trong khi giữ nhấn nút , nhấn nút  để bật máy in trong ít nhất năm giây cho đến khi đèn nguồn nhấp nháy.

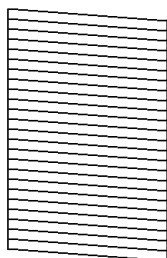
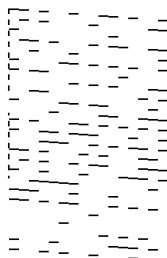
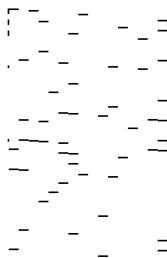
Mẫu kiểm tra kim phun được in ra.

**Lưu ý:**

Có thể mất một chút thời gian để bắt đầu in mẫu kiểm tra kim phun.

**Bảo trì máy in**

4. Kiểm tra mẫu in, và sau đó thực hiện một trong các tùy chọn sau đây tùy thuộc vào kết quả in.

**A) OK****B) NG****C) NG**☐ A:

Tất cả các đường thẳng đều được in ra. Không cần thêm bước nào khác.

☐ B hoặc gần với B: Làm sạch đầu in.

Khi một số kim phun bị tắc, hãy thực hiện làm sạch đầu in. Để biết chi tiết, xem thông tin liên quan bên dưới.

☐ C hoặc gần với C: Làm sạch mạnh đầu in.

Khi hầu hết các đường bị đứt hoặc hầu hết các đoạn bị thiếu, hãy thực hiện làm sạch đầu in. Để biết chi tiết, xem thông tin liên quan bên dưới.

**Thông tin liên quan**

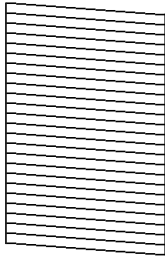
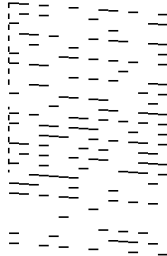
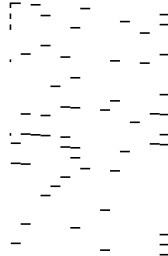
- ➔ [“Nạp giấy vào Hộc Đựng Giấy” ở trang 35](#)
- ➔ [“Làm sạch đầu in \(Vệ sinh đầu in\)” ở trang 77](#)
- ➔ [“Làm sạch mạnh đầu in \(Vệ Sinh Tăng Cường\)” ở trang 79](#)

## Kiểm tra xem kim phun có bị tắc không (Kiểm tra kim phun) — Windows

1. Nạp giấy thường khổ A4 vào máy in.
2. Truy cập cửa sổ trình điều khiển máy in.
3. Nhấp vào **K.tra kim phun** trên tab **Bảo dưỡng**.
4. Làm theo hướng dẫn trên màn hình để in mẫu kiểm tra kim phun.

**Bảo trì máy in**

5. Kiểm tra mẫu in, và sau đó thực hiện một trong các tùy chọn sau đây tùy thuộc vào kết quả in.

**A) OK****B) NG****C) NG**☐ A:

Tất cả các đường thẳng đều được in ra. Không cần thêm bước nào khác.

☐ B hoặc gần với B: Làm sạch đầu in.

Khi một số kim phun bị tắc, hãy thực hiện làm sạch đầu in. Để biết chi tiết, xem thông tin liên quan bên dưới.

☐ C hoặc gần với C: Làm sạch mạnh đầu in.

Khi hầu hết các đường bị đứt hoặc hầu hết các đoạn bị thiếu, hãy thực hiện làm sạch mạnh. Để biết chi tiết, xem thông tin liên quan bên dưới.

**Thông tin liên quan**

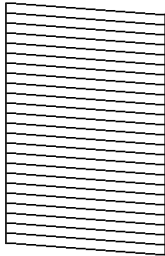
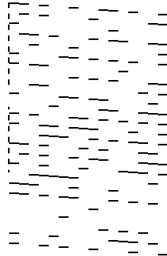
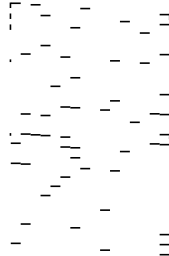
- ➔ [“Truy cập trình điều khiển máy in” ở trang 41](#)
- ➔ [“Nạp giấy vào Hộp Đựng Giấy” ở trang 35](#)
- ➔ [“Làm sạch đầu in \(Vệ sinh đầu in\)” ở trang 77](#)
- ➔ [“Làm sạch mạnh đầu in \(Vệ Sinh Tăng Cường\)” ở trang 79](#)

## Kiểm tra xem kim phun có bị tắc không (Kiểm tra kim phun) — Mac OS

1. Nạp giấy thường khổ A4 vào máy in.
2. Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu  > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét**, **In và fax**) và sau đó chọn máy in.
3. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tiện ích** > **Mở tiện ích máy in**.
4. Nhấp vào **K.tra kim phun**.
5. Làm theo hướng dẫn trên màn hình để in mẫu kiểm tra kim phun.

**Bảo trì máy in**

6. Kiểm tra mẫu in, và sau đó thực hiện một trong các tùy chọn sau đây tùy thuộc vào kết quả in.

**A) OK****B) NG****C) NG**☐ A:

Tất cả các đường thẳng đều được in ra. Không cần thêm bước nào khác.

☐ B hoặc gần với B: Làm sạch đầu in.

Khi một số kim phun bị tắc, hãy thực hiện làm sạch đầu in. Để biết chi tiết, xem thông tin liên quan bên dưới.

☐ C hoặc gần với C: Làm sạch mạnh đầu in.

Khi hầu hết các đường bị đứt hoặc hầu hết các đoạn bị thiếu, hãy thực hiện làm sạch mạnh. Để biết chi tiết, xem thông tin liên quan bên dưới.

**Thông tin liên quan**

- ➔ “Nạp giấy vào Hộc Đựng Giấy” ở trang 35
- ➔ “Làm sạch đầu in (Vệ sinh đầu in)” ở trang 77
- ➔ “Làm sạch mạnh đầu in (Vệ Sinh Tăng Cường)” ở trang 79

## Làm sạch đầu in (Vệ sinh đầu in)

Khi bản in mờ nhạt hoặc có dải băng rõ ràng, kim phun bị tắc. Khi chất lượng in giảm đi, hãy sử dụng tính năng kiểm tra kim phun để kiểm tra xem kim phun có bị tắc không và sau đó làm sạch đầu in. Để biết chi tiết cách chạy kiểm tra kim phun, xem thông tin liên quan bên dưới.

**Quan trọng:**

- ☐ Không mở nắp máy in hoặc tắt máy in trong khi làm sạch đầu in. Nếu quá trình làm sạch đầu in không hoàn thành, bạn không thể in.
- ☐ Vì quá trình làm sạch đầu in sử dụng một lượng mực, chỉ làm sạch đầu in khi chất lượng suy giảm.
- ☐ Khi mực thấp, bạn không thể làm sạch đầu in.
- ☐ Nếu chất lượng in vẫn không cải thiện sau khi lặp lại quá trình kiểm tra kim phun và làm sạch đầu in ba lần, hãy đợi ít nhất sáu giờ không in, và sau đó chạy lại kiểm tra kim phun và lặp lại việc làm sạch đầu in nếu cần. Chúng tôi khuyến nghị tắt máy in. Nếu chất lượng in vẫn không cải thiện, hãy liên hệ bộ phận hỗ trợ của Epson.
- ☐ Để tránh đầu in bị khô, không rút phích cắm điện của máy in khi nguồn vẫn đang bật.

### Thông tin liên quan

➔ [“Kiểm tra xem kim phun có bị tắc không \(Kiểm tra kim phun\)” ở trang 74](#)

## Làm sạch đầu in — Các nút máy in

Giữ nút  trong ít nhất năm giây cho đến khi đèn nguồn bắt đầu nhấp nháy.

Quá trình làm sạch đầu in bắt đầu.

#### Lưu ý:

*Có thể mất một chút thời gian để bắt đầu vệ sinh đầu in.*

Sau khi đèn nguồn dừng nhấp nháy, tắt máy in, chạy kiểm tra kim phun và sau đó kiểm tra xem kim phun của đầu in đã hết tắc chưa.

Để biết chi tiết cách chạy kiểm tra kim phun, xem thông tin liên quan bên dưới.

Lặp lại quá trình kiểm tra kim phun và làm sạch đầu in lên đến ba lần cho đến khi tất cả các đường đều được in chính xác.

### Thông tin liên quan

➔ [“Kiểm tra xem kim phun có bị tắc không \(Kiểm tra kim phun\)” ở trang 74](#)

## Làm sạch đầu in — Windows

1. Truy cập cửa sổ trình điều khiển máy in.
2. Nhấp vào **Vệ sinh đầu in** trên tab **Bảo dưỡng**.
3. Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình.

Sau khi kết thúc quá trình làm sạch đầu in, chạy **Kiểm tra kim phun** và sau đó kiểm tra xem kim phun của đầu in đã hết tắc chưa. Để biết chi tiết cách chạy kiểm tra kim phun, xem thông tin liên quan bên dưới.

Lặp lại các bước này lên đến ba lần cho đến khi tất cả các đường đều được in chính xác.

### Thông tin liên quan

➔ [“Truy cập trình điều khiển máy in” ở trang 41](#)

➔ [“Kiểm tra xem kim phun có bị tắc không \(Kiểm tra kim phun\)” ở trang 74](#)

## Làm sạch đầu in — Mac OS

1. Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu  > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét**, **In và Fax**) và sau đó chọn máy in.
2. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tiện ích** > **Mở tiện ích máy in**.
3. Nhấp vào **Vệ sinh đầu in**.
4. Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình.

## Bảo trì máy in

Sau khi kết thúc quá trình làm sạch đầu in, chạy **K.tra kim phun** và sau đó kiểm tra xem kim phun của đầu in đã hết tắc chưa. Để biết chi tiết cách chạy kiểm tra kim phun, xem thông tin liên quan bên dưới.

Lặp lại các bước này lên đến ba lần cho đến khi tất cả các đường đều được in chính xác.

### Thông tin liên quan

➔ **“Kiểm tra xem kim phun có bị tắc không (Kiểm tra kim phun)”** ở trang 74

## Làm sạch mạnh đầu in (Vệ Sinh Tăng Cường)

Tính năng làm sạch mạnh có thể cải thiện chất lượng in trong các trường hợp sau.

- ☐ Hầu hết kim phun bị tắc.
- ☐ Bạn đã thực hiện kiểm tra kim phun và làm sạch đầu in ba lần, sau đó đợi ít nhất sáu giờ mà không in, nhưng chất lượng in vẫn không cải thiện.

Trước khi chạy tính năng này, hãy sử dụng tính năng kiểm tra kim phun để kiểm tra xem kim phun có bị tắc không, đọc hướng dẫn sau và sau đó làm sạch mạnh đầu in.



#### Quan trọng:

Đảm bảo rằng có đủ mực trong hộp mực.

Kiểm tra bằng mắt thường để đảm bảo hộp mực có mực ít nhất một phần ba hộp. Mức mực thấp trong khi Vệ Sinh Tăng Cường có thể làm hỏng hóc sản phẩm.



#### Quan trọng:

Khoảng thời gian 12 giờ là cần thiết giữa mỗi lần Vệ Sinh Tăng Cường.

Thông thường, một lần Vệ Sinh Tăng Cường sẽ khắc phục được vấn đề chất lượng in trong vòng 12 giờ. Do đó, để tránh sử dụng mực không cần thiết, bạn phải đợi 12 giờ trước khi thử lại.



#### Quan trọng:

Tính năng này ảnh hưởng đến tuổi thọ hoạt động của tấm lót mực. Tấm lót mực đạt đến sức chứa sớm hơn do chạy tính năng này. Nếu tấm lót mực đã sắp hết tuổi thọ hoạt động, hãy liên hệ với Bộ phận hỗ trợ của Epson để yêu cầu thay thế.

#### Lưu ý:

Khi mức mực không đủ để Vệ Sinh Tăng Cường, bạn không thể chạy tính năng này. Ngay cả trong trường hợp này, các mức mực để in có thể vẫn còn.

### Thông tin liên quan

➔ **“Kiểm tra xem kim phun có bị tắc không (Kiểm tra kim phun)”** ở trang 74

## Chạy Vệ Sinh Tăng Cường — Windows

1. Truy cập cửa sổ trình điều khiển máy in.

2. Nhấp vào **Vệ Sinh Tăng Cường** trên tab **Bảo dưỡng**.
3. Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình.

#### **Thông tin liên quan**

- ➔ [“Truy cập trình điều khiển máy in” ở trang 41](#)
- ➔ [“Kiểm tra xem kim phun có bị tắc không \(Kiểm tra kim phun\)” ở trang 74](#)

## **Chạy Vệ Sinh Tăng Cường — Mac OS**

1. Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu  > **Máy in & Máy quét** (hoặc **In & Quét, In & Fax**), sau đó chọn máy in.
2. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tiện ích** > **Mở Tiện ích Máy in**.
3. Nhấp vào **Vệ Sinh Tăng Cường**.
4. Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình.

#### **Thông tin liên quan**

- ➔ [“Kiểm tra xem kim phun có bị tắc không \(Kiểm tra kim phun\)” ở trang 74](#)

---

## **Căn chỉnh Đầu In**

Nếu bạn thấy các đường dọc bị lệch nhau hoặc ảnh bị mờ, hãy căn chỉnh đầu in.

## **Căn chỉnh Đầu In — Windows**

1. Nạp bốn tờ giấy thường khổ A4 hoặc nhiều hơn vào máy in.
2. Truy cập cửa sổ trình điều khiển máy in.
3. Nhấp vào **Canh chỉnh đầu in** trên tab **Bảo dưỡng**.
4. Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình.

#### **Thông tin liên quan**

- ➔ [“Nạp giấy vào Hộc Đựng Giấy” ở trang 35](#)
- ➔ [“Truy cập trình điều khiển máy in” ở trang 41](#)

## **Căn chỉnh Đầu In — Mac OS**

1. Nạp bốn tờ giấy thường khổ A4 hoặc nhiều hơn vào máy in.

## Bảo trì máy in

2. Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu  > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét**, **In và Fax**) và sau đó chọn máy in.
3. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tiện ích** > **Mở tiện ích máy in**.
4. Nhấp vào **Print Head Alignment**.
5. Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình.

### Thông tin liên quan

➔ [“Nạp giấy vào Hộc Đựng Giấy” ở trang 35](#)

---

## Vệ sinh đường dẫn giấy

Khi bản in ra bị bẩn hoặc bị mòn hoặc giấy không được nạp đúng, hãy vệ sinh các con lăn bên trong.



### Quan trọng:

*Không sử dụng giấy ăn để vệ sinh bên trong máy in. Xơ giấy có thể làm tắc các kim phun của đầu in.*

## Làm sạch đường dẫn giấy — Windows

1. Truy cập cửa sổ trình điều khiển máy in.
2. Nhấp vào **Vệ sinh thanh dẫn giấy** trên tab **Bảo dưỡng**.
3. Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình.

## Làm sạch đường dẫn giấy — Mac OS X

1. Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu  > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét**, **In và Fax**) và sau đó chọn máy in.
2. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tiện ích** > **Mở tiện ích máy in**.
3. Nhấp vào **Paper Guide Cleaning**.
4. Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình.

---

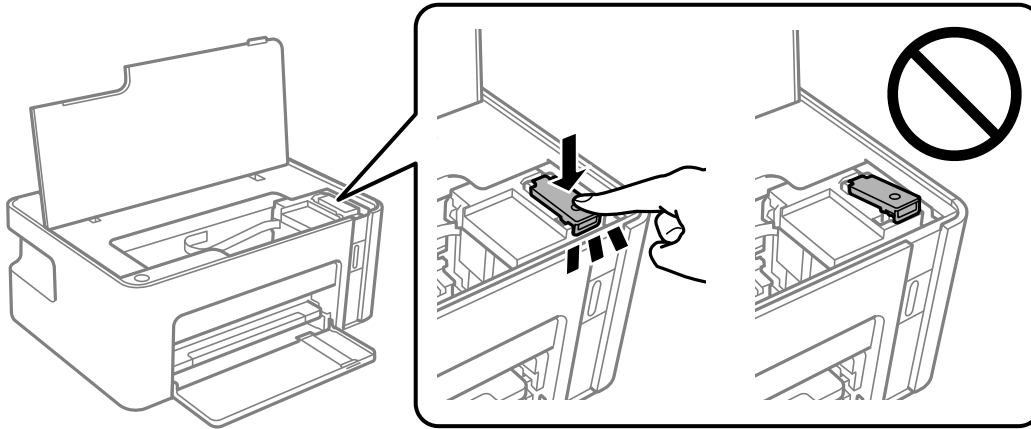
## Vệ sinh đường dẫn giấy cho vấn đề nạp giấy

Khi giấy từ hộc đựng giấy được nạp không đúng, hãy vệ sinh con lăn bên trong.

1. Tắt máy in bằng cách nhấn nút .

## Bảo trì máy in

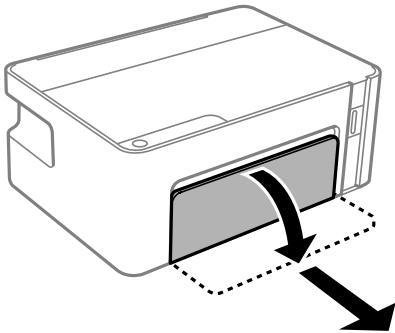
2. Rút dây nguồn và sau đó ngắt kết nối dây nguồn.
3. Đảm bảo đóng chặt nắp hộp mực.



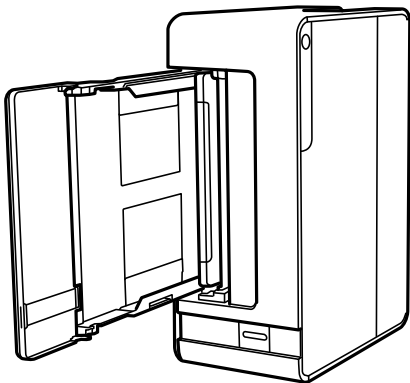
### Quan trọng:

Nếu không đóng chặt nắp hộp mực, mực có thể rò rỉ.

4. Đóng nắp máy in.
5. Trượt học đựng giấy ra rồi gỡ bỏ giấy.



6. Đặt máy in nằm ngang với hộp mực của máy in ở dưới cùng.



## Bảo trì máy in



### Chú ý:

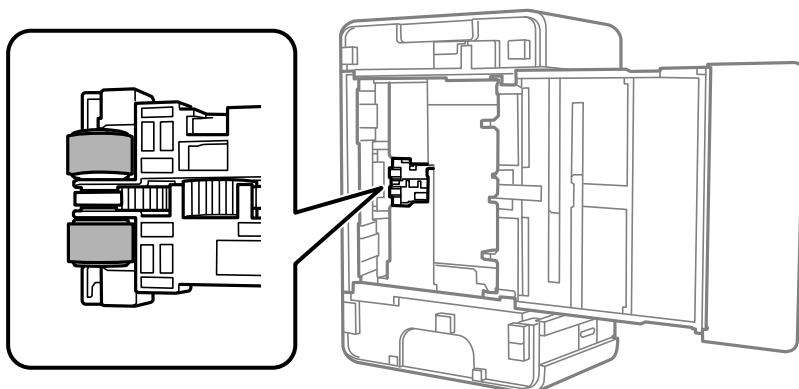
Cần thận không kẹp tay hoặc ngón tay của bạn khi đặt máy in. Nếu không, bạn có thể bị thương.



### Quan trọng:

Không để máy in đứng lâu.

7. Nhúng khăn mềm vào nước, vắt kiệt nước, sau đó lau con lăn trong khi xoay bằng khăn.



8. Đưa máy in về vị trí thông thường và sau đó lắp hộp đựng giấy.
9. Kết nối dây nguồn.

## Vệ sinh phim mờ

Khi bản in không được cải thiện sau khi căn chỉnh đầu in hoặc vệ sinh đường dẫn giấy, phim mờ bên trong máy in có thể bị bẩn.

Cần có:

- ☐ Tấm bông (vài cái)
- ☐ Nước có pha vài giọt chất tẩy rửa (2 đến 3 giọt chất tẩy rửa trong 1/4 cốc nước máy)
- ☐ Đèn để kiểm tra vết bẩn



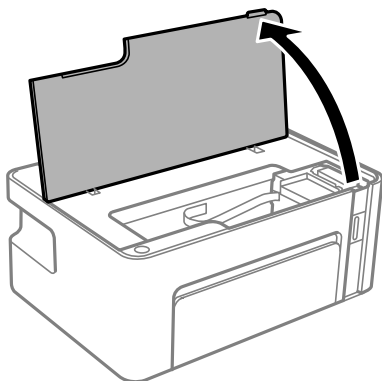
### Quan trọng:

Không sử dụng chất lỏng làm sạch khác với nước cùng một vài giọt chất tẩy rửa.

1. Tắt máy in bằng cách nhấn nút

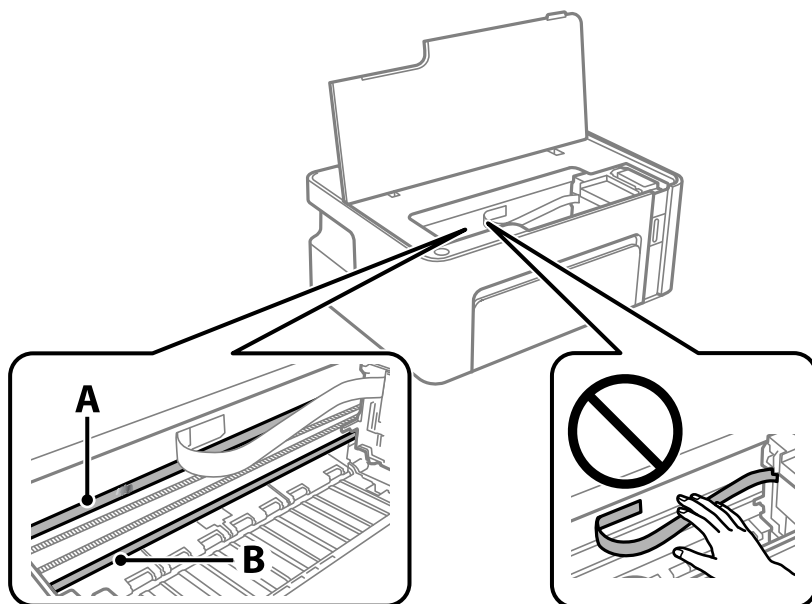
## Bảo trì máy in

### 2. Mở nắp máy in.



### 3. Kiểm tra xem phim mờ có bị bẩn không. Vết bẩn dễ nhìn thấy hơn nếu bạn sử dụng đèn.

Nếu có các vết bẩn (chẳng hạn như dấu vân tay hoặc dầu mỡ) trên phim mờ (A), hãy chuyển sang bước tiếp theo.



A: phim mờ

B: ray

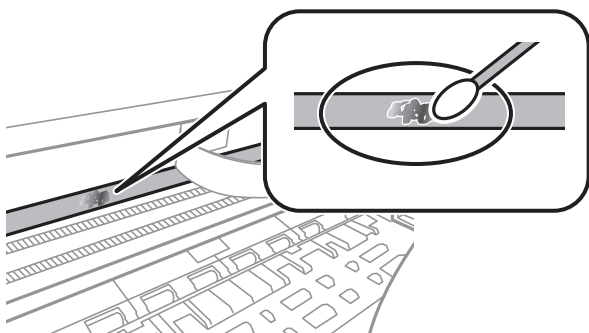


#### **Quan trọng:**

Cẩn thận không chạm vào ray (B). Nếu không, bạn có thể không in được. Không lau sạch dầu mỡ trên ray vì điều này cần thiết cho các hoạt động.

## Bảo trì máy in

4. Làm ẩm tấm bông bằng nước hòa với vài giọt chất tẩy rửa để không làm nhỏ giọt nước và sau đó lau phần bị bẩn.



### Quan trọng:

Nhẹ nhàng lau sạch vết bẩn. Nếu bạn ấn quá mạnh tấm bông lên phim, lò xo của phim có thể bị lệch khỏi vị trí và máy in có thể bị hỏng hóc.

5. Sử dụng tấm bông khô và mới để lau phim.



### Quan trọng:

Không để sợi bông bám lên phim.

### Lưu ý:

Để ngăn vết bẩn lan rộng, hãy thường xuyên thay mới tấm bông.

6. Lặp lại các bước 4 và 5 cho đến khi phim không còn vết bẩn.
7. Kiểm tra bằng mắt thường để đảm bảo phim không bị bẩn.

## Kiểm tra tổng số giấy đã nạp qua máy in

Bạn có thể kiểm tra tổng số giấy đã nạp qua máy in.

## Kiểm tra tổng số trang được nạp qua máy in — Các nút trên máy in

Thông tin này được in cùng với mẫu kiểm tra kim phun.

1. Nạp giấy thường khổ A4 vào máy in.
2. Nhấn nút  để tắt máy in.
3. Bật máy in khi đang giữ nút  và sau đó nhả các nút khi đèn nguồn nhấp nháy.

## Kiểm tra tổng số giấy đã nạp qua máy in — Windows

1. Truy cập cửa sổ trình điều khiển máy in.
2. Nhấp vào **Máy in và thông tin tùy chọn** trên thẻ **Bảo dưỡng**.

### Thông tin liên quan

➔ [“Truy cập trình điều khiển máy in” ở trang 41](#)

## Kiểm tra tổng số trang đã nạp qua máy in — Mac OS

1. Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu  > **Máy in & Máy quét** (hoặc **In & Quét, In & Fax**), sau đó chọn máy in.
2. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tiện ích** > **Mở Tiện ích Máy in**.
3. Nhấp vào **Printer and Option Information**.

# Dịch vụ mạng và thông tin phần mềm

Phần này giới thiệu các dịch vụ mạng và sản phẩm phần mềm có sẵn cho máy in của bạn từ trang web Epson hoặc đĩa phần mềm kèm theo.

## Ứng dụng định cấu hình thao tác máy in (Web Config)

Web Config là ứng dụng chạy trên trình duyệt, như Microsoft Edge và Safari, trên máy tính hoặc thiết bị thông minh. Bạn có thể xác nhận trạng thái của máy in hoặc thay đổi các cài đặt dịch vụ mạng và máy in. Để sử dụng Web Config, kết nối máy in và máy tính hoặc thiết bị với cùng mạng.

Các trình duyệt sau được hỗ trợ. Sử dụng phiên bản mới nhất.

Microsoft Edge, Internet Explorer, Firefox, Chrome, Safari

### Lưu ý:

*Bạn có thể được yêu cầu nhập mật khẩu quản trị viên trong khi thực hiện thao tác trên Web Config. Xem thông tin liên quan bên dưới để biết thêm chi tiết.*

### Thông tin liên quan

➔ [“Giá trị mặc định của mật khẩu quản trị viên” ở trang 10](#)

## Chạy Web Config trên Trình duyệt web

1. Kiểm tra địa chỉ IP của máy in.

Bấm nút  để in báo cáo kết nối mạng và sau đó kiểm tra địa chỉ IP của máy in.

2. Khởi chạy trình duyệt Web từ máy tính hoặc thiết bị thông minh và sau đó nhập địa chỉ IP của máy in.

Định dạng:

IPv4: http://địa chỉ IP của máy in/

Ví dụ:

IPv4: http://192.168.100.201/

### Lưu ý:

*Bằng cách sử dụng thiết bị thông minh, bạn cũng có thể chạy Web Config từ màn hình bảo dưỡng của Epson iPrint.*

### Thông tin liên quan

➔ [“Sử dụng Epson iPrint” ở trang 63](#)

## Chạy Web Config trên Windows

Khi kết nối máy tính với máy in bằng cách sử dụng WSD, hãy làm theo các bước bên dưới để chạy Web Config.

## Dịch vụ mạng và thông tin phần mềm

1. Mở danh sách in trên máy tính.

- ☐ Windows 10/Windows Server 2016

Nhấp vào nút bắt đầu và sau đó chọn **Hệ thống Windows > Panel điều khiển > Xem thiết bị và máy in** trong **Phần cứng và âm thanh**.

- ☐ Windows 8.1/Windows 8/Windows Server 2012 R2/Windows Server 2012

Chọn **Màn hình nền > Cài đặt > Bảng điều khiển > Xem thiết bị và máy in** trong **Phần cứng và Âm thanh** (hoặc **Phần cứng**).

- ☐ Windows 7/Windows Server 2008 R2

Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Panel điều khiển > Xem thiết bị và máy in** trong **Phần cứng và Âm thanh**.

- ☐ Windows Vista/Windows Server 2008

Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Bảng điều khiển > Máy in** trong **Phần cứng và Âm thanh**.

2. Nhấp chuột phải vào máy in của bạn và chọn **Thuộc tính**.

3. Chọn thẻ **Dịch vụ Web** và nhấp vào URL.

## Chạy Web Config trên Mac OS

1. Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ  menu > **Máy in & Máy quét** (hoặc **In & Quét, In & Fax**) và sau đó chọn máy in.

2. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng > Hiển thị Trang web Máy in**.

---

## Ứng dụng để in trang web (E-Web Print)

E-Web Print là ứng dụng cho phép bạn in các trang web dễ dàng với hàng loạt các bố trí khác nhau. Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết. Bạn có thể truy cập trợ giúp từ menu **E-Web Print** trên thanh công cụ **E-Web Print**.

**Lưu ý:**

- ☐ Các hệ điều hành Windows Server không được hỗ trợ.
- ☐ Mac OS không được hỗ trợ.
- ☐ Kiểm tra các trình duyệt được hỗ trợ và phiên bản mới nhất từ trang web tải xuống.

### Bắt đầu

Khi bạn cài đặt E-Web Print, ứng dụng này được hiển thị trong trình duyệt của bạn. Nhấp vào **Print** hoặc **Clip**.

### Thông tin liên quan

➔ “Cài đặt ứng dụng mới nhất” ở trang 90

---

## Công cụ cập nhật phần mềm (EPSON Software Updater)

EPSON Software Updater là ứng dụng kiểm tra phần mềm mới hoặc cập nhật trên Internet và cài đặt. Bạn cũng có thể cập nhật phần mềm điều khiển của máy in và hướng dẫn sử dụng.

**Lưu ý:**

Các hệ điều hành Windows Server không được hỗ trợ.

**Phương pháp cài đặt**

Tải xuống EPSON Software Updater từ trang web Epson.

Nếu đang sử dụng máy tính chạy Windows và không thể tải xuống ứng dụng từ trang web, bạn có thể cài đặt ứng dụng từ đĩa phần mềm được cung cấp.

<http://www.epson.com>

**Bắt đầu trên Windows**☐ Windows 10

Nhấp vào nút bắt đầu, rồi chọn **Epson Software > EPSON Software Updater**.

☐ Windows 8.1/Windows 8

Nhập tên ứng dụng trong nút tìm kiếm và sau đó chọn biểu tượng được hiển thị.

☐ Windows 7/Windows Vista/Windows XP

Nhấp vào nút bắt đầu và sau đó chọn **Tất cả chương trình** hoặc **Chương trình > Epson Software > EPSON Software Updater**.

**Lưu ý:**

Bạn cũng có thể bắt đầu EPSON Software Updater bằng cách nhấp vào biểu tượng máy in trên thanh tác vụ trên màn hình nền, và sau đó chọn **Cập nhật phần mềm**.

**Bắt đầu trên Mac OS**

Chọn **Truy cập > Ứng dụng > Epson Software > EPSON Software Updater**.

---

## Ứng dụng để định cấu hình nhiều thiết bị (EpsonNet Config)

EpsonNet Config là ứng dụng cho phép bạn thiết lập địa chỉ giao tiếp mạng và giao thức. Xem hướng dẫn vận hành cho EpsonNet Config hoặc trợ giúp của ứng dụng để biết thêm chi tiết.

**Bắt đầu trên Windows**☐ Windows 10/Windows Server 2016

Nhấp vào nút bắt đầu, rồi chọn **EpsonNet > EpsonNet Config**.

☐ Windows 8.1/Windows 8/Windows Server 2012 R2/Windows Server 2012

Nhập tên ứng dụng trong nút tìm kiếm và sau đó chọn biểu tượng được hiển thị.

- ❑ Windows 7/Windows Vista/Windows XP/Windows Server 2008 R2/Windows Server 2008/Windows Server 2003 R2/Windows Server 2003

Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Tất cả chương trình** hoặc **Chương trình > EpsonNet > EpsonNet Config SE > EpsonNet Config**.

### Bắt đầu trên Mac OS

Truy cập > Ứng dụng > Epson Software > EpsonNet > EpsonNet Config SE > EpsonNet Config.

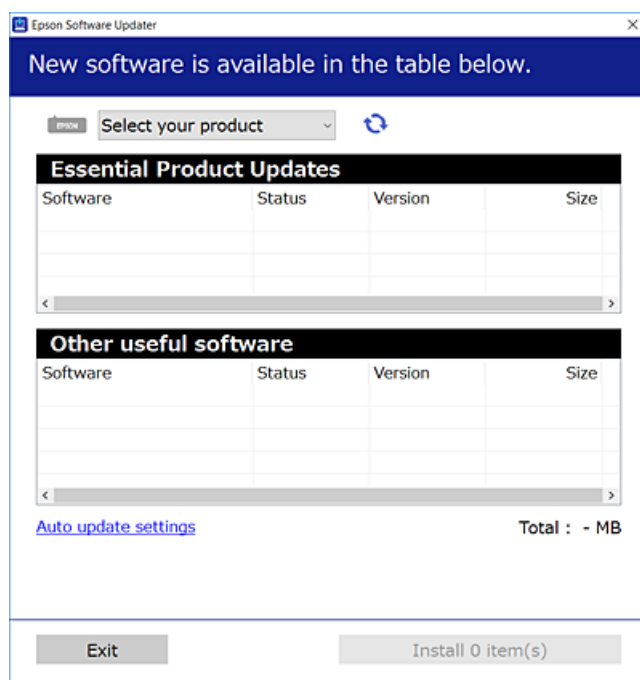
## Cài đặt ứng dụng mới nhất

### Lưu ý:

Khi cài đặt lại một ứng dụng, trước tiên bạn cần gỡ cài đặt ứng dụng.

1. Đảm bảo rằng máy in và máy tính có thể kết nối, và máy in được kết nối với Internet.
2. Khởi động EPSON Software Updater.

Ảnh chụp màn hình là ví dụ về Windows.



3. Đối với Windows, chọn máy in của bạn, sau đó nhấp vào  để kiểm tra các ứng dụng có sẵn mới nhất.
4. Chọn ứng dụng bạn muốn cài đặt hoặc cập nhật, sau đó nhấp vào nút cài đặt.



### Quan trọng:

Không tắt hoặc rút phích cắm máy in cho tới khi quá trình cập nhật hoàn tất; nếu không, máy in có thể trục trặc.

**Lưu ý:**

- ☐ Bạn có thể tải xuống thông tin mới nhất từ trang web của Epson.

<http://www.epson.com>

- ☐ Nếu sử dụng hệ điều hành Windows Server, bạn không thể sử dụng EPSON Software Updater. Tải xuống thông tin mới nhất từ trang web của Epson.

**Thông tin liên quan**

➔ “Công cụ cập nhật phần mềm (EPSON Software Updater)” ở trang 89

➔ “Gỡ cài đặt ứng dụng” ở trang 91

---

## Cập nhật ứng dụng và phần mềm điều khiển

Bạn có thể khắc phục các vấn đề nhất định và cải thiện hoặc thêm các chức năng bằng cách cập nhật các ứng dụng và phần mềm điều khiển. Đảm bảo rằng bạn sử dụng phiên bản mới nhất của các ứng dụng và phần mềm điều khiển.

1. Đảm bảo rằng máy in và máy tính được kết nối với nhau, và máy tính được kết nối với Internet.
2. Bắt đầu EPSON Software Updater và cập nhật các ứng dụng và phần mềm điều khiển.

**Quan trọng:**

Không tắt máy tính hoặc máy in cho tới khi quá trình cập nhật hoàn tất; nếu không, máy in có thể trục trặc.

**Lưu ý:**

Nếu bạn không tìm thấy ứng dụng bạn cập nhật trong danh sách, bạn không thể cập nhật bằng EPSON Software Updater. Kiểm tra các phiên bản mới nhất cho các ứng dụng từ trang web Epson tại địa phương của bạn.

<http://www.epson.com>

---

## Gỡ cài đặt ứng dụng

Đăng nhập vào máy tính với vai trò là quản trị viên. Nhập mật khẩu quản trị viên nếu máy tính hỏi bạn.

### Gỡ cài đặt ứng dụng — Windows

1. Nhấn nút  để tắt máy in.
2. Thoát tất cả các ứng dụng đang chạy.
3. Mở **Bảng điều khiển**:
  - ☐ Windows 10/Windows Server 2016  
Nhấp vào nút bắt đầu, sau đó chọn **Hệ thống Windows > Panel điều khiển**.
  - ☐ Windows 8.1/Windows 8/Windows Server 2012 R2/Windows Server 2012  
Chọn **Bàn làm việc > Cài đặt > Bảng điều khiển**.

## Dịch vụ mạng và thông tin phần mềm

- ☐ Windows 7/Windows Vista/Windows XP/Windows Server 2008 R2/Windows Server 2008/Windows Server 2003 R2/Windows Server 2003

Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Bảng điều khiển**.

4. Mở **Gỡ cài đặt chương trình** (hoặc **Thêm hoặc Xóa chương trình**):

- ☐ Windows 10/Windows 8.1/Windows 8/Windows 7/Windows Vista/Windows Server 2016/Windows Server 2012 R2/Windows Server 2012/Windows Server 2008 R2/Windows Server 2008

Chọn **Gỡ cài đặt chương trình** trong **Chương trình**.

- ☐ Windows XP/Windows Server 2003 R2/Windows Server 2003

Nhấp vào **Thêm hoặc Xóa chương trình**.

5. Chọn ứng dụng bạn muốn gỡ cài đặt.

Bạn không thể gỡ cài đặt trình điều khiển máy in nếu có bất kỳ lệnh in nào. Xóa hoặc chờ để được in các lệnh trước khi gỡ cài đặt.

6. Gỡ cài đặt các ứng dụng:

- ☐ Windows 10/Windows 8.1/Windows 8/Windows 7/Windows Vista/Windows Server 2016/Windows Server 2012 R2/Windows Server 2012/Windows Server 2008 R2/Windows Server 2008

Nhấp vào **Gỡ cài đặt/Thay đổi** hoặc **Gỡ cài đặt**.

- ☐ Windows XP/Windows Server 2003 R2/Windows Server 2003

Nhấp vào **Thay đổi/Xóa** hoặc **Xóa**.

**Lưu ý:**

Nếu cửa sổ **Kiểm soát tài khoản người dùng** hiển thị, nhấp vào **Tiếp tục**.

7. Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình.

## Gỡ cài đặt ứng dụng — Mac OS

1. Tải xuống Uninstaller bằng EPSON Software Updater.

Sau khi đã tải xuống Uninstaller, bạn không cần tải xuống lần nữa mỗi khi bạn gỡ cài đặt ứng dụng.

2. Nhấn vào nút  để tắt máy in.

3. Để gỡ cài đặt trình điều khiển máy in, chọn **Tùy chọn hệ thống** từ  menu > **Máy in & Máy quét** (hoặc **In & Quét, In & Fax**) và sau đó xóa máy in khỏi danh sách các máy in đã kích hoạt.

4. Thoát tất cả các ứng dụng đang chạy.

5. Chọn **Truy cập > Ứng dụng > Epson Software > Uninstaller**.

6. Chọn ứng dụng bạn muốn gỡ cài đặt và sau đó nhấp vào **Uninstall**.



**Quan trọng:**

Uninstaller xóa toàn bộ các trình điều khiển cho máy in Epson inkjet trên máy tính. Nếu bạn sử dụng nhiều máy in Epson inkjet và bạn chỉ muốn xóa một số trình điều khiển, trước tiên hãy xóa tất cả và sau đó cài đặt lại trình điều khiển máy in cần thiết.

**Lưu ý:**

Nếu bạn không tìm thấy ứng dụng bạn muốn gỡ cài đặt trong danh sách ứng dụng, bạn không thể gỡ cài đặt bằng Uninstaller. Trong trường hợp này, chọn **Truy cập > Ứng dụng > Epson Software**, chọn ứng dụng bạn muốn gỡ cài đặt và sau đó kéo ứng dụng vào biểu tượng thùng rác.

**Thông tin liên quan**

➔ “Công cụ cập nhật phần mềm (EPSON Software Updater)” ở trang 89

---

## In bằng dịch vụ mạng

Với việc sử dụng dịch vụ Epson Connect có trên Internet, bạn có thể in từ điện thoại thông minh, máy tính bảng, PC hoặc máy tính xách tay bất kỳ lúc nào và gần như từ bất cứ nơi nào. Để sử dụng dịch vụ này, bạn cần đăng ký người dùng và máy in trong Epson Connect.

Các tính năng này sẵn có trên Internet như sau.

☐ Email Print

Khi gửi email có tệp đính kèm chẳng hạn như tài liệu hoặc hình ảnh tới địa chỉ email được chỉ định cho máy in, bạn có thể in email đó và các tệp đính kèm từ các vị trí từ xa chẳng hạn như máy in tại nhà riêng hoặc văn phòng.

☐ Epson iPrint

Ứng dụng này là dành cho iOS và Android, đồng thời cho phép bạn in từ một điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng. Bạn có thể in các tài liệu, hình ảnh và trang web bằng cách gửi chúng trực tiếp đến một máy in trên cùng một mạng LAN không dây.

☐ Remote Print Driver

Đây là một trình điều khiển chung được hỗ trợ bởi Trình điều khiển in từ xa. Khi in bằng máy in ở một vị trí từ xa, bạn có thể in bằng cách thay đổi máy in trên cửa sổ ứng dụng thông thường.

Xem trang web Epson Connect để biết chi tiết.

<https://www.epsonconnect.com/>

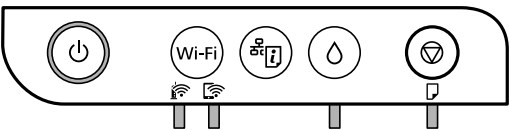
<http://www.epsonconnect.eu> (Chỉ ở châu Âu)

# Giải quyết vấn đề

## Kiểm tra trạng thái máy in

### Đèn và trạng thái máy in

Các đèn trên bảng điều khiển cho biết trạng thái của máy in.



#### Trạng thái bình thường

: Bật

| Đèn | Trạng thái                                                        |
|-----|-------------------------------------------------------------------|
|     | Máy in được kết nối với mạng không dây (Wi-Fi).                   |
|     | Máy in được kết nối với mạng ở chế độ Wi-Fi Direct (AP đơn giản). |

#### Trạng thái lỗi

Khi có lỗi xảy ra, đèn bật sáng hoặc nhấp nháy. Chi tiết về lỗi được hiển thị trên màn hình máy tính.

/: Bật

/: Nhấp nháy

| Đèn | Trạng thái                                                                | Giải pháp                                                                          |
|-----|---------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|
| /   | Đã xảy ra lỗi kết nối Wi-Fi.                                              | Nhấn nút Wi-Fi để xóa lỗi và thử lại.                                              |
| /   | Quá trình nạp mực ban đầu không thể hoàn thành.                           | Xem áp phích <i>Bắt đầu tại đây</i> để hoàn thành quá trình nạp mực ban đầu.       |
|     | Quá trình nạp lại mực không thể hoàn thành.                               | Nạp lại mực bên trong hộp mực, sau đó nhấn nút  để đưa hộp mực trở lại vị trí gốc. |
| /   | Nắp hộp mực không đóng hoàn toàn.                                         | Đẩy nắp vào một cách chắc chắn, sau đó nhấn nút .                                  |
| /   | Giấy không được nạp vào hoặc nhiều hơn một tờ giấy được nạp vào cùng lúc. | Nạp giấy và nhấn nút .                                                             |

## Giải quyết vấn đề

| Đèn                                                                                 | Trạng thái                                                                                                                                                                                                                                                                             | Giải pháp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | Đã xảy ra kẹt giấy.                                                                                                                                                                                                                                                                    | Gỡ bỏ giấy và nhấn nút  .                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|                                                                                     | Vật liệu bảo vệ có thể vẫn còn bên trong máy in.                                                                                                                                                                                                                                       | Mở nắp máy in, loại bỏ vật liệu bảo vệ, sau đó nhấn nút  .                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|    | <input type="checkbox"/> Máy in bị tắt không đúng cách.*<br><input type="checkbox"/> Bởi vì máy in đã bị tắt trong khi vận hành nên các vòi phun có thể đã khô và bị tắc.<br><br>* Nguồn đã bị tắt bằng một ổ cắm dài hoặc bộ ngắt điện, phích cắm bị rút ra khỏi ổ cắm hoặc mất điện. | <input type="checkbox"/> Sau khi loại bỏ lỗi bằng cách nhấn nút  , chúng tôi khuyên bạn nên thực hiện kiểm tra kim phun. Hủy mọi công việc in đang chờ xử lý.<br><br><input type="checkbox"/> Để tắt máy in, hãy đảm bảo bạn nhấn nút  .                                                                                                                         |
|    | Khi đèn  và đèn  nhấp nháy đồng thời<br>Tăm lót mực gần đến hoặc cuối tuổi thọ hoạt động.                            | Tăm lót mực cần được thay thế.<br><br>Liên hệ Epson hoặc nhà cung cấp dịch vụ ủy quyền của Epson để thay tăm lót mực.* <sup>1</sup> Đây không phải là bộ phận người dùng có thể bảo trì.<br><br>Khi có thông báo cho biết bạn có thể tiếp tục in được hiển thị trên máy tính, nhấn nút  để tiếp tục in. Các đèn ngừng nhấp nháy lúc đó, tuy nhiên chúng sẽ tiếp tục nhấp nháy ở các khoảng thời gian đều đặn cho đến khi tăm lót mực được thay thế. |
|  | Máy in đã bắt đầu ở chế độ khôi phục vì việc cập nhật chương trình cơ sở đã thất bại.                                                                                                                                                                                                  | Làm theo các bước bên dưới để thử cập nhật lại chương trình cơ sở.<br><br>1. Kết nối máy tính và máy in bằng cáp USB. (Trong khi ở chế độ khôi phục, bạn không thể cập nhật chương trình cơ sở qua kết nối mạng.)<br><br>2. Truy cập trang web Epson tại địa phương của bạn để được hướng dẫn thêm.                                                                                                                                                                                                                                    |
|  | Đã xảy ra lỗi máy in.                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mở nắp trước và gỡ bỏ toàn bộ giấy bên trong máy in. Tắt nguồn và bật lại.<br><br>Nếu lỗi tiếp tục xảy ra sau khi tắt và bật lại nguồn, hãy liên hệ bộ phận hỗ trợ của Epson.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |

\*1 Trong một số chu trình in, một lượng rất nhỏ mực thừa có thể được thu thập trong tăm lót mực. Để tránh rò rỉ mực ra khỏi tăm lót, máy in được thiết kế dừng in khi tăm lót đã đạt đến giới hạn. Liệu có cần thay hay không và tần suất thay như thế nào sẽ khác nhau tùy thuộc vào số trang bạn in, loại chất liệu mà bạn in và số chu trình làm sạch mà máy in thực hiện. Nhu cầu thay thế tăm lót không có nghĩa là máy in đã dừng vận hành theo thông số kỹ thuật của máy in. Máy in sẽ cho bạn biết khi nào tăm lót cần thay thế và điều này chỉ có thể được thực hiện bởi nhà cung cấp dịch vụ Epson được ủy quyền. Bảo hành của Epson không bao gồm chi phí cho việc thay thế này.

## Thông tin liên quan

- ➔ “Gỡ bỏ giấy bị kẹt” ở trang 96
- ➔ “Liên hệ với bộ phận hỗ trợ của Epson” ở trang 125
- ➔ “Cài đặt ứng dụng mới nhất” ở trang 90

## Kiểm tra trạng thái máy in — Windows

1. Truy cập cửa sổ trình điều khiển máy in.
2. Nhấp vào **EPSON Status Monitor 3** trên thẻ **Bảo dưỡng**.

**Lưu ý:**

- ☐ Bạn cũng có thể kiểm tra trạng thái máy in bằng cách nhấp đúp vào biểu tượng máy in trên thanh tác vụ. Nếu biểu tượng máy in không được thêm vào thanh tác vụ, nhấp vào **Ưu tiên giám sát** trên tab **Bảo dưỡng** và sau đó chọn **Đăng ký biểu tượng phím tắt với thanh công cụ**.
- ☐ Nếu **EPSON Status Monitor 3** tắt, nhấp vào **Cài đặt mở rộng** trên thẻ **Bảo dưỡng** và sau đó chọn **Bật EPSON Status Monitor 3**.

### Thông tin liên quan

➔ [“Truy cập trình điều khiển máy in” ở trang 41](#)

## Kiểm tra trạng thái máy in — Mac OS

1. Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu  > **Máy in & Máy quét** (hoặc **In & Quét, In & Fax**) và sau đó chọn máy in.
2. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tiện ích** > **Mở Tiện ích Máy in**.
3. Nhấp vào **EPSON Status Monitor**.

Bạn có thể kiểm tra trạng thái của máy in, mức mực và tình trạng lỗi.

## Kiểm tra trạng thái phần mềm

Bạn có thể giải quyết sự cố bằng cách cập nhật phần mềm lên phiên bản mới nhất. Để kiểm tra trạng thái phần mềm, hãy sử dụng công cụ cập nhật phần mềm.

### Thông tin liên quan

- ➔ [“Công cụ cập nhật phần mềm \(EPSON Software Updater\)” ở trang 89](#)
- ➔ [“Cài đặt ứng dụng mới nhất” ở trang 90](#)

## Gỡ bỏ giấy bị kẹt

Kiểm tra lỗi được hiển thị trên bảng điều khiển và thực hiện theo các hướng dẫn để gỡ bỏ giấy bị kẹt, bao gồm mọi mẫu giấy bị rách. Tiếp theo, xóa thông báo lỗi.



**Quan trọng:**

- ☐ Gỡ bỏ giấy bị kẹt thật cẩn thận. Gỡ bỏ giấy quá mạnh tay có thể làm hỏng máy in.
- ☐ Khi gỡ bỏ giấy bị kẹt, tránh làm nghiêng máy in, đặt theo chiều đứng hoặc lật úp máy in; nếu không mực có thể rò rỉ.

### Thông tin liên quan

➔ “Đèn và trạng thái máy in” ở trang 15

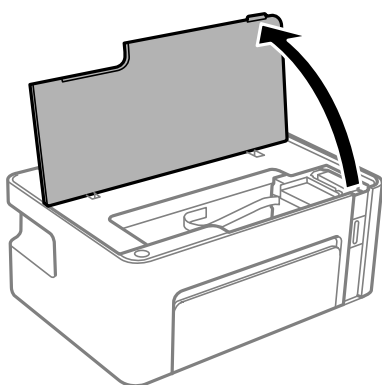
## Gỡ bỏ giấy bị kẹt từ bên trong máy in



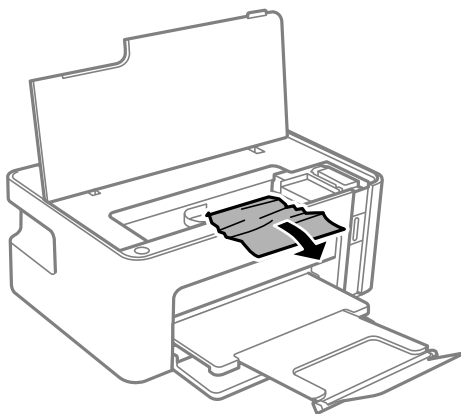
#### Chú ý:

Không chạm vào các nút trên bảng điều khiển khi tay của bạn đang ở bên trong máy in. Nếu máy in bắt đầu hoạt động thì bạn có thể bị thương. Cần thận không chạm vào các bộ phận nhô ra để tránh thương tích.

1. Mở nắp máy in.



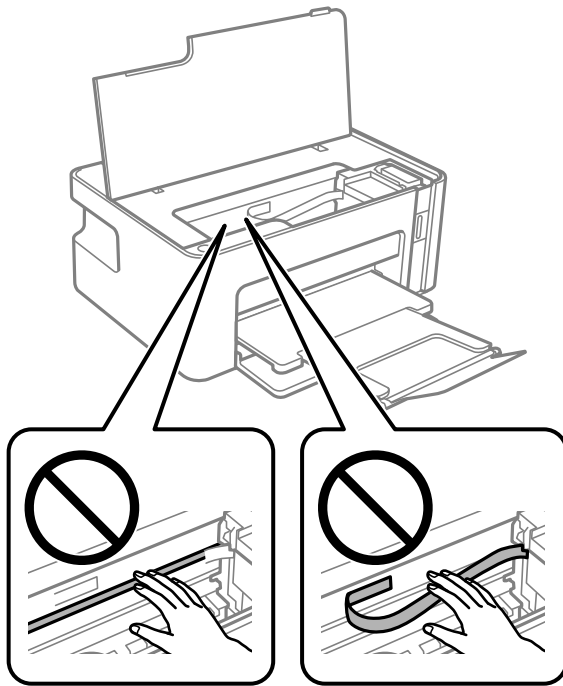
2. Lấy giấy bị kẹt ra.



## Giải quyết vấn đề

### ! Quan trọng:

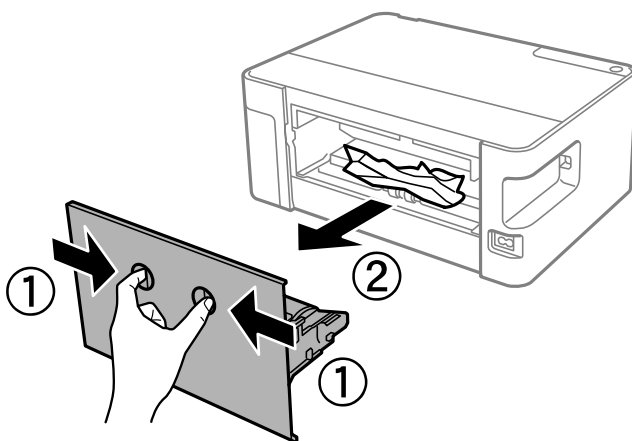
Không chạm vào dây cáp det màu trắng hoặc phim trong suốt bên trong máy in. Làm như vậy có thể gây ra lỗi.



3. Đóng nắp máy in.

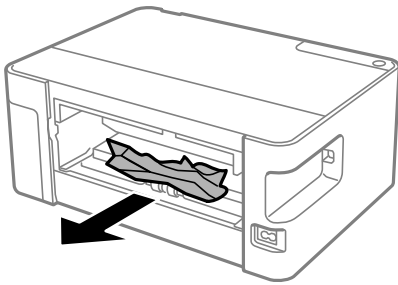
## Gỡ bỏ giấy bị kẹt từ Nắp Đậy Phía Sau

1. Tháo nắp đậy phía sau.

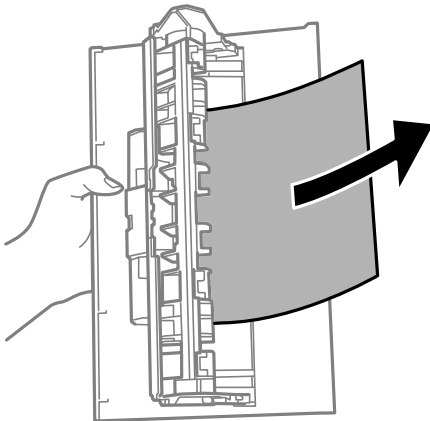


## Giải quyết vấn đề

2. Lấy giấy bị kẹt ra.



3. Gỡ giấy bị kẹt khỏi nắp đẩy phía sau.



4. Lắp nắp đẩy phía sau vào máy in.

---

## Giấy nạp không chính xác

Kiểm tra các điểm sau và sau đó thực hiện các thao tác thích hợp để xử lý sự cố.

- ☐ Đặt máy in trên bề mặt phẳng và vận hành trong điều kiện môi trường được khuyến nghị.
- ☐ Sử dụng giấy được hỗ trợ bởi máy in này.
- ☐ Tuân thủ các lưu ý xử lý giấy.
- ☐ Không nạp nhiều hơn số tờ tối đa đã quy định cho giấy. Với giấy thường, không nạp cao hơn vạch ngay phía dưới biểu tượng hình tam giác trên thanh dẫn hướng.

### Thông tin liên quan

- ➔ [“Thông số kỹ thuật môi trường” ở trang 119](#)
- ➔ [“Thận trọng khi xử lý giấy” ở trang 34](#)
- ➔ [“Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 33](#)
- ➔ [“Danh sách loại giấy” ở trang 38](#)

## Kẹt Giấy

Nạp giấy theo chiều thích hợp và trượt các thanh dẫn cạnh tựa vào các mép giấy.

#### Thông tin liên quan

- ➔ “Gỡ bỏ giấy bị kẹt” ở trang 96
- ➔ “Nạp giấy vào Hộc Đựng Giấy” ở trang 35

## Bộ Nạp Giấy Bị Nghiêng

Nạp giấy theo chiều thích hợp và trượt các thanh dẫn cạnh tựa vào các mép giấy.

#### Thông tin liên quan

- ➔ “Nạp giấy vào Hộc Đựng Giấy” ở trang 35

## Nạp Nhiều Tờ Giấy Mỗi Lần

- ☐ Khi nhiều tờ giấy được nạp mỗi lần trong khi in 2 mặt thủ công, hãy gỡ toàn bộ giấy đã nạp vào máy in trước khi bạn nạp lại giấy.
- ☐ Nếu giấy được đẩy vào, hãy căn giấy theo đường kích thước giấy trên khay giấy.

---

## Các vấn đề với bảng điều khiển và nguồn điện

### Nguồn điện không bật

- ☐ Đảm bảo rằng dây điện được cắm chắc chắn.
- ☐ Giữ nút  lâu hơn một chút.

### Nguồn điện không tắt

Giữ nút  lâu hơn một chút. Nếu bạn vẫn không thể tắt máy in, hãy rút dây điện. Để tránh đầu in bị khô, bật lại máy in và tắt máy bằng cách nhấn nút .

### Tắt nguồn tự động

- ☐ Windows
  - Nhấp vào **Máy in và thông tin tùy chọn** trên tab **Bảo dưỡng** của trình điều khiển máy in.
  - ☐ Tắt cài đặt **Tắt nguồn nếu không hoạt động** và **Tắt nguồn nếu đã ngắt kết nối**.
  - ☐ Tắt cài đặt **Hẹn giờ tắt nguồn**.

## Giải quyết vấn đề

☐ Mac OS

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu  > **Máy in & Máy quét** (hoặc **In & Quét**, **In & Fax**), sau đó chọn máy in. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tiện ích** > **Mở tiện ích máy in**, sau đó nhấp vào **Cài đặt máy in**.

☐ Tắt cài đặt **Tắt nguồn nếu không hoạt động** và **Tắt nguồn nếu đã ngắt kết nối**.

☐ Tắt cài đặt **Hẹn giờ tắt nguồn**.

**Lưu ý:**

Sản phẩm của bạn có thể có tính năng **Hẹn giờ tắt nguồn** hoặc tính năng **Tắt nguồn nếu không hoạt động** và **Tắt nguồn nếu đã ngắt kết nối** tùy thuộc vào vị trí mua hàng.

---

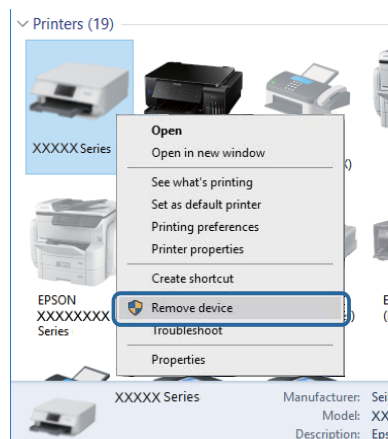
## Không thể in từ máy tính

### Kiểm tra kết nối (USB)

- ☐ Cắm chặt cáp USB vào máy in và máy tính.
- ☐ Nếu bạn đang sử dụng bộ hub USB, hãy thử kết nối máy in trực tiếp với máy tính.
- ☐ Nếu cáp USB không được nhận dạng, hãy thay cổng hoặc thay cáp USB.
- ☐ Nếu máy in không thể in bằng kết nối USB, hãy thử các cách sau.

Ngắt kết nối cáp USB khỏi máy tính. Nhấp chuột phải vào biểu tượng máy in được hiển thị trên máy tính và sau đó chọn **Xóa thiết bị**. Tiếp theo, kết nối cáp USB với máy tính và thử in kiểm tra.

Đặt lại kết nối USB bằng cách làm theo các bước trong sách hướng dẫn này cho thay đổi phương thức kết nối với máy tính. Xem liên kết thông tin có liên quan bên dưới để biết chi tiết.



### Thông tin liên quan

➔ [“Thay đổi phương thức kết nối với máy tính” ở trang 31](#)

### Kiểm tra kết nối (Mạng)

- ☐ Khi bạn đã thay đổi bộ định tuyến không dây hoặc nhà cung cấp của mình, hãy thử đặt lại các cài đặt mạng cho máy in. Kết nối máy tính hoặc thiết bị thông minh với cùng một SSID với máy in.

## Giải quyết vấn đề

- ❑ Tắt thiết bị mà bạn muốn kết nối với mạng. Đợi khoảng 10 giây và sau đó bật thiết bị theo thứ tự sau: bộ định tuyến không dây, máy tính hoặc thiết bị thông minh và sau đó là máy in. Di chuyển máy in và máy tính hoặc thiết bị thông minh gần với bộ định tuyến không dây hơn để giúp giao tiếp qua sóng vô tuyến và sau đó thử đặt lại cài đặt mạng.
- ❑ In báo cáo kết nối mạng. Xem liên kết thông tin có liên quan bên dưới để biết chi tiết. Nếu báo cáo cho biết rằng kết nối mạng không thành công thì kiểm tra báo cáo kết nối mạng và sau đó làm theo giải pháp đã in.
- ❑ Nếu địa chỉ IP được gán cho máy in là 169.254.XXX.XXX và mặt nạ mạng con là 255.255.0.0 thì địa chỉ IP có thể không được chỉ định chính xác. Khởi động lại bộ định tuyến không dây hoặc đặt lại cài đặt mạng cho máy in. Nếu cách này không giải quyết vấn đề, hãy xem tài liệu cho bộ định tuyến không dây.
- ❑ Thử truy cập bất kỳ trang web nào từ máy tính của bạn để đảm bảo rằng cài đặt mạng của máy tính của bạn chính xác. Nếu bạn không thể truy cập bất kỳ trang web nào thì máy tính gặp sự cố. Kiểm tra kết nối mạng của máy tính.

### Thông tin liên quan

- ➔ [“Kết nối với máy tính” ở trang 19](#)
- ➔ [“In báo cáo kết nối mạng” ở trang 24](#)

## Kiểm tra phần mềm và dữ liệu

- ❑ Đảm bảo rằng trình điều khiển máy in Epson chính hãng được lắp đặt. Nếu không lắp trình điều khiển máy in Epson chính hãng, các chức năng khả dụng bị hạn chế. Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng trình điều khiển máy in Epson chính hãng. Xem liên kết thông tin có liên quan bên dưới để biết chi tiết.
- ❑ Nếu bạn in một hình ảnh có kích cỡ dữ liệu lớn, máy tính có thể bị hết bộ nhớ. Hãy in ảnh ở độ phân giải thấp hơn hoặc kích cỡ nhỏ hơn.

### Thông tin liên quan

- ➔ [“Kiểm tra Trình điều khiển máy in Epson chính hãng” ở trang 102](#)
- ➔ [“Cài đặt ứng dụng mới nhất” ở trang 90](#)

## Kiểm tra Trình điều khiển máy in Epson chính hãng

Bạn có thể kiểm tra xem trình điều khiển máy in Epson chính hãng có được cài đặt trên máy tính của bạn không bằng cách sử dụng một trong các phương pháp sau.

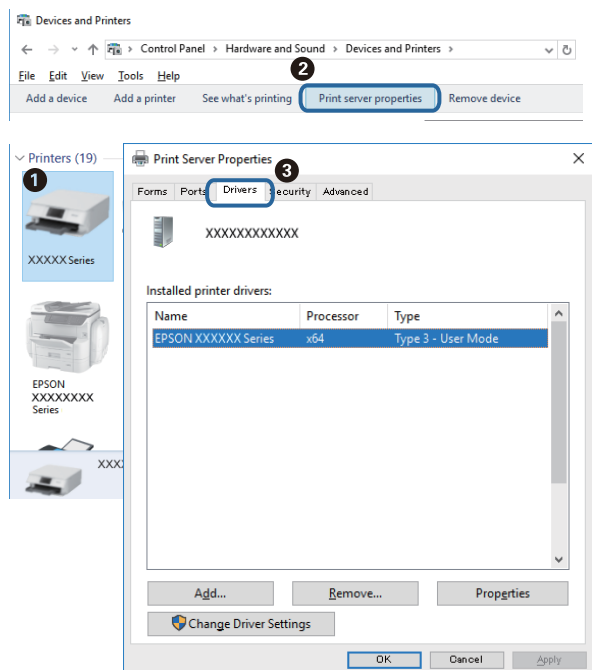
### Windows

Chọn **Bảng điều khiển > Xem thiết bị và máy in (Máy in, Máy in và Fax)** và sau đó thực hiện thao tác sau để mở cửa sổ thuộc tính máy chủ in.

- ❑ Windows 10/Windows 8.1/Windows 8/Windows 7/Windows Server 2016/Windows Server 2012 R2/Windows Server 2012/Windows Server 2008 R2  
Nhấp vào biểu tượng máy in và sau đó nhấp vào **Thuộc tính máy chủ in** ở đầu cửa sổ.
- ❑ Windows Vista/Windows Server 2008  
Nhấp chuột phải vào thư mục **Máy in** và sau đó nhấp vào **Chạy với tư cách quản trị viên > Thuộc tính máy chủ**.
- ❑ Windows XP/Windows Server 2003 R2/Windows Server 2003  
Từ menu **Tệp**, chọn **Thuộc tính máy chủ**.

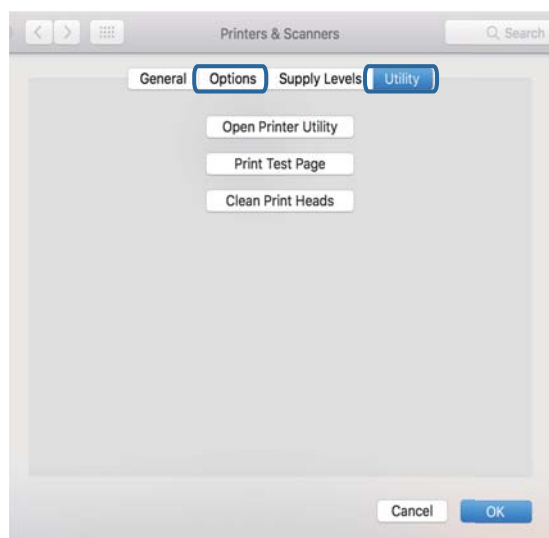
## Giải quyết vấn đề

Nhấp vào thẻ **Trình điều khiển**. Nếu tên máy in của bạn hiển thị trong danh sách, trình điều khiển máy in Epson chính hãng đã được cài đặt trên máy tính của bạn.



## Mac OS

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu  > **Máy in & Máy quét** (hoặc **In & Quét**, **In & Fax**) và sau đó chọn máy in. Nhấp vào **Tùy chọn và Nguồn cấp** và nếu thẻ **Tùy chọn** và thẻ **Tiện ích** hiển thị trên cửa sổ, trình điều khiển máy in Epson chính hãng đã được cài đặt trên máy tính của bạn.

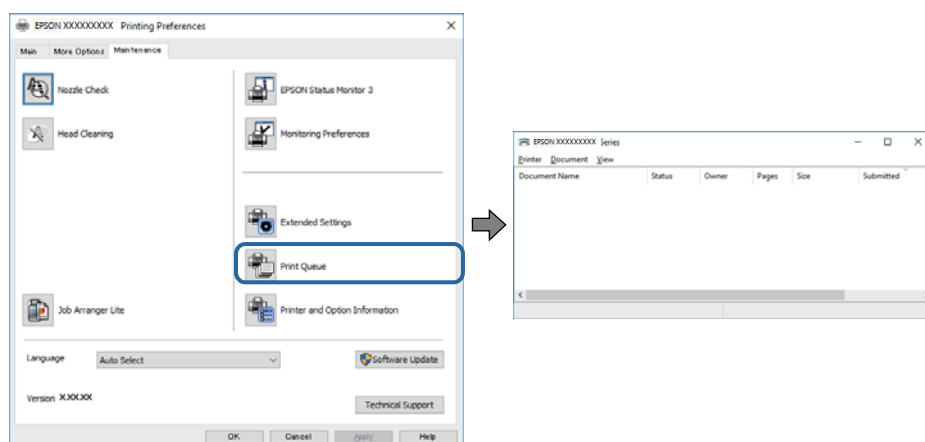


## Thông tin liên quan

➡ “Cài đặt ứng dụng mới nhất” ở trang 90

## Kiểm tra trạng thái của máy in từ máy tính (Windows)

Nhấp vào **Chuỗi in** trên tab **Bảo dưỡng** của trình điều khiển máy in, sau đó kiểm tra các mục sau.

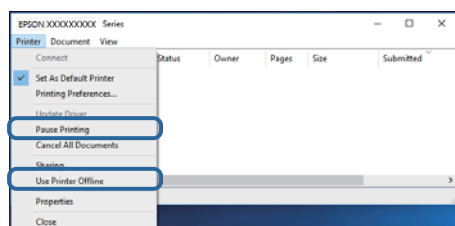


- ❑ Kiểm tra xem có bất kỳ công việc in nào đang tạm dừng không.

Nếu dữ liệu không cần thiết vẫn còn, hãy chọn **Hủy tất cả tài liệu** từ menu **Máy in**.

- ❑ Đảm bảo rằng máy in không ở chế độ ngoại tuyến hoặc chờ xử lý.

Nếu máy in ở chế độ ngoại tuyến hoặc chờ xử lý, hãy xóa cài đặt ngoại tuyến hoặc chờ xử lý từ menu **Máy in**.



- ❑ Đảm bảo rằng máy in được chọn là máy in mặc định từ menu **Máy in** (phải có một dấu kiểm trên mục menu).

Nếu máy in không được chọn là máy in mặc định, hãy đặt là máy in mặc định. Nếu có nhiều biểu tượng trong **Bảng điều khiển > Xem thiết bị và máy in (Máy in, Máy in và Fax)**, hãy xem phần sau để chọn biểu tượng.

Ví dụ)

Kết nối USB: EPSON Sê ri XXXX

Kết nối mạng: EPSON Sê ri XXXX (mạng)

Nếu bạn cài đặt trình điều khiển máy in nhiều lần, bản sao trình điều khiển máy in có thể được tạo. Nếu các bản sao như “EPSON Sê ri XXXX (bản sao 1)” được tạo, nhấp chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển đã sao chép và sau đó nhấp vào **Xóa thiết bị**.

- ❑ Đảm bảo cổng máy in được chọn đúng cách trong **Thuộc tính > Cổng** từ menu **Máy in** như sau.

Chọn “**USBXXX**” cho kết nối USB hoặc “**EpsonNet Print Port**” cho kết nối mạng.

## Kiểm tra trạng thái của máy in từ máy tính (Mac OS)

Đảm bảo trạng thái của máy in không phải là **Dừng**.

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu  > **Máy in & Máy quét** (hoặc **In & Quét**, **In & Fax**) và sau đó nhấp đúp vào máy in. Nếu máy in tạm dừng, nhấp **Tiếp tục** (hoặc **Tiếp tục máy in**).

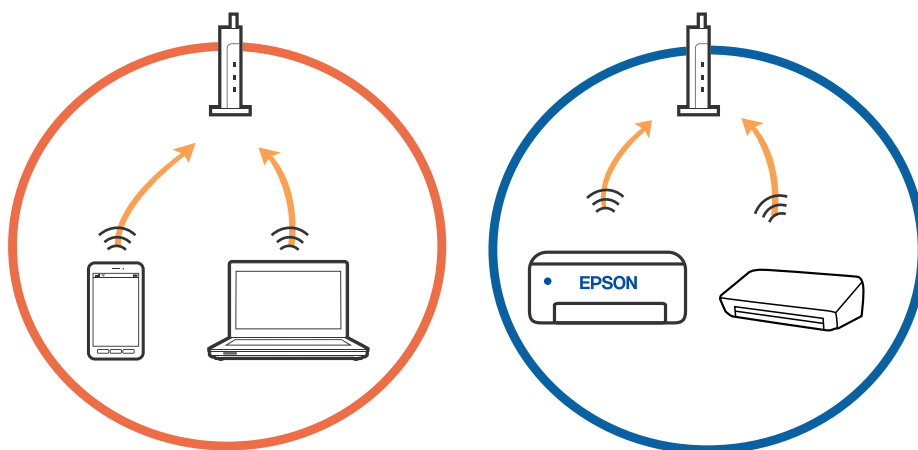
## Khi bạn không thể đặt cài đặt mạng

- ❑ Tắt thiết bị mà bạn muốn kết nối với mạng. Đợi khoảng 10 giây và sau đó bật thiết bị theo thứ tự sau: bộ định tuyến không dây, máy tính hoặc thiết bị thông minh và sau đó là máy in. Di chuyển máy in và máy tính hoặc thiết bị thông minh gần với bộ định tuyến không dây hơn để giúp giao tiếp qua sóng vô tuyến và sau đó thử đặt lại cài đặt mạng.
- ❑ Nhấn nút  để in báo cáo kết nối mạng. Kiểm tra báo cáo và sau đó làm theo giải pháp đã in.

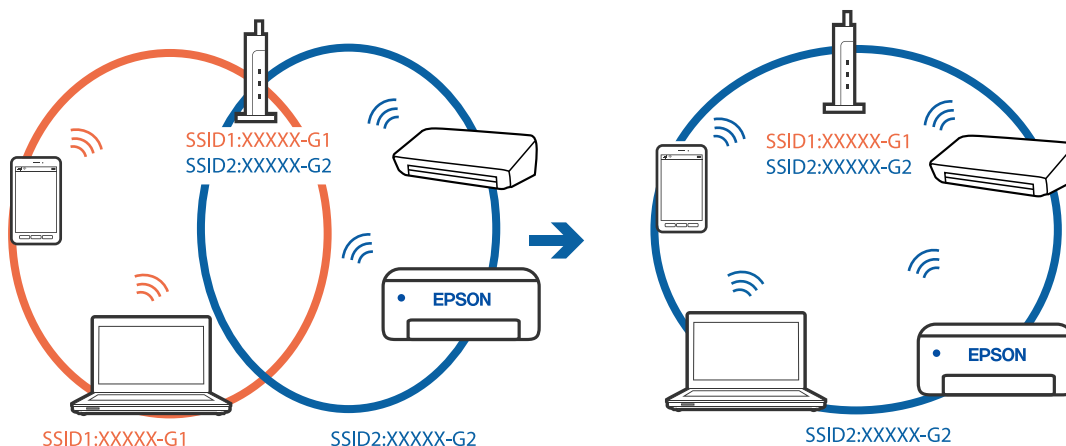
## Không thể kết nối từ thiết bị mặc dù không có vấn đề gì với các cài đặt mạng

Nếu bạn không thể kết nối từ máy tính hoặc thiết bị thông minh tới máy in mặc dù báo cáo kết nối mạng không cho thấy có bất kỳ vấn đề nào, hãy xem phần sau.

- ❑ Khi bạn sử dụng nhiều bộ định tuyến không dây cùng lúc, bạn có thể không sử dụng được máy in từ máy tính hoặc thiết bị thông minh tùy thuộc vào các cài đặt của bộ định tuyến không dây. Kết nối máy tính hoặc thiết bị thông minh với cùng bộ định tuyến không dây như với máy in.  
Tắt chức năng chia sẻ kết nối trên thiết bị thông minh nếu đã tắt chức năng này.

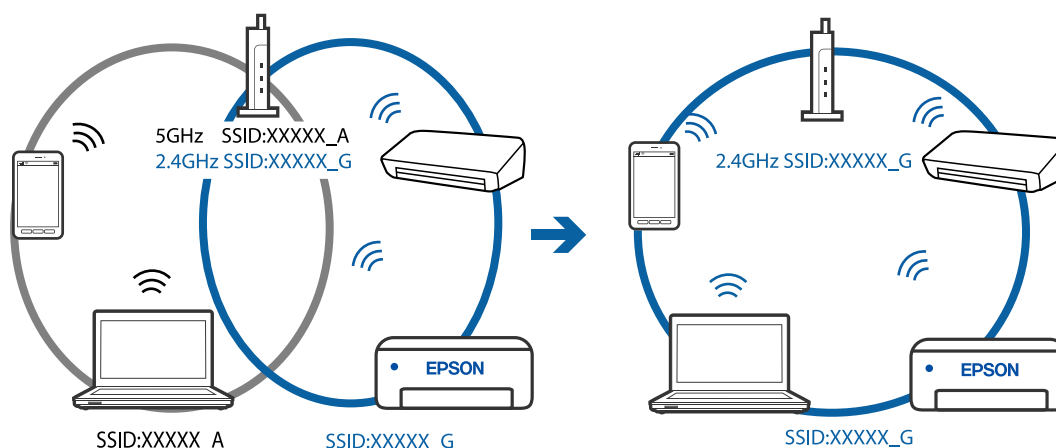


- ❑ Bạn có thể không kết nối được với bộ định tuyến không dây khi bộ định tuyến không dây có nhiều SSID và các thiết bị được kết nối tới các SSID khác nhau trên cùng bộ định tuyến không dây. Kết nối máy tính hoặc thiết bị thông minh với cùng một SSID với máy in.

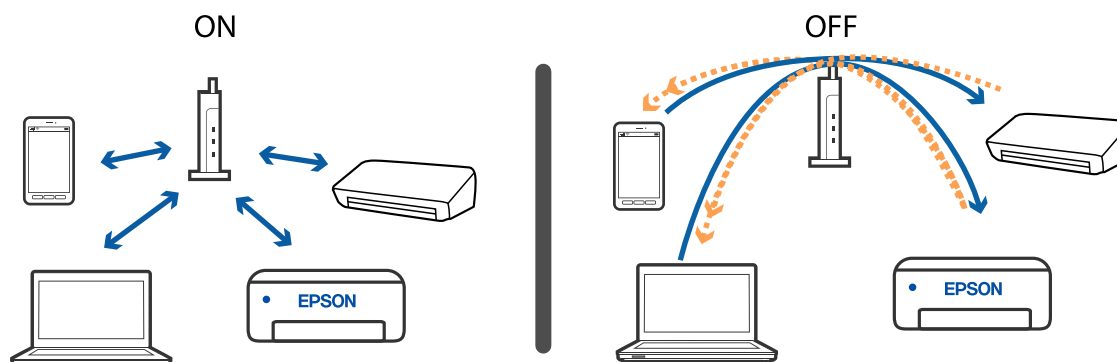


## Giải quyết vấn đề

- ❑ Bộ định tuyến không dây tuân thủ cả chuẩn IEEE 802.11a và IEEE 802.11g có các SSID 2,4 GHz và 5 GHz. Nếu bạn kết nối máy tính hoặc thiết bị thông minh tới SSID 5 GHz, bạn không thể kết nối tới máy in do máy in chỉ hỗ trợ giao tiếp trên tần số 2,4 GHz. Kết nối máy tính hoặc thiết bị thông minh với cùng một SSID với máy in.



- ❑ Hầu hết các bộ định tuyến không dây đều có tính năng trình tách riêng tư chặn giao tiếp giữa các thiết bị kết nối. Nếu bạn không thể thực hiện giao tiếp giữa máy in và máy tính hoặc thiết bị thông minh ngay cả khi các thiết bị được kết nối với cùng một mạng, hãy tắt tính năng trình tách riêng tư trên bộ định tuyến không dây. Xem hướng dẫn đi kèm với bộ định tuyến không dây để biết chi tiết.



## Thông tin liên quan

- ➔ “Kiểm tra SSID được kết nối với máy in” ở trang 108
- ➔ “Kiểm tra SSID cho máy tính” ở trang 108

## Khi bạn không thể kết nối bằng Wi-Fi Direct (AP đơn giản)

Nếu số thiết bị tối đa đã được kết nối, bạn không thể kết nối thêm bất kỳ thiết bị nào nữa. Xem thông tin sau và thử kết nối lại.

## Kiểm tra số lượng thiết bị được kết nối

Kiểm tra số lượng thiết bị được kết nối với máy in. Nếu số lượng thiết bị được kết nối chưa vượt quá ngưỡng tối đa, có thể đã xảy ra lỗi kết nối. Di chuyển máy in và máy tính hoặc thiết bị thông minh đến gần bộ định tuyến không dây hơn để giúp giao tiếp qua sóng vô tuyến, kiểm tra xem SSID và mật khẩu có đúng không, sau đó thử đặt lại cài đặt mạng.

## Giải quyết vấn đề

## ❑ Tờ trạng thái mạng

```

<Wi-Fi Direct>
Wi-Fi Direct Mode      On
Communication Mode    Simple AP
Operation Mode        IEEE802.11g/n
Communication Speed    Auto
SSID                  DIRECT-*****
Password              *****
Channel               11
Security Level        WPA2-PSK(AES)
Link Status           Unknown
Connected Devices      2(Max 4)
Client MAC List
9C:5C:F9:38:C3:74
20:02:AF:C1:92:6B

```

## ❑ Màn hình trạng thái sản phẩm cho Web Config

Khởi chạy một trình duyệt web từ thiết bị đã kết nối, sau đó nhập địa chỉ IP cho Wi-Fi Direct (AP đơn giản) để mở Web Config. Nhấn **Product Status** > **Wi-Fi Direct** và kiểm tra trạng thái Wi-Fi Direct.

**Ngắt kết nối thiết bị không cần thiết**

Nếu số thiết bị tối đa đã được kết nối với máy in, ngắt kết nối các thiết bị không cần thiết và tìm cách kết nối thiết bị mới.

Xóa SSID cho Wi-Fi Direct trên màn hình Wi-Fi cho thiết bị mà bạn không cần phải kết nối với máy in.

## Giải quyết vấn đề

### Thông tin liên quan

- ➔ “In tờ tình trạng mạng” ở trang 30
- ➔ “Ứng dụng định cấu hình thao tác máy in (Web Config)” ở trang 87

## Kiểm tra SSID được kết nối với máy in

Bạn có thể kiểm tra SSID bằng cách in báo cáo kết nối mạng, tờ tình trạng mạng hoặc trên Web Config.

## Kiểm tra SSID cho máy tính

### Windows

Nhấp vào  trong khay tác vụ trên màn hình nền. Kiểm tra tên của SSID được kết nối từ danh sách hiển thị.



## Giải quyết vấn đề

### Mac OS

Nhấp vào biểu tượng Wi-Fi ở đầu màn hình máy tính. Danh sách SSID hiển thị và SSID đã kết nối được biểu thị bằng dấu kiểm.



---

## Các vấn đề in

### Bản in ra bị mờ hoặc màu bị thiếu

Nếu bạn không sử dụng máy in trong một thời gian dài, các kim phun đầu in có thể bị tắc và các giọt mực có thể không chảy ra. Kiểm tra kim phun, sau đó vệ sinh đầu in nếu bất kỳ kim phun nào của đầu in bị tắc.

#### Thông tin liên quan

- ➔ [“Kiểm tra xem kim phun có bị tắc không \(Kiểm tra kim phun\)” ở trang 74](#)
- ➔ [“Nạp lại mực cho hộp mực” ở trang 68](#)

### Xuất hiện dải ngang

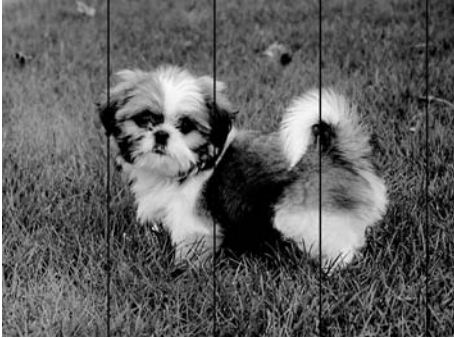


Các kim phun của đầu in có thể bị tắc. Thực hiện kiểm tra kim phun để xem kim phun của đầu in có bị tắc không. Vệ sinh đầu in nếu bất kỳ kim phun nào của đầu in bị tắc.

#### Thông tin liên quan

- ➔ [“Kiểm tra xem kim phun có bị tắc không \(Kiểm tra kim phun\)” ở trang 74](#)

## Dải Màu Xuất Hiện Ở Khoảng Cách Gần 2.5 cm



- ☐ Chọn cài đặt loại giấy thích hợp với loại giấy đã nạp vào máy in.
- ☐ Căn chỉnh đầu in từ máy tính.
- ☐ Khi in trên giấy thường, hãy in bằng cài đặt chất lượng cao hơn.

### Thông tin liên quan

- ➔ [“Danh sách loại giấy” ở trang 38](#)
- ➔ [“Căn chỉnh Đầu In” ở trang 80](#)

## Dải dọc hoặc bị lệch

enthaiten alle  
Aufdruck. W  
↓ 5008 "Regel

- ☐ Căn chỉnh đầu in.
- ☐ Nếu chất lượng in không cải thiện ngay cả sau khi căn chỉnh đầu in, hãy in với cài đặt chất lượng cao hơn.

### Thông tin liên quan

- ➔ [“Căn chỉnh Đầu In” ở trang 80](#)

## Chất lượng in kém

Kiểm tra các vấn đề sau nếu chất lượng in kém do bản in bị mờ, xuất hiện dải, thiếu màu, màu bị mờ đi và bản in bị lệch.

### Kiểm tra máy in

- ☐ Đảm bảo rằng việc nạp mực ban đầu đã hoàn tất.

## Giải quyết vấn đề

- ☐ Nạp lại hộp mực nếu mức mực dưới vạch bên dưới.
- ☐ Kiểm tra kim phun, sau đó vệ sinh đầu in nếu bất kỳ kim phun nào của đầu in bị tắc.
- ☐ Căn chỉnh đầu in.

### Kiểm tra giấy

- ☐ Sử dụng giấy được máy in này hỗ trợ.
- ☐ Không in trên giấy ẩm, bị hỏng hoặc quá cũ.
- ☐ Nếu giấy bị uốn cong hoặc phong bì bị phồng lên, hãy vuốt phẳng.
- ☐ Không xếp chồng giấy ngay sau khi in.
- ☐ Để các bản in khô hoàn toàn trước khi xếp lại hoặc trưng bày. Khi để bản in tự khô, tránh để trực tiếp dưới ánh nắng mặt trời, không sử dụng máy sấy và không chạm vào mặt in của giấy.
- ☐ Khi in hình ảnh hoặc ảnh chụp, Epson khuyên bạn nên sử dụng giấy Epson chính hãng thay vì giấy thường. In trên mặt in được của giấy Epson chính hãng.

### Kiểm tra cài đặt in

- ☐ Chọn cài đặt loại giấy thích hợp với loại giấy đã nạp vào máy in.
- ☐ In bằng cài đặt chất lượng cao hơn.
- ☐ Trong khi in hai chiều (hoặc tốc độ cao), đầu in sẽ in khi di chuyển theo cả hai chiều, và các đường dọc có thể bị lệch. Nếu chất lượng in không cải thiện, hãy tắt cài đặt hai chiều (hoặc tốc độ cao). Tắt cài đặt này có thể làm chậm tốc độ in.
  - ☐ Windows  
Bỏ chọn **Tốc độ cao** trên thẻ **Tùy chọn khác** của trình điều khiển máy in.
  - ☐ Mac OS  
Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu  > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét**, **In và Fax**) và sau đó chọn máy in. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tùy chọn** (hoặc **Trình điều khiển**). Chọn **Off** làm cài đặt **High Speed Printing**.

### Kiểm tra lọ mực

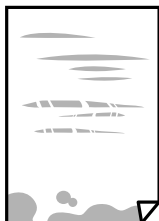
- ☐ Sử dụng lọ mực với mã bộ phận chính xác cho máy in này.
- ☐ Epson khuyến nghị sử dụng lọ mực trước ngày được in trên gói sản phẩm.
- ☐ Hãy tìm cách sử dụng lọ mực Epson chính hãng. Sản phẩm này được thiết kế để điều chỉnh màu dựa trên việc sử dụng lọ mực Epson chính hãng. Việc sử dụng lọ mực không chính hãng có thể làm giảm chất lượng in.

### Thông tin liên quan

- ➔ **“Kiểm tra xem kim phun có bị tắc không (Kiểm tra kim phun)”** ở trang 74
- ➔ **“Căn chỉnh Đầu In”** ở trang 80
- ➔ **“Các loại giấy sẵn có và các khả năng”** ở trang 33
- ➔ **“Danh sách loại giấy”** ở trang 38
- ➔ **“Thận trọng khi xử lý giấy”** ở trang 34

## Giấy bị bẩn hoặc mòn

- ☐ Khi có dải ngang xuất hiện hoặc phần đầu hoặc cuối giấy bị bẩn, hãy nạp giấy theo đúng hướng và trượt thanh dẫn hướng tới các mép giấy.



- ☐ Khi dải dọc xuất hiện hoặc giấy bị bẩn, hãy vệ sinh đường dẫn giấy.



- ☐ Đặt giấy lên bề mặt phẳng để kiểm tra giấy có bị cong không. Nếu có, hãy vuốt phẳng giấy.
- ☐ Khi in trên giấy dày, đầu in gần với bề mặt in và giấy có thể bị rà mòn. Trong trường hợp này, hãy bật cài đặt giảm rà mòn. Nếu bạn bật cài đặt này, chất lượng in có thể giảm hoặc tốc độ in có thể chậm lại.

Windows

Nhấp vào **Cài đặt mở rộng** trên tab **Bảo dưỡng** của trình điều khiển máy in, sau đó chọn **Giấy hạt mịn**.

- ☐ Khi in 2 mặt theo cách thủ công, đảm bảo rằng mực khô hoàn toàn trước khi nạp lại giấy.

### Thông tin liên quan

- ➔ [“Nạp giấy vào Hộc Đựng Giấy” ở trang 35](#)
- ➔ [“Vệ sinh đường dẫn giấy” ở trang 81](#)

## Ảnh chụp đã in bị dính

Bạn có thể in sai mặt của giấy ảnh. Đảm bảo bạn đang in trên mặt có thể in.

Khi in trên mặt sai của giấy ảnh, bạn cần vệ sinh đường dẫn giấy.

### Thông tin liên quan

- ➔ [“Vệ sinh đường dẫn giấy” ở trang 81](#)

## Vị trí, kích cỡ hoặc lề của bản in ra không chính xác

- ☐ Nạp giấy theo chiều thích hợp và trượt các thanh dẫn cạnh tựa vào các mép giấy.
- ☐ Chọn cài đặt khổ giấy thích hợp.

## Giải quyết vấn đề

- ☐ Điều chỉnh cài đặt lề trong ứng dụng sao cho nội dung in lên vùng có thể in được.

### Thông tin liên quan

- ➔ “Nạp giấy vào Học Đựng Giấy” ở trang 35
- ➔ “Khu vực có thể in” ở trang 116

## Các ký tự được in ra không chính xác hoặc lộn xộn

- ☐ Cắm chặt cáp USB vào máy in và máy tính.
- ☐ Hủy bỏ mọi công việc in đang tạm dừng.
- ☐ Không đưa máy tính theo cách thủ công vào chế độ **Ngủ đông** hoặc chế độ **Ngủ** khi đang in. Các trang chữ bị lộn xộn có thể được in vào lần tiếp theo bạn khởi động máy tính.
- ☐ Nếu bạn sử dụng trình điều khiển máy in mà bạn đã sử dụng trước đó, các ký tự đã in có thể bị lộn xộn. Đảm bảo rằng trình điều khiển máy in mà bạn đang sử dụng cho máy in này. Kiểm tra tên máy in ở đầu cửa sổ trình điều khiển máy in.

## Ảnh in ra bị đảo ngược

Xóa mọi thiết lập ảnh đảo trong trình điều khiển máy in hoặc ứng dụng.

- ☐ Windows  
Bỏ chọn **Hình p.chiếu** trên thẻ **Tùy chọn khác** của trình điều khiển máy in.
- ☐ Mac OS  
Xóa thiết lập **Mirror Image** từ menu **Cài đặt in** của hộp thoại in.

## Mẫu kiểu che mờ trên bản in

Khi in hình ảnh hoặc ảnh, hãy in bằng dữ liệu có độ phân giải cao. Hình ảnh trên các trang web thường có độ phân giải thấp mặc dù chúng chấp nhận được trên màn hình, vì vậy chất lượng in có thể suy giảm.

## Vấn đề với bản in không thể giải quyết

Nếu bạn đã thử tất cả các giải pháp và vẫn không khắc phục được vấn đề, hãy thử gỡ cài đặt và cài đặt lại trình điều khiển máy in.

### Thông tin liên quan

- ➔ “Gỡ cài đặt ứng dụng” ở trang 91
- ➔ “Cài đặt ứng dụng mới nhất” ở trang 90

---

## Các vấn đề khác với in

### Tốc độ in quá chậm

- ☐ Đóng các ứng dụng không cần thiết.
- ☐ Giảm cài đặt chất lượng. In chất lượng cao làm giảm tốc độ in.
- ☐ Bật cài đặt hai chiều (hoặc tốc độ cao). Khi bật cài đặt này, đầu in sẽ in khi di chuyển theo cả hai chiều và tốc độ in tăng lên.
  - ☐ Windows  
Chọn **Tốc độ cao** trên tab **Tùy chọn khác** của trình điều khiển máy in.
  - ☐ Mac OS  
Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu  > **Máy in & Máy quét** (hoặc **In & Quét, In & Fax**), sau đó chọn máy in. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tùy chọn** (hoặc **Trình điều khiển**). Chọn **On** làm cài đặt **High Speed Printing**.
- ☐ Tắt chế độ im lặng. Tính năng này làm giảm tốc độ in.
  - ☐ Windows  
Chọn **Tắt** cho cài đặt **C. độ im lặng** trên tab **Chính** của trình điều khiển máy in.
  - ☐ Mac OS  
Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu  > **Máy in & Máy quét** (hoặc **In & Quét, In & Fax**), sau đó chọn máy in. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tùy chọn** (hoặc **Trình điều khiển**). Chọn **Off** làm cài đặt **C. độ im lặng**.

### Tiến trình In Chậm Đáng kể Trong khi In Liên tục

Tiến trình in chậm lại để phòng tránh cơ chế máy in bị quá nhiệt và bị thiệt hại. Tuy nhiên, bạn có thể tiếp tục in. Để trở về tốc độ in bình thường, hãy để máy in chờ ít nhất 30 phút. Tốc độ in không trở lại bình thường nếu nguồn tắt.

---

## Các vấn đề khác

### Giật điện nhẹ khi chạm vào máy in

Nếu nhiều thiết bị ngoại vi được kết nối với máy tính, bạn có thể cảm thấy giật điện nhẹ khi chạm vào máy in. Hãy lắp dây nối đất với máy tính được kết nối với máy in.

### Âm thanh hoạt động lớn

Nếu các âm thanh hoạt động quá lớn, hãy bật **C. độ im lặng**. Bật tính năng này có thể giảm tốc độ in.

## Giải quyết vấn đề

- ☐ Trình điều khiển máy in Windows

Chọn **Bật** là thiết lập **C.độ im lặng** trên thẻ **Chính**.

- ☐ Trình điều khiển máy in Mac OS

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu  > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét**, **In và Fax**) và sau đó chọn máy in. Nhấp vào **Tùy chọn và Cung ứng** > **Tùy chọn** (hoặc **Trình điều khiển**). Chọn **On** làm cài đặt **C.độ im lặng**.

## Ứng dụng bị chặn bởi tường lửa (Chỉ dành cho Windows)

Thêm ứng dụng vào chương trình được Tường lửa cho phép của Windows trong thiết lập bảo mật trên **Pa-nen Điều khiển**.

## Mực tràn

- ☐ Nếu mực dính vào khu vực xung quanh hộp, hãy lau bằng một khăn sạch, không có sợi vải hoặc tấm bông.
- ☐ Nếu mực tràn ra bàn hoặc sàn nhà, hãy lau sạch ngay. Khi mực khô, rất khó tẩy vết bẩn. Để ngăn vết bẩn lan rộng, hãy thấm mực bằng khăn khô, sau đó lau sạch bằng khăn ẩm.
- ☐ Nếu mực dính vào tay bạn, hãy rửa tay bằng nước và xà phòng.

# Phụ lục

## Thông số kỹ thuật

### Thông số kỹ thuật máy in

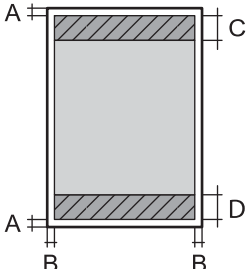
|                            |             |                                                                  |
|----------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------|
| Bố trí kim phun của đầu in |             | Kim phun mực đen: 180×2 dãy                                      |
| Trọng lượng giấy*          | Giấy thường | 64 đến 90 g/m <sup>2</sup> (17 đến 24 pao)                       |
|                            | Bì thư      | Bì thư số 10, DL, C6: 75 đến 90 g/m <sup>2</sup> (20 đến 24 pao) |

\* Ngay cả khi độ dày giấy in nằm trong khoảng này thì có thể giấy vẫn không nạp trong máy in hoặc chất lượng in có thể suy giảm tùy theo thuộc tính hoặc chất lượng giấy.

### Khu vực có thể in

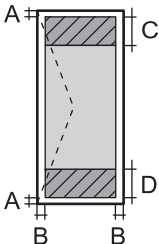
#### Khu vực có thể in của một tờ giấy

Chất lượng in có thể suy giảm tại các khu vực sẫm màu do cơ chế hoạt động của máy in.

|                                                                                     |   |                    |
|-------------------------------------------------------------------------------------|---|--------------------|
|  | A | 3.0 mm (0.12 in.)  |
|                                                                                     | B | 3.0 mm (0.12 in.)  |
|                                                                                     | C | 41.0 mm (1.61 in.) |
|                                                                                     | D | 37.0 mm (1.46 in.) |

#### Khu vực có thể in cho bì thư

Chất lượng in có thể suy giảm tại các khu vực sẫm màu do cơ chế hoạt động của máy in.

|                                                                                     |   |                    |
|-------------------------------------------------------------------------------------|---|--------------------|
|  | A | 3.0 mm (0.12 in.)  |
|                                                                                     | B | 5.0 mm (0.20 in.)  |
|                                                                                     | C | 18.0 mm (0.71 in.) |
|                                                                                     | D | 41.0 mm (1.61 in.) |

## Thông số kỹ thuật giao tiếp

|                   |              |
|-------------------|--------------|
| Dành cho máy tính | Hi-Speed USB |
|-------------------|--------------|

## Danh sách chức năng của mạng

### Chức năng của mạng và IPv4/IPv6

| Chức năng     |                                    |            | Được hỗ trợ | Ghi chú               |
|---------------|------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|
| In qua mạng   | EpsonNet Print (Windows)           | IPv4       | ✓           | -                     |
|               | Standard TCP/IP (Windows)          | IPv4, IPv6 | ✓           | -                     |
|               | In bằng WSD (Windows)              | IPv4, IPv6 | ✓           | Windows Vista trở lên |
|               | In Bonjour (Mac OS)                | IPv4, IPv6 | ✓           | -                     |
|               | In IPP (Windows, Mac OS)           | IPv4, IPv6 | -           | -                     |
|               | In UPnP                            | IPv4       | -           | Ứng dụng thông tin    |
|               | In PictBridge (Wi-Fi)              | IPv4       | -           | Máy ảnh kỹ thuật số   |
|               | Epson Connect (In email, In từ xa) | IPv4       | ✓           | -                     |
|               | Google Cloud Print                 | IPv4, IPv6 | ✓           | -                     |
| Quét qua mạng | Epson Scan 2                       | IPv4, IPv6 | -           | -                     |
|               | Event Manager                      | IPv4       | -           | -                     |
|               | Epson Connect (Quét vào đám mây)   | IPv4       | -           | -                     |
|               | ADF (quét 2 mặt)                   |            | -           | -                     |
| Fax           | Gửi fax                            | IPv4       | -           | -                     |
|               | Nhận fax                           | IPv4       | -           | -                     |

## Thông số kỹ thuật Wi-Fi

|                                        |                                                           |
|----------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| Tiêu chuẩn                             | IEEE 802.11b/g/n* <sup>1</sup>                            |
| Dải tần số                             | 2,4 GHz                                                   |
| Nguồn tần số vô tuyến tối đa đã truyền | 20 dBm (EIRP)                                             |
| Chế độ phối hợp                        | Cơ sở hạ tầng, Wi-Fi Direct (AP đơn giản)* <sup>2*3</sup> |
| Bảo mật không dây* <sup>4</sup>        | WEP (64/128bit), WPA2-PSK (AES)* <sup>5</sup>             |

## Phụ lục

- \*1 IEEE 802.11n chỉ có sẵn cho HT20.
- \*2 Không được hỗ trợ cho IEEE 802.11b.
- \*3 Chế độ AP đơn giản tương thích với kết nối Wi-Fi (cơ sở hạ tầng).
- \*4 Wi-Fi Direct chỉ hỗ trợ WPA2-PSK (AES).
- \*5 Tuân thủ các chuẩn WPA2 với sự hỗ trợ cho WPA/WPA2 Cá nhân.

## Giao thức bảo mật

|         |                         |
|---------|-------------------------|
| SSL/TLS | Máy khách/Máy chủ HTTPS |
|---------|-------------------------|

## Các Dịch Vụ Bên Thứ Ba Được Hỗ Trợ

|                    |
|--------------------|
| Google Cloud Print |
|--------------------|

## Kích thước

|              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Kích thước   | Bảo quản<br><input type="checkbox"/> Chiều rộng: 375 mm (14.8 in.)<br><input type="checkbox"/> Chiều sâu: 267 mm (10.5 in.)<br><input type="checkbox"/> Chiều cao: 161 mm (6.3 in.)<br><br>In<br><input type="checkbox"/> Chiều rộng: 375 mm (14.8 in.)<br><input type="checkbox"/> Chiều sâu: 512 mm (20.2 in.)<br><input type="checkbox"/> Chiều cao: 161 mm (6.3 in.) |
| Trọng lượng* | Xấp xỉ 3.5 kg (7.7 lb)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |

\* Không có mực và dây nguồn.

## Thông số kỹ thuật điện

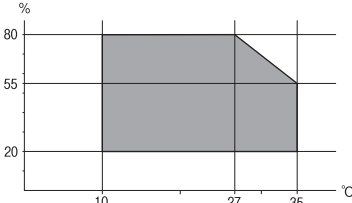
| Kiểu máy                            | Kiểu máy 100 đến 240 V                                                                                                            | Kiểu máy 220 đến 240 V                                                                                                            |
|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Dải tần số định mức                 | 50 đến 60 Hz                                                                                                                      | 50 đến 60 Hz                                                                                                                      |
| Dòng điện định mức                  | 0.4 đến 0.2 A                                                                                                                     | 0.2 A                                                                                                                             |
| Công suất tiêu thụ (có Kết nối USB) | Đang in: khoảng 14.0 W (ISO/IEC24712)<br><br>Chế độ sẵn sàng: Khoảng 3.0 W<br>Chế độ ngủ: Khoảng 0.7 W<br>Tắt nguồn: Khoảng 0.2 W | Đang in: khoảng 14.0 W (ISO/IEC24712)<br><br>Chế độ sẵn sàng: Khoảng 3.0 W<br>Chế độ ngủ: Khoảng 0.7 W<br>Tắt nguồn: Khoảng 0.3 W |

## Phụ lục

**Lưu ý:**

- ☐ Kiểm tra nhãn trên máy in để biết điện áp.
- ☐ Với người dùng Châu Âu, xem trang web sau đây để biết chi tiết về công suất tiêu thụ.  
<http://www.epson.eu/energy-consumption>

**Thông số kỹ thuật môi trường**

|          |                                                                                                                                                                                                                                                     |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Vận hành | <p>Sử dụng máy in trong dải thông số được trình bày trong phần sau đây.</p>  <p>Nhiệt độ: 10 đến 35°C (50 đến 95°F)<br/>Độ ẩm: 20 đến 80% RH (không ngưng tụ)</p> |
| Bảo quản | <p>Nhiệt độ: -20 đến 40°C (-4 đến 104°F)*<br/>Độ ẩm: 5 đến 85% RH (không ngưng tụ)</p>                                                                                                                                                              |

\* Bạn có thể bảo quản trong một tháng ở nhiệt độ 40°C (104°F).

**Thông số kỹ thuật môi trường cho lọ mực in**

|                    |                                                                                    |
|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------|
| Nhiệt độ bảo quản  | -20 đến 40 °C (-4 đến 104 °F)*                                                     |
| Nhiệt độ đông lạnh | -15 °C (5 °F)<br>Mực tan ra và có thể sử dụng được sau khoảng 2 tại 25 °C (77 °F). |

\* Bạn có thể bảo quản trong một tháng ở 40 °C (104 °F).

**Yêu cầu hệ thống**

- ☐ Windows 10 (32 bit, 64 bit)/Windows 8.1 (32 bit, 64 bit)/Windows 8 (32 bit, 64 bit)/Windows 7 (32 bit, 64 bit)/Windows Vista (32 bit, 64 bit)/Windows XP SP3 trở lên (32 bit)/Windows XP Professional x64 Edition SP2 trở lên/Windows Server 2016/Windows Server 2012 R2/Windows Server 2012/Windows Server 2008 R2/Windows Server 2008/Windows Server 2003 R2/Windows Server 2003 SP2 trở lên
- ☐ macOS High Sierra/macOS Sierra/OS X El Capitan/OS X Yosemite/OS X Mavericks/OS X Mountain Lion/Mac OS X v10.7.x/Mac OS X v10.6.8

**Lưu ý:**

- ☐ Mac OS có thể không hỗ trợ một số ứng dụng và tính năng.
- ☐ Hệ thống file UNIX (UFS) cho Mac OS không được hỗ trợ.

## Thông tin pháp lý

### Tiêu chuẩn và phê chuẩn

#### Các tiêu chuẩn và phê chuẩn cho kiểu máy ở châu Âu

Đối với người dùng Châu Âu

Ở đây, Seiko Epson Corporation tuyên bố rằng kiểu thiết bị sóng vô tuyến sau tuân thủ Chỉ thị 2014/53/EU. Toàn bộ văn bản của tuyên bố của Liên minh châu Âu về tính tuân thủ có sẵn ở trang web sau.

<http://www.epson.eu/conformity>

B631A

Chỉ sử dụng ở Ireland, Vương quốc Anh, Áo, Đức, Liechtenstein, Thụy Sĩ, Pháp, Bỉ, Luxembourg, Hà Lan, Italy, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Đan Mạch, Phần Lan, Na Uy, Thụy Điển, Iceland, Croatia, Cyprus, Hy Lạp, Slovenia, Malta, Bulgaria, Czech, Estonia, Hungary, Latvia, Lithuania, Ba Lan, Romania và Slovakia.

Epson không thể chấp nhận trách nhiệm của bất kỳ tình huống nào không thỏa mãn các yêu cầu bảo vệ do việc sửa đổi không được khuyến nghị đối với sản phẩm.



#### Các tiêu chuẩn và phê chuẩn cho kiểu máy ở Úc

|     |                        |
|-----|------------------------|
| EMC | AS/NZS CISPR32 Class B |
|-----|------------------------|

Epson xin tuyên bố rằng các mẫu thiết bị sau đây tuân thủ các yêu cầu thiết yếu và các điều khoản liên quan khác của AS/NZS4268:

B631A

Epson không thể chấp nhận trách nhiệm của bất kỳ tình huống nào không thỏa mãn các yêu cầu bảo vệ do việc sửa đổi không được khuyến nghị đối với sản phẩm.

#### Phê duyệt kiểu ZICTA cho người dùng ở Zambia

Xem trang web sau để kiểm tra thông tin Phê duyệt kiểu ZICTA.

<https://support.epson.net/zicta/>

### Giới hạn sao chép

Quan sát các giới hạn sau nhằm đảm bảo việc sử dụng có trách nhiệm và hợp pháp với máy in.

Luật pháp cấm sao chép các mục sau:

- ☐ Hối phiếu ngân hàng, tiền xu, chứng khóa có thể giao dịch trên thị trường do chính phủ phát hành, trái phiếu của chính phủ và chứng khoán đô thị

## Phụ lục

- ☐ Tem bưu điện chưa sử dụng, bưu thiếp dán tem sẵn và các mặt hàng bưu chính chính thức khác có cước phí bưu chính hợp lệ
- ☐ Tem doanh thu do chính phủ phát hành và chứng khoán được phát hành theo thủ tục pháp lý

Thận trọng khi sao chép các mục sau:

- ☐ Chứng khoán tư nhân có thể giao dịch trên thị trường (chứng chỉ cổ phiếu, hối phiếu có thể chuyển nhượng, séc, v.v.), vé tháng, vé nhượng quyền, v.v.
- ☐ Hộ chiếu, giấy phép lái xe, giấy đăng kiểm cho mô-tô hạng nhẹ, vé cầu đường, phiếu thực phẩm, vé, v.v.

### **Lưu ý:**

*Pháp luật cũng có thể cấm sao chép các mục này.*

Sử dụng có trách nhiệm đối với tài liệu có bản quyền:

Máy in có thể bị sử dụng sai bằng việc sao chép không thích hợp các tài liệu có bản quyền. Trừ khi thực hiện dựa trên tư vấn của luật sư có kiến thức, hãy có trách nhiệm và tôn trọng bằng việc xin phép người giữ bản quyền trước khi sao chép tài liệu đã xuất bản.

---

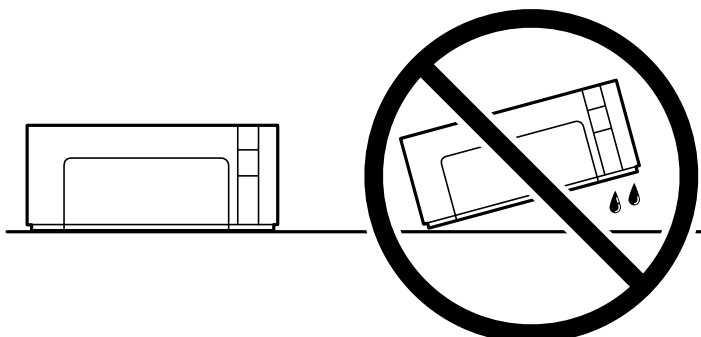
## Vận chuyển và bảo quản máy in

Khi bạn cần bảo quản máy in hoặc vận chuyển máy in để di chuyển hoặc sửa chữa, hãy thực hiện theo các bước dưới đây để đóng gói máy in.

## Phụ lục

**! Quan trọng:**

- ❑ Khi bảo quản hoặc vận chuyển máy in, đặt máy in vào túi nhựa và đóng gấp lại. Tránh làm nghiêng máy in, đặt theo chiều đứng hoặc lật úp máy in; nếu không mực có thể rò rỉ.



- ❑ Khi bảo quản hoặc vận chuyển lọ mực, không nghiêng lọ mực và không để lọ mực phải chịu tác động hoặc thay đổi nhiệt độ. Nếu không, mực có thể rò rỉ ngay cả khi nắp trên lọ mực được đóng chặt. Hãy nhớ để lọ mực thẳng đứng khi siết chặt nắp và áp dụng biện pháp để ngăn không cho mực bị rò rỉ khi vận chuyển lọ mực, ví dụ khi đặt lọ vào túi xách.
- ❑ Không đặt lọ mực in đã mở vào trong hộp cùng với máy in.



1. Tắt máy in bằng cách nhấn nút .
2. Đảm bảo rằng đèn nguồn tắt, sau đó rút dây nguồn.

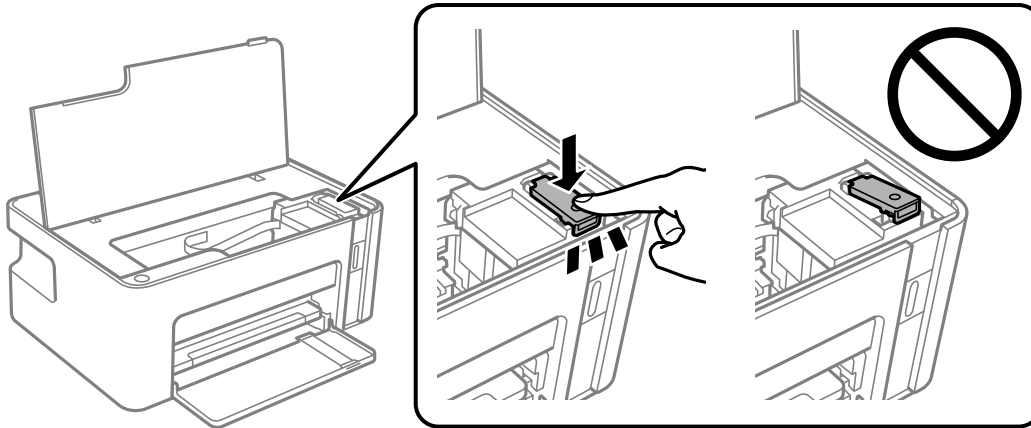
**! Quan trọng:**

Rút phích cắm điện khi đèn nguồn tắt. Nếu không, đầu in không quay lại vị trí gốc, khiến cho mực bị khô và có thể không in được.

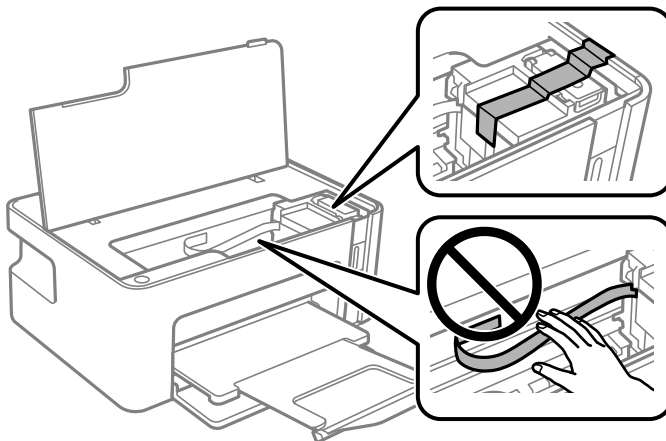
3. Ngắt kết nối tất cả các dây cáp như dây nguồn và cáp USB.
4. Lấy toàn bộ giấy ra khỏi máy in.

## Phụ lục

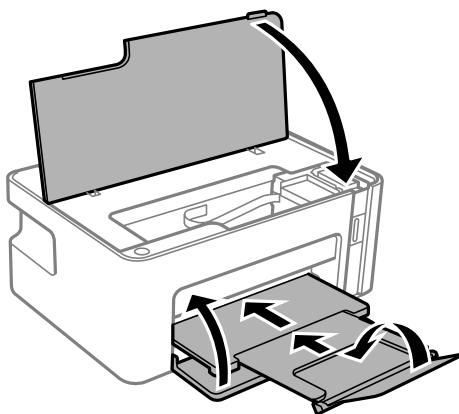
5. Mở nắp máy in. Đảm bảo rằng bạn lắp nắp chắc chắn vào hộp mực.



6. Giữ chặt hộp mực bằng băng dính.



7. Chuẩn bị đóng gói máy in như được trình bày dưới đây.



8. Đặt máy in vào túi nhựa và đóng gập lại.

## Phụ lục

## 9. Đóng gói máy in trong thùng đựng bằng các vật liệu bảo vệ.

**Quan trọng:**

*Đảm bảo rằng bạn giữ máy in nằm ngang khi vận chuyển hoặc bảo quản máy in bằng cách đặt máy in vào hộp; nếu không mực có thể rò rỉ.*

Khi bạn sử dụng lại máy in, đảm bảo rằng bạn gỡ bỏ băng dính giữ chặt hộp mực. Nếu chất lượng in suy giảm trong lần in tiếp theo, hãy làm sạch và căn chỉnh đầu in.

**Thông tin liên quan**

- ➔ “Tên và chức năng của các bộ phận” ở trang 13
- ➔ “Làm sạch đầu in (Vệ sinh đầu in)” ở trang 77
- ➔ “Căn chỉnh Đầu In” ở trang 80

## Bản quyền

Không được tái tạo, lưu trữ phần nào của ấn phẩm này trong hệ thống có thể truy xuất hoặc truyền ở bất cứ dạng nào hoặc bằng bất kỳ phương tiện nào, điện tử, cơ khí, photocopy, ghi lại hay nói cách khác là không có sự cho phép trước bằng văn bản của Seiko Epson Corporation. Không phải chịu trách nhiệm pháp lý về bằng sáng chế đối với việc sử dụng thông tin có ở đây. Không phải chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với các thiệt hại do việc sử dụng thông tin ở đây. Thông tin có ở đây chỉ được thiết kế để sử dụng với sản phẩm Epson này. Epson không chịu trách nhiệm đối với việc sử dụng thông tin này như đã áp dụng với các sản phẩm khác.

Seiko Epson Corporation và các công ty liên kết của nó đều không chịu trách nhiệm pháp lý đối với người mua sản phẩm này hoặc các bên thứ ba cho các thiệt hại, mất mát, chi phí hoặc phí mà người mua hoặc bên thứ ba phải chịu do tai nạn, sử dụng sai hoặc lạm dụng sản phẩm này hoặc các sửa đổi, sửa chữa hoặc thay thế trái phép sản phẩm này hoặc (trừ Hoa Kỳ) không tâm thủ nghiêm ngặt hướng dẫn vận hành và bảo trì của Seiko Epson Corporation.

Seiko Epson Corporation và các công ty liên kết của nó sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý đối với mọi thiệt hại hoặc sự cố nảy sinh từ việc sử dụng mọi tùy chọn hoặc mọi sản phẩm có thể tiêu hao nào ngoài những sản phẩm được chỉ định làm Sản phẩm Epson gốc hoặc Sản phẩm được Epson phê duyệt bởi Seiko Epson Corporation.

Seiko Epson Corporation sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý đối với mọi thiệt hại nảy sinh từ nhiễu điện từ xảy ra từ việc sử dụng cáp giao diện không phải là cáp được chỉ định làm Sản phẩm được Epson phê duyệt của Seiko Epson Corporation.

© 2023 Seiko Epson Corporation

Nội dung của hướng dẫn sử dụng này và các thông số kỹ thuật của sản phẩm này có thể thay đổi mà không cần thông báo.

## Thương hiệu

- ☐ QR Code is a registered trademark of DENSO WAVE INCORPORATED in Japan and other countries.
- ☐ Microsoft®, Windows®, Windows Server®, and Windows Vista® are registered trademarks of Microsoft Corporation.
- ☐ Apple, Macintosh, macOS, OS X, Bonjour, ColorSync, Safari, iPad, iPhone, iPod touch, and iTunes are trademarks of Apple Inc., registered in the U.S. and other countries.

## Phụ lục

- ☐ Google Cloud Print, Chrome, Chrome OS, Google Play and Android are trademarks of Google Inc.
- ☐ Adobe and Adobe Reader are either registered trademarks or trademarks of Adobe Systems Incorporated in the United States and/or other countries.
- ☐ Thông báo chung: Các tên sản phẩm khác được sử dụng ở đây chỉ nhằm mục đích nhận dạng và có thể là nhãn hiệu của các chủ sở hữu tương ứng. Epson tuyên bố miễn trừ bất kỳ và mọi quyền có trong các nhãn hiệu này.

## Nơi nhận trợ giúp

### Trang web hỗ trợ kỹ thuật

Nếu bạn cần trợ giúp thêm, vui lòng truy cập trang web hỗ trợ của Epson được trình bày dưới đây. Chọn quốc gia hoặc khu vực của bạn và vào phần hỗ trợ của trang web Epson tại địa phương của bạn. Cũng có các trình điều khiển mới nhất, Câu hỏi thường gặp, hướng dẫn sử dụng và các nội dung tải xuống khác tại trang web này.

<http://support.epson.net/>

<http://www.epson.eu/Support> (Châu Âu)

Nếu sản phẩm Epson hoạt động không chuẩn và bạn không thể giải quyết vấn đề, hãy liên hệ với dịch vụ hỗ trợ của Epson để được trợ giúp.

### Liên hệ với bộ phận hỗ trợ của Epson

#### Trước khi liên hệ với Epson

Nếu sản phẩm Epson hoạt động không bình thường và bạn không thể giải quyết vấn đề khi sử dụng thông tin khắc phục sự cố trong hướng dẫn sử dụng sản phẩm của bạn, hãy liên hệ với dịch vụ hỗ trợ của Epson để được trợ giúp thêm. Nếu bộ phận hỗ trợ của Epson cho khu vực của bạn không có trong danh sách dưới đây, hãy liên hệ với đại lý nơi bạn đã mua sản phẩm.

Bộ phận hỗ trợ của Epson sẽ có thể giúp bạn nhanh hơn rất nhiều nếu bạn cung cấp cho họ thông tin sau:

- ☐ Số sê-ri sản phẩm  
(Nhãn số sê-ri thường có ở mặt sau của sản phẩm.)
- ☐ Kiểu sản phẩm
- ☐ Phiên bản phần mềm của sản phẩm  
(Nhấp **About**, **Version Info** hoặc nút tương tự trong phần mềm sản phẩm.)
- ☐ Nhãn hiệu và kiểu máy tính của bạn
- ☐ Tên và phiên bản hệ điều hành máy tính của bạn
- ☐ Tên và phiên bản của các ứng dụng phần mềm bạn thường sử dụng cùng với sản phẩm

#### Lưu ý:

Tùy thuộc vào sản phẩm, cài đặt mạng có thể được lưu trữ trong bộ nhớ của sản phẩm. Do sản phẩm bị hỏng hoặc sửa chữa, cài đặt có thể bị mất. Epson sẽ không chịu trách nhiệm đối với việc mất mát dữ liệu do sao lưu hoặc khôi phục cài đặt ngay cả trong thời gian bảo hành. Chúng tôi khuyên bạn tạo dữ liệu sao lưu của mình hoặc ghi chú lại.

## Trợ giúp dành cho người dùng ở Châu Âu

Xem Tài liệu Bảo hành Pan-Châu Âu để biết thông tin về cách liên hệ với bộ phận hỗ trợ ở Châu Âu.

## Trợ giúp dành cho người dùng ở Đài Loan

Các mối liên hệ để nhận được thông tin, hỗ trợ và dịch vụ bao gồm:

### World Wide Web

<http://www.epson.com.tw>

Có thông tin về các thông số kỹ thuật sản phẩm, trình điều khiển để tải xuống và tra cứu sản phẩm.

### Trợ giúp của Epson

Điện thoại: +886-2-2165-3138

Nhóm Trợ giúp của chúng tôi có thể giúp bạn các công việc sau qua điện thoại:

- ☐ Tra cứu kinh doanh và thông tin sản phẩm
- ☐ Các câu hỏi về sử dụng sản phẩm hoặc vấn đề
- ☐ Tra cứu dịch vụ sửa chữa và bảo hành

### Trung tâm dịch vụ sửa chữa:

<http://www.tekcare.com.tw/branchMap.page>

Công ty TekCare là trung tâm bảo hành ủy quyền cho Epson Taiwan Technology & Trading Ltd.

## Trợ giúp dành cho người dùng ở Úc

Epson Australia muốn cung cấp cho bạn mức độ dịch vụ khách hàng cao hơn. Bên cạnh hướng dẫn sử dụng sản phẩm của bạn, chúng tôi cung cấp các nguồn tiếp nhận thông tin sau:

### Internet URL

<http://www.epson.com.au>

Truy cập các trang Worl Wide Web của Epson Australia. Thật đáng để thỉnh thoảng truy cập vào đây! Trang này cung cấp vùng tải xuống cho trình điều khiển, các địa điểm liên hệ của Epson, thông tin sản phẩm mới và hỗ trợ kỹ thuật (email).

### Trợ giúp của Epson

Điện thoại: 1300-361-054

Trợ giúp của Epson được cung cấp làm nơi dự phòng cuối cùng nhằm đảm bảo khách hàng của chúng tôi có thể tiếp cận dịch vụ tư vấn. Các nhân viên vận hành tại bộ phận Trợ giúp có thể giúp bạn cài đặt, cấu hình và vận hành sản phẩm Epson của bạn. Nhân viên Trợ giúp trước khi bán hàng của chúng tôi có thể cung cấp tài liệu về các sản phẩm Epson mới và tư vấn về đại lý hoặc đại lý dịch vụ gần nhất ở đâu. Chúng tôi có thể trả lời nhiều kiểu câu hỏi ở đây.

Chúng tôi khuyến khích bạn có sẵn toàn bộ thông tin liên quan khi gọi đến. Càng chuẩn bị nhiều thông tin, chúng tôi càng có thể giúp giải quyết vấn đề nhanh hơn. Thông tin này bao gồm hướng dẫn sử dụng sản phẩm Epson, kiểu máy tính, hệ điều hành, các chương trình ứng dụng và bất kỳ thông tin nào mà bạn cảm thấy cần có.

## Phụ lục

### Vận chuyển sản phẩm

Epson đề nghị giữ lại thùng đựng sản phẩm để vận chuyển sau này. Buộc chặt hộp mực bằng băng keo và cũng phải giữ sản phẩm thẳng đứng.

## Trợ Giúp Đối Với Người Dùng Ở New Zealand

Epson New Zealand muốn cung cấp cho bạn mức độ dịch vụ khách hàng cao cấp. Bên cạnh hướng dẫn sử dụng sản phẩm của bạn, chúng tôi cung cấp các nguồn sau để bạn thu thập thông tin:

### Internet URL

<http://www.epson.co.nz>

Truy cập các trang World Wide Web của Epson New Zealand. Thật đáng để thỉnh thoảng truy cập vào đây! Trang này cung cấp vùng tải xuống cho trình điều khiển, các địa điểm liên hệ của Epson, thông tin sản phẩm mới và hỗ trợ kỹ thuật (email).

### Trợ giúp của Epson

Điện thoại: 0800 237 766

Trợ giúp của Epson được cung cấp làm nơi dự phòng cuối cùng nhằm đảm bảo khách hàng của chúng tôi có thể tiếp cận dịch vụ tư vấn. Các nhân viên vận hành tại bộ phận Trợ giúp có thể giúp bạn cài đặt, cấu hình và vận hành sản phẩm Epson của bạn. Nhân viên Trợ giúp trước khi bán hàng của chúng tôi có thể cung cấp tài liệu về các sản phẩm Epson mới và tư vấn về đại lý hoặc đại lý dịch vụ gần nhất ở đâu. Chúng tôi có thể trả lời nhiều kiểu câu hỏi ở đây.

Chúng tôi khuyến khích bạn có sẵn toàn bộ thông tin liên quan khi gọi đến. Càng chuẩn bị nhiều thông tin, chúng tôi càng có thể giúp giải quyết vấn đề nhanh hơn. Thông tin này bao gồm hướng dẫn sử dụng sản phẩm Epson, loại máy tính, hệ điều hành, các chương trình ứng dụng và bất kỳ thông tin nào mà bạn cảm thấy cần thiết.

### Vận chuyển sản phẩm

Epson đề nghị giữ lại thùng đựng sản phẩm để vận chuyển sau này. Buộc chặt ống mực bằng băng keo và cũng phải giữ sản phẩm thẳng đứng.

## Trợ giúp dành cho người dùng ở Singapore

Nguồn thông tin, hỗ trợ và dịch vụ từ Epson Singapore bao gồm:

### World Wide Web

<http://www.epson.com.sg>

Có sẵn thông tin về thông số kỹ thuật sản phẩm, trình điều khiển để tải xuống, Câu hỏi thường gặp (FAQ), tra cứu kinh doanh và hỗ trợ kỹ thuật thông qua email.

### Trợ giúp của Epson

ĐT miễn phí: 800-120-5564

Nhóm Trợ giúp của chúng tôi có thể giúp bạn các công việc sau qua điện thoại:

- ☐ Tra cứu kinh doanh và thông tin sản phẩm
- ☐ Các câu hỏi về cách sử dụng sản phẩm hoặc khắc phục sự cố

## Phụ lục

- ☐ Các thắc mắc về dịch vụ sửa chữa và bảo hành

### Trợ giúp dành cho người dùng ở Thái Lan

Thông tin liên hệ về các dịch vụ, hỗ trợ và thông tin gồm:

#### World Wide Web

<http://www.epson.co.th>

Có sẵn thông tin về thông số kỹ thuật sản phẩm, trình điều khiển để tải xuống, Câu hỏi thường gặp (FAQ) và email.

#### Trung tâm chăm sóc khách hàng Epson

Điện thoại: 66-2460-9699

Email: support@eth.epson.co.th

Nhóm Trung tâm chăm sóc khách hàng của chúng tôi có thể giúp bạn các công việc sau qua điện thoại:

- ☐ Tra cứu kinh doanh và thông tin sản phẩm
- ☐ Các câu hỏi về sử dụng sản phẩm hoặc vấn đề
- ☐ Các thắc mắc về dịch vụ sửa chữa và bảo hành

### Trợ giúp dành cho người dùng ở Việt Nam

Thông tin liên hệ về các dịch vụ, hỗ trợ và thông tin gồm:

#### Trung tâm dịch vụ Epson

65 TRUNG ĐÌNH STREET . BEN THANH WA QUẬN 1 , THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.

Điện thoại (TP.Hồ Chí Minh): 84-8-3823-9239, 84-8-3825-6234

29 Tuệ Tĩnh , Quan Hai Bà Trưng , Thành phố Hà Nội , Việt Nam

Điện thoại (TP.Hà Nội): 84-4-3978-4785, 84-4-3978-4775

### Trợ giúp dành cho người dùng ở Indonesia

Thông tin liên hệ về các dịch vụ, hỗ trợ và thông tin gồm:

#### World Wide Web

<http://www.epson.co.id>

- ☐ Thông tin về thông số kỹ thuật sản phẩm, trình điều khiển để tải xuống
- ☐ Câu hỏi thường gặp (FAQ), Tra cứu kinh doanh, câu hỏi thông qua email

#### Đường dây nóng của Epson

Điện thoại: +62-1500-766

Fax: +62-21-808-66-799

## Phụ lục

Nhóm hỗ trợ qua đường dây nóng của chúng tôi có thể giúp bạn các công việc sau qua điện thoại hoặc fax:

- ☐ Tra cứu kinh doanh và thông tin sản phẩm
- ☐ Hỗ trợ kỹ thuật

## Trung tâm dịch vụ Epson

| Tỉnh               | Tên công ty              | Địa chỉ                                                                                                        | Điện thoại<br>E-mail                                                  |
|--------------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| DKI JAKARTA        | ESS JAKARTA<br>MANGGADUA | Ruko Mall Mangga Dua No. 48 Jl. Arteri<br>Mangga Dua, Jakarta Utara - DKI JAKARTA                              | (+6221) 62301104<br>jkt-admin@epson-indonesia.co.id                   |
| NORTH<br>SUMATERA  | ESC MEDAN                | Jl. Bambu 2 Komplek Graha Niaga Nomor<br>A-4, Medan - North Sumatera                                           | (+6261) 42066090 / 42066091<br>mdn-adm@epson-indonesia.co.id          |
| WEST JAWA          | ESC BANDUNG              | Jl. Cihampelas No. 48 A Bandung Jawa<br>Barat 40116                                                            | (+6222) 4207033<br>bdg-admin@epson-<br>indonesia.co.id                |
| DI<br>YOGYAKARTA   | ESC YOGYAKARTA           | YAP Square, Block A No. 6 Jl. C Simanjutak<br>Yogyakarta - DIY                                                 | (+62274) 581065<br>ygy-admin@epson-indonesia.co.id                    |
| EAST JAWA          | ESC SURABAYA             | Hitech Mall Lt. 2 Block A No. 24 Jl. Kusuma<br>Bangsa No. 116 - 118 Surabaya - JATIM                           | (+6231) 5355035<br>sby-admin@epson-indonesia.co.id                    |
| SOUTH<br>SULAWESI  | ESC MAKASSAR             | Jl. Cendrawasih NO. 3A, kunjung mae,<br>mariso, MAKASSAR - SULSEL 90125                                        | (+62411) 8911071<br>mksr-admin@epson-<br>indonesia.co.id              |
| WEST<br>KALIMANTAN | ESC PONTIANAK            | Komp. A yani Sentra Bisnis G33, Jl. Ahmad<br>Yani - Pontianak Kalimantan Barat                                 | (+62561) 735507 / 767049<br>pontianak-admin@epson-<br>indonesia.co.id |
| RIAU               | ESC PEKANBARU            | Jl. Tuanku Tambusai No.459A Pekanbaru<br>Riau                                                                  | (+62761) 8524695<br>pkb-admin@epson-<br>indonesia.co.id               |
| DKI JAKARTA        | ESS JAKARTA<br>SUDIRMAN  | Wisma Keiai Lt. 1 Jl. Jenderal Sudirman Kav.<br>3 Jakarta Pusat - DKI JAKARTA 10220                            | (+6221) 5724335<br>ess@epson-indonesia.co.id                          |
| EAST JAWA          | ESS SURABAYA             | Ruko Surya Inti Jl. Jawa No 2-4 Kav. 29<br>Surabaya - Jawa Timur                                               | (+6231) 5014949<br>esssby@epson-indonesia.co.id                       |
| BANTEN             | ESS SERPONG              | Ruko Mall WTC Matahari No. 953, Serpong-<br>Banten                                                             | (+6221) 53167051 / 53167052<br>esstag@epson-indonesia.co.id           |
| CENTRAL<br>JAWA    | ESS SEMARANG             | Komplek Ruko Metro Plaza Block C20 Jl. MT<br>Haryono No 970 Semarang - JAWA TENGAH                             | (+6224) 8313807 / 8417935<br>esssmg@epson-indonesia.co.id             |
| EAST<br>KALIMANTAN | ESC SAMARINDA            | Jl. KH. Wahid Hasyim (M. Yamin) Kelurahan<br>Sempaja Selatan Kecamatan Samarinda<br>UTARA - SAMARINDA - KALTIM | (+62541) 7272904<br>escsmd@epson-indonesia.co.id                      |

**Phụ lục**

| <b>Tỉnh</b>    | <b>Tên công ty</b> | <b>Địa chỉ</b>                                                                                       | <b>Điện thoại<br/>E-mail</b>                                |
|----------------|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| SOUTH SUMATERA | ESC PALEMBANG      | Jl. H.M Rasyid Nawawi No. 249 Kelurahan 9 Ilir Palembang Sumatera Selatan                            | (+62711) 311330<br>escplg@epson-indonesia.co.id             |
| EAST JAVA      | ESC JEMBER         | Jl. Panglima Besar Sudirman Ruko no.1D Jember-Jawa Timur (Depan Balai Penelitian & Pengolahan Kakao) | (+62331) 488373 / 486468<br>jmr-admin@epson-indonesia.co.id |
| NORTH SULAWESI | ESC MANADO         | Tekno Megamall Lt LG 11 TK 21, Kawasan Megamas Boulevard, Jl Piere Tendean, Manado - SULUT 95111     | (+62431) 8890996<br>MND-ADMIN@EPSON-INDONESIA.CO.ID         |

Đối với các thành phố khác chưa liệt kê ở đây, hãy gọi đến Đường dây nóng: 08071137766.

**Trợ giúp dành cho người dùng ở Hong Kong**

Để nhận hỗ trợ kỹ thuật cũng như các dịch vụ hậu mãi khác, người dùng được chào đón liên hệ với Epson Hong Kong Limited.

**Trang chủ trên Internet**

<http://www.epson.com.hk>

Epson Hong Kong đã thiết lập trang chủ địa phương bằng cả tiếng Trung Quốc và tiếng Anh trên Internet nhằm cung cấp cho người dùng thông tin sau:

- ☐ Thông tin sản phẩm
- ☐ Trả lời cho những câu hỏi thường gặp (FAQ)
- ☐ Các phiên bản mới nhất cho trình điều khiển sản phẩm của Epson

**Đường dây nóng hỗ trợ kỹ thuật**

Bạn cũng có thể liên hệ với nhân viên kỹ thuật của chúng tôi tại số điện thoại và số fax sau:

Điện thoại: 852-2827-8911

Fax: 852-2827-4383

**Trợ giúp dành cho người dùng ở Malaysia**

Các mối liên hệ để nhận được thông tin, hỗ trợ và dịch vụ bao gồm:

**World Wide Web**

<http://www.epson.com.my>

- ☐ Thông tin về thông số kỹ thuật sản phẩm, trình điều khiển để tải xuống
- ☐ Câu hỏi thường gặp (FAQ), Tra cứu kinh doanh, câu hỏi thông qua email

**Trung tâm chăm sóc khách hàng Epson**

Điện thoại: +60 1800-8-17349

## Phụ lục

- ☐ Tra cứu kinh doanh và thông tin sản phẩm
- ☐ Các câu hỏi về sử dụng sản phẩm hoặc vấn đề
- ☐ Các thắc mắc về dịch vụ sửa chữa và bảo hành

### Trụ sở

Điện thoại: 603-56288288

Fax: 603-5628 8388/603-5621 2088

## Trợ giúp dành cho người dùng ở Ấn Độ

Các mối liên hệ để nhận được thông tin, hỗ trợ và dịch vụ bao gồm:

### World Wide Web

<http://www.epson.co.in>

Có thông tin về các thông số kỹ thuật sản phẩm, trình điều khiển để tải xuống và tra cứu sản phẩm.

### Số điện thoại trợ giúp

- ☐ Thông tin dịch vụ, sản phẩm, và đặt mua hàng tiêu dùng (Điện thoại BSNL)  
Số ĐT miễn phí: 18004250011  
Có thể gọi đến từ 9 giờ sáng đến 6 giờ chiều, thứ Hai đến thứ Bảy (Ngoại trừ các ngày lễ)
- ☐ Dịch vụ (Người dùng CDMA & Di động)  
Số ĐT miễn phí: 186030001600  
Có thể gọi đến từ 9 giờ sáng đến 6 giờ chiều, thứ Hai đến thứ Bảy (Ngoại trừ các ngày lễ)

## Trợ giúp dành cho người dùng ở Philippines

Để nhận hỗ trợ kỹ thuật cũng như các dịch vụ hậu mãi khác, người dùng vui lòng liên hệ với Epson Philippines Corporation theo số điện thoại, số fax và địa chỉ email dưới đây:

### World Wide Web

<http://www.epson.com.ph>

Có sẵn thông tin về thông số kỹ thuật sản phẩm, trình điều khiển để tải xuống, Câu hỏi thường gặp (FAQ) và tra cứu qua email.

### Chăm sóc Khách hàng Epson Philippines

ĐT miễn phí: (PLDT) 1-800-1069-37766

ĐT miễn phí: (Kỹ thuật số) 1-800-3-0037766

Vùng thủ đô Manila: (+632)441-9030

Trang web: <https://www.epson.com.ph/contact>

E-mail: [customercare@epc.epson.som.ph](mailto:customercare@epc.epson.som.ph)

Có thể gọi đến từ 9 giờ sáng đến 6 giờ chiều, thứ Hai đến thứ Bảy (Ngoại trừ các ngày lễ)

Nhóm Chăm sóc Khách hàng của chúng tôi có thể giúp bạn các công việc sau qua điện thoại:

## Phụ lục

- ☐ Tra cứu kinh doanh và thông tin sản phẩm
- ☐ Các câu hỏi về sử dụng sản phẩm hoặc vấn đề
- ☐ Các thắc mắc về dịch vụ sửa chữa và bảo hành

### **Epson Philippines Corporation**

ĐT chính: +632-706-2609

Fax: +632-706-2663